

Phụ lục II
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC THÚ Y
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-BNNMT ngày..... tháng..... năm
2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1.	1.004756	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền của Cục Thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	Thú y	Luật số 79/2015/QH13 Nghị định số 35/2016/NĐ-CP; Thông tư số 101/2020/TT-BTC	Cục Chăn nuôi và Thú y
2.	1.004734	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP; Thông tư số 101/2020/TT-BTC	Cục Chăn nuôi và Thú y
3.	1.011474	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT; Thông tư số 101/2020/TT-BTC; Thông tư số 283/2016/TT-BTC	Cục Chăn nuôi và Thú y; Cục Thủy sản và Kiểm ngư
4.	1.011472	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT; Thông tư số 101/2020/TT-BTC; Thông tư số 283/2016/TT-BTC	Cục Chăn nuôi và Thú y; Cục Thủy sản và Kiểm ngư

5.	1.011476	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT; Thông tư số 101/2020/TT-BTC	Cục Chăn nuôi và Thú y; Cục Thủy sản và Kiểm ngư
6.	1.011473	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT; Thông tư số 101/2020/TT-BTC	Cục Chăn nuôi và Thú y; Cục Thủy sản và Kiểm ngư
7.	1.004881	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y; Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y (trong trường hợp thay đổi thành phần, công thức, dạng bào chế, đường dùng, liều dùng, chỉ định điều trị của thuốc thú y; thay đổi phương pháp, quy trình sản xuất mà làm thay đổi chất lượng sản phẩm; đánh giá lại chất lượng, hiệu quả, độ an toàn của thuốc thú y theo quy định)	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP; Thông tư số 101/2020/TT-BTC; Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT	Cục Chăn nuôi và Thú y
8.	1.003587	Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi, bổ sung tên sản phẩm; tên, địa điểm cơ sở đăng ký; tên, địa điểm cơ sở sản xuất; quy cách đóng gói của sản phẩm; hình thức nhãn thuốc; hạn sử dụng và thời gian ngừng sử dụng thuốc; chống chỉ định điều trị; liệu trình điều trị; những thay đổi nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả, độ an toàn của thuốc thú y)	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP; Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT	Cục Chăn nuôi và Thú y
9.	1.003576	Gia hạn giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT;	Cục Chăn nuôi và Thú y

				Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT; Nghị định 35/2016/NĐ-CP; Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT; Thông tư số 101/2020/TT-BTC	
10.	2.001872	Cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP) đối với cơ sở sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin	Thú y	Luật 79/2015/QH13; Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT; Nghị định số 123/2018/NĐ-CP; Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP; Thông tư số 101/2020/TT-BTC; Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT 80/2022/NĐ-CP	Cục Chăn nuôi và Thú y
11.	1.002992	Cấp lại Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP; Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT Nghị định số 80/2022/NĐ-CP	Cục Chăn nuôi và Thú y
12.	1.003026	Gia hạn Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP)	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTN; Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;	Cục Chăn nuôi và Thú y

				Nghị định số 35/2016/NĐ-CP; Thông tư số 101/2020/TT-BTC; Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT; Nghị định số 80/2022/NĐ-CP; Nghị định số 123/2018/NĐ-CP	
13.	1.003537	Cấp giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP; Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT; Thông tư số 101/2020/TT-BTC; Nghị định số 123/2018/NĐ-CP	Cục Chăn nuôi và Thú y
14.	1.003474	Cấp lại giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc thay đổi tên thuốc thú y, thông tin của tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm thuốc thú y)	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP	Cục Chăn nuôi và Thú y
15.	1.003462	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP; Thông tư số 101/2020/TT-BTC	Cục Chăn nuôi và Thú y

16.	1.002409	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT; Nghị định số 123/2018/NĐ-CP; Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP; Thông tư số 101/2020/TT-BTC; Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT	Cục Chăn nuôi và Thú y
17.	1.002373	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP	Cục Chăn nuôi và Thú y
18.	1.003703	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu	Thú y	Luật số 05/2007/QH12; Nghị định số 132/2008/NĐ-CP; Nghị định số 154/2018/NĐ-CP; Thông tư số 10/2018/TT-BNNPTNT; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; Nghị định số 43/2017/NĐ-CP; Thông tư số 283/2016/TT-BTC; Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT Thông tư số 101/2020/TT-BTC	Cục Chăn nuôi và Thú y
19.	1.003239	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y xuất khẩu theo yêu cầu của cơ sở	Thú y	Luật số 05/2007/QH12; Nghị định số 132/2008/NĐ-CP;	Cục Chăn nuôi và Thú y

				Thông tư số 283/2016/TT-BTC; Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT Thông tư số 101/2020/TT-BTC	
20.	1.002549	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT; Nghị định số 123/2018/NĐ-CP; Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP; Thông tư số 101/2020/TT-BTC; Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT	Cục Chăn nuôi và Thú y
21.	1.002432	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP	Cục Chăn nuôi và Thú y
22.	1.011325	Cấp, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất	Thú y	Nghị định số 105/2021/NĐ-CP; Thông tư số 12/2020/TT-BNNPTNT; Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT; Thông tư số 101/2020/TT-BTC	Cục Chăn nuôi và Thú y
23.	1.011326	Cấp, cấp lại, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất	Thú y	Nghị định số 105/2021/NĐ-CP	Cục Chăn nuôi và Thú y

		ma túy, tiền chất cùng trên dây chuyền sản xuất thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất		Thông tư số 12/2020/TT-BNNPTNT Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT	
24.	1.003161	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y.	Thú y	Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 101/2020/TT-BTC	Cục Chăn nuôi và Thú y
25.	1.003767	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước	Thú y	Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT; Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT	Cục Chăn nuôi và Thú y
26.	2.001524	Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	Thú y	Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT; Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT	Cục Chăn nuôi và Thú y
27.	1.003500	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	Thú y	Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT; Luật số 79/2015/QH13	Cục Chăn nuôi và Thú y
28.	1.003264	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT	Cục Chăn nuôi và Thú y

				Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT	
29.	1.002554	Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm động vật trên cạn	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT	Cục Chăn nuôi và Thú y
30.	2.001055	Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT	Cục Chăn nuôi và Thú y
31.	1.003407	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 283/2016/TT-BTC; Thông tư số 101/2020/TT-BTC	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền
32.	1.002496	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu mang theo người	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 283/2016/TT-BTC; Thông tư số 101/2020/TT-BTC	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền
33.	1.002571	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT;	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành

		cạn tham gia hội chợ, triển lãm		Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 283/2016/TT-BTC; Thông tư số 101/2020/TT-BTC	chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền
34.	2.001515	Cấp giấy vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản	Thú y	Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT; Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền
35.	1.003113	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP; Thông tư số 283/2016/TT-BTC; Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; Nghị định số 154/2018/NĐ-CP; Thông tư số 101/2020/TT-BTC; Nghị định số 13/2020/NĐ-CP; Nghị định số 46/2022/NĐ-CP; Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền
36.	1.003728	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm	Thú y	Luật số 79/2015/QH13	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức

				Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 283/2016/TT-BTC; Thông tư số 101/2020/TT-BTC; Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT	năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền
37.	2.001568	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 283/2016/TT-BTC; Thông tư số 101/2020/TT-BTC; Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền
38.	2.001544	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện	Thú y	Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT; Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 283/2016/TT-BTC; Thông tư số 101/2020/TT-BTC; Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền
39.	2.001558	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện	Thú y	Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT; Luật số 79/2015/QH13;	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý

				Thông tư số 283/2016/TT-BTC; Thông tư số 101/2020/TT-BTC; Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT	chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền
40.	2.001542	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập, xuất kho ngoại quan	Thú y	Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT; Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 283/2016/TT-BTC; Thông tư số 101/2020/TT-BTC; Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền
41.	1.002391	Đăng ký, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 283/2016/TT-BTC; Thông tư số 101/2020/TT-BTC; Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT	- Cục Chăn nuôi và Thú y (đối với Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan); - Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền (đối với Cấp giấy kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan)

42.	1.003478	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	Thú y	Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 101/2020/TT-BTC; Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền
43.	1.002439	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 101/2020/TT-BTC	Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền
44.	1.003581	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu dùng làm thực phẩm	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 283/2016/TT-BTC; Thông tư số 101/2020/TT-BTC	Cơ quan có thẩm quyền (Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường)

PHẦN II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1.	1.011475	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh)	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT; Thông tư số 101/2020/TT-BTC; Thông tư số 283/2016/TT-BTC	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh; Cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản cấp tỉnh

2.	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP; Nghị định số 123/2018/NĐ-CP; Thông tư số 101/2020/TT-BTC; Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh
3.	2.000873	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh	Thú y	Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 283/2016/TT-BTC; Thông tư số 101/2020/TT-BTC	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp huyện được ủy quyền
4.	1.002338	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư số 283/2016/TT-BTC; Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT; Thông tư số 101/2020/TT-BTC; Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT	Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh hoặc Trạm thuộc Chi cục có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được ủy quyền
5.	1.011478	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh)	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT;	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh; Cơ quan quản lý

				Thông tư số 101/2020/TT-BTC	chuyên ngành thủy sản cấp tỉnh
6.	1.004022	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	Thú y	Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT; Thông tư số 101/2020/TT-BTC	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh
7.	1.005319	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) - Cấp Tỉnh	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP; Thông tư số 101/2020/TT-BTC	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh
8.	1.011477	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh)	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT; Thông tư số 101/2020/TT-BTC	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh; Cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản cấp tỉnh
9.	1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Thú y	Luật 79/2015/QH13; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP; Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh
10.	1.011479	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh)	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT; Thông tư số 101/2020/TT-BTC	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh; Cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản cấp tỉnh
11.	2.001064	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh,	Thú y	Luật số 79/2015/QH13; Nghị định số 35/2016/NĐ-CP; Thông tư số 101/2020/TT-BTC	Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh

		chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)			
--	--	---	--	--	--

B. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

PHẦN I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG

1. Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền của Cục Thú y (gồm Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cá nhân có nhu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y nộp hồ sơ cho Cục Chăn nuôi và Thú y

Đối với cá nhân có nhu cầu gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y, nộp hồ sơ trước khi Chứng chỉ hành nghề hết hạn 30 ngày.

- Bước 2: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ quyết định việc cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y; trường hợp không cấp, gia hạn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp/gia hạn chứng chỉ hành nghề theo Phụ lục 3 Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ;

- Giấy chứng nhận sức khỏe;

- 02 ảnh 4x6.

Đối với trường hợp cấp mới, nộp thêm:

- Văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với từng loại hình hành nghề thú y;

- Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân;

- Lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (Đối với người nước ngoài);

- Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp (trong trường hợp gia hạn).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp cấp mới;

- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ trong trường hợp gia hạn.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề thú y.

Chứng chỉ hành nghề thú y có giá trị 05 năm; được sử dụng trong phạm vi cả nước.

g) Phí, lệ phí: 50.000 đồng/CCHN

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đăng ký cấp/gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y quy định tại Phụ lục 3 Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

** Người phụ trách kỹ thuật của cơ sở khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y được quy định như sau:*

- Cơ sở khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc dùng trong thú y cho động vật trên cạn phải có bằng đại học trở lên chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y, dược sỹ, cử nhân hóa dược, hóa học, sinh học;

- Cơ sở khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc dùng trong thú y cho động vật thủy sản phải có bằng Đại học trở lên chuyên ngành nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, dược sỹ, cử nhân hóa dược, hóa học, sinh học.

** Người phụ trách kỹ thuật của cơ sở sản xuất, kiểm nghiệm thuốc thú y được quy định như sau:*

- Cơ sở sản xuất, kiểm nghiệm thuốc là dược phẩm dùng trong thú y cho động vật trên cạn phải có bằng đại học trở lên chuyên ngành thú y, dược sỹ, hóa dược; dùng trong thú y cho động vật thủy sản phải có bằng đại học trở lên chuyên ngành nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, dược sỹ, hóa dược;

- Cơ sở sản xuất, kiểm nghiệm thuốc là vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y cho động vật trên cạn phải có bằng đại học trở lên chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y, dược sỹ, cử nhân hóa dược, hóa học, sinh học; dùng trong thú y cho động vật thủy sản phải có bằng đại học trở lên chuyên ngành nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản, sinh học, dược sỹ, cử nhân hóa dược, hóa học.

- Người hành nghề phải có đạo đức nghề nghiệp;

- Người hành nghề có đủ sức khỏe hành nghề.

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y
(Kèm theo Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ

CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Tên tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Địa chỉ thường trú:

Bằng cấp chuyên môn:

Ngày cấp:

Nay đề nghị Quý cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề:

- ☐ Sản xuất thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.
- ☐ Sản xuất thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.
- ☐ Xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.
- ☐ Xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.
- ☐ Khảo nghiệm thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.
- ☐ Khảo nghiệm thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.
- ☐ Kiểm nghiệm thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.
- ☐ Kiểm nghiệm thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.

Tại Doanh nghiệp/Công ty:

Địa chỉ hành nghề:

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm túc những quy định của pháp luật và của ngành thú y.

(**Ghi chú:** Nếu cá nhân đề nghị cấp CCHN sản xuất và xuất khẩu, nhập khẩu thì đánh dấu đồng thời vào cả hai ô sản xuất và xuất khẩu, nhập khẩu. Nộp 02 ảnh 4x6)

....., ngày..... tháng năm 20....

Người đứng đơn

Ký

(Ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ

GIA HẠN CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Tên tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Địa chỉ thường trú:

Đã được Cục Thú y cấp Chứng chỉ hành nghề thú y:

- ☐ Sản xuất thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.
- ☐ Sản xuất thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.
- ☐ Xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.
- ☐ Xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.
- ☐ Khảo nghiệm thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.
- ☐ Khảo nghiệm thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.
- ☐ Kiểm nghiệm thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.
- ☐ Kiểm nghiệm thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.

Tại Doanh nghiệp/Công ty:

.....

Số CCHN:

Ngày cấp:

Nay đề nghị Quý Cục cấp gia hạn Chứng chỉ hành nghề trên.

Gửi kèm Chứng chỉ hành nghề hết hạn và 02 ảnh 4x6.

....., ngày..... tháng năm 20....

Người đứng đơn

Ký

(Ghi rõ họ tên)

MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y

(Kèm theo Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ)

	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y
--	--

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y  Ảnh 4x6	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y <i>Căn cứ Luật thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y; Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-BNN-TCCB ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi và Thú y.</i> CỤC TRƯỞNG CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y Cấp cho Ông/Bà: Năm sinh:
--	---

SỐ ĐĂNG KÝ/CNTY-CCHN

Chứng chỉ có giá trị đến
.....

Địa chỉ thường trú:

Bảng cấp chuyên môn:

Được phép hành nghề:

Tại:

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

CỤC TRƯỞNG

2. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan có nhu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề nộp hồ sơ cho Cục Chăn nuôi và Thú y.

- Bước 2: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ quyết định việc cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y; trường hợp không cấp lại phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp lại chứng chỉ hành nghề;
- Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất;
- 02 ảnh 4x6.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề thú y.

Chứng chỉ hành nghề thú y có giá trị trong thời hạn 05 năm.

g) Phí, lệ phí: 50.000 đồng/CCHN

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: không

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;
- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y;
- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

3. Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Gửi hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với vùng đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật cấp xã, phường, thị trấn phục vụ xuất khẩu, hỗn hợp xuất khẩu và tiêu dùng trong nước), Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với vùng đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị hành chính tương đương), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với vùng đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân, chỉ đạo cơ quan chuyên môn, tổ chức lập hồ sơ đăng ký công nhận vùng an toàn dịch bệnh và gửi đến Cục Chăn nuôi và Thú y (đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật trên cạn), hoặc gửi đến Cục Thủy sản và Kiểm ngư (đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật thủy sản).

Bước 2: Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư tiếp nhận và thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư thông báo cho Ủy ban nhân dân về kế hoạch đánh giá thực tế tại vùng. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân để hoàn thiện.

Bước 3: Thành lập đoàn đánh giá và đi kiểm tra

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thẩm định xong nội dung của hồ sơ, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư tổ chức Đoàn đánh giá và thực hiện đánh giá tại vùng.

Bước 4: Đánh giá tại vùng

- Đánh giá trực tiếp tại vùng:
- + Đánh giá mức độ đáp ứng các quy định tại các Điều 22, 23 và Điều 25 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;
- + Kiểm tra việc quản lý thông tin, dữ liệu và hệ thống truy xuất nguồn gốc theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;
- + Lấy mẫu để xét nghiệm nếu phát hiện động vật có dấu hiệu nghi mắc bệnh hoặc không đảm bảo điều kiện an toàn sinh học;

+ Lập biên bản và thông báo kết quả đánh giá cho Ủy ban nhân dân, đồng thời báo cáo kết quả đánh giá bằng văn bản cho lãnh đạo Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản;

+ Thống nhất với Ủy ban nhân dân về thời gian, nội dung khắc phục sai lỗi với các trường hợp không đạt yêu cầu.

- Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh lây lan sang người hoặc dịch bệnh động vật nguy hiểm phải công bố dịch theo quy định của pháp luật về thú y, thực hiện đánh giá như sau:

+ Áp dụng hình thức đánh giá trực tuyến đối với vùng đáp ứng yêu cầu về nguồn lực, phương tiện kỹ thuật thực hiện (máy tính, đường truyền internet, ứng dụng phần mềm, máy ghi âm, ghi hình).

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, dữ liệu, tài liệu, hình ảnh, hồ sơ cung cấp cho Đoàn đánh giá;

+ Trường hợp cần thiết, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản tổ chức đánh giá trực tiếp tại vùng sau khi thiên tai, dịch bệnh đã được kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Bước 5: Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật

- Trường hợp vùng không phải khắc phục sai lỗi: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc đánh giá tại vùng hoặc kể từ ngày nhận kết quả xét nghiệm bệnh, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư cấp Giấy chứng nhận cho vùng đạt yêu cầu và bổ sung tên vùng vào danh sách cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật; trường hợp vùng có kết quả đánh giá không đạt yêu cầu, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Trường hợp vùng phải khắc phục sai lỗi: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo khắc phục sai lỗi, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư tiếp nhận và thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư thông báo bằng văn bản cho chủ cơ sở để hoàn thiện.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**** Thành phần hồ sơ:***

- Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;

- Bản mô tả thông tin về vùng đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

Đối với trường hợp vùng phải thực hiện khắc phục nếu kiểm tra thực tế tại cơ sở không đạt yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 29 Thông tư số

24/2022/TT-BNNPTNT, thành phần hồ sơ bao gồm báo cáo khắc phục sai lỗi.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày;

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày không kể thời gian vùng thực hiện khắc phục;

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại mục 1 Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT hoặc theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần (căn cứ khoản 1 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y).

- Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;

- Bản mô tả thông tin về vùng đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Vùng chăn nuôi do Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản xác định và đề nghị Ủy ban nhân dân nơi đăng ký công nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật quyết định và chỉ đạo tổ chức xây dựng;

- Hoạt động phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh động vật, kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trong vùng phải bảo đảm có đủ nguồn lực để kiểm soát được dịch bệnh theo quy định của pháp luật về thú y;

- Có biện pháp kiểm soát đối với động vật, sản phẩm động vật, phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trước khi vào vùng an toàn dịch bệnh động vật nhằm giảm thiểu nguy cơ tác nhân gây bệnh xâm nhiễm, lây lan trong vùng;

- Có kế hoạch và tổ chức thực hiện các biện pháp an toàn sinh học và ứng phó dịch bệnh theo quy định tại Điều 5 và Điều 8 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;

- Các cơ sở giết mổ động vật, chợ kinh doanh, cơ sở thu gom động vật mắc cảm với bệnh đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh trong vùng phải được Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y giám sát và tuân thủ quy định của pháp luật về thú y;

- Có kế hoạch và tổ chức thực hiện giám sát dịch bệnh động vật theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;

- Không xảy ra dịch bệnh động vật theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT, cụ thể:

- + Không có ca bệnh của bệnh đăng ký công nhận an toàn trong ít nhất 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký.

- + Có kết quả giám sát đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

- Hoạt động thú y tại vùng được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

Phụ lục II
MẪU VĂN BẢN ĐĂNG KÝ
CÔNG NHẬN VÙNG AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ỦY BAN NHÂN DÂN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

V/v đăng ký công nhận vùng an
toàn dịch bệnh động vật

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư

Thực hiện quy định tại Thông tư số .../2022/TT-BNNPTNT ngày ... tháng ... năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/huyện/tỉnh đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh.

1. Đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh

(Ghi rõ tên bệnh và tên loài động vật nuôi đăng ký công nhận an toàn).

2. Thị trường tiêu thụ

(Ghi rõ thị trường tiêu thụ: Nội địa, xuất khẩu, hỗn hợp).

3. Hồ sơ đăng ký

(Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH....
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV

BẢN MÔ TẢ THÔNG TIN VỀ VÙNG ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT (Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

A. BẢN MÔ TẢ THÔNG TIN VỀ VÙNG ĐĂNG KÝ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....., ngày tháng.....năm.. ..

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên vùng (tên xã/huyện/tỉnh):

Người đại diện Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

Mô tả về các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của vùng; tình hình chăn nuôi và dịch bệnh động vật trong vùng, hệ thống thú y, hệ thống thủy sản.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH AN TOÀN SINH HỌC

Nội dung chính bao gồm:

1. Các biện pháp chủ động phòng bệnh cho động vật nuôi theo quy định hiện hành.
2. Xác định các mối nguy (*liệt kê các mối nguy theo điều kiện tự nhiên và xã hội tại vùng*), phân tích nguy cơ.
3. Các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn nguy cơ tác nhân gây bệnh có thể xâm nhiễm từ ngoài vào hoặc lây lan bên trong vùng.
4. Kết quả thực hiện quy trình an toàn sinh học (*đánh giá kết quả theo từng quy trình và đánh giá hiệu quả việc thực hiện các quy trình*).
5. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch trong quá trình triển khai thực hiện (*nếu có*).

Ghi chú: Vùng cung cấp kế hoạch an toàn sinh học và các tài liệu, số liệu chứng minh việc triển khai tại thời điểm kiểm tra thực tế tại vùng.

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH GIÁM SÁT DỊCH BỆNH

Nội dung chính bao gồm:

1. Mô tả nội dung của kế hoạch giám sát dịch bệnh (bao gồm thời gian bắt đầu giám sát, thiết kế giám sát, ...).

2. Kết quả giám sát bị động (bao gồm thông tin về tổng đàn, tình trạng sức khỏe động vật nuôi, số lượng động vật mắc bệnh, thời gian xảy ra bệnh, số lượng mẫu xét nghiệm và kết quả xét nghiệm, ...).

3. Kết quả giám sát chủ động (bao gồm thông tin về tổng đàn, tần suất, thời gian lấy mẫu, số lượng mẫu, kết quả xét nghiệm, ...).

Ghi chú: Kết quả xét nghiệm, biên bản và báo cáo kết quả xử lý dịch bệnh trong trường hợp có kết quả dương tính với tác nhân gây bệnh - cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại vùng.

IV. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ DỊCH BỆNH

Nội dung chính bao gồm:

1. Các biện pháp đã áp dụng và kết quả xử lý động vật mắc bệnh.

2. Các biện pháp phòng bệnh đã áp dụng và kết quả thực hiện đối với động vật tại vùng.

3. Biện pháp và kết quả kiểm soát tác nhân gây bệnh đối với con người, phương tiện, nước thải, chất thải trong chăn nuôi.

4. Kết quả điều tra truy xuất nguồn bệnh xuất hiện tại vùng.

5. Kết quả thực hiện báo cáo dịch bệnh.

Ghi chú: Kết quả xét nghiệm, biên bản và báo cáo kết quả xử lý dịch bệnh trong trường hợp có kết quả dương tính với tác nhân gây bệnh - cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại vùng.

Phụ lục XII
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

1. Mẫu giấy chứng nhận do Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư cấp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT
CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y VIỆT NAM/CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ VIỆT NAM
DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH AND PRODUCTION/ DEPARTMENT OF FISHERIES AND SURVILANCE OF VIETNAM

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
CERTIFICATE OF DISEASE FREE STATUS FOR ESTABLISHMENT/ZONE

CHỨNG NHẬN
THIS IS TO CERTIFY THAT

Cơ sở/vùng:

The establishment/zone:

Địa chỉ:

Address:

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh:

In recognition of the free status in regard to the following disease(s):

Số (No.): /QĐ-CNTY-ATDB (Số (No.): /QĐ-TSKN-QLB)

Giấy chứng nhận này có giá trị đến.....

This certificate is valid to.....

....., ngày..... tháng năm ...

CỤC TRƯỞNG

Director General

4. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Gửi hồ sơ

Chủ cơ sở đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật phục vụ xuất khẩu, hỗn hợp xuất khẩu và tiêu dùng trong nước gửi hồ sơ đến Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư.

Bước 2: Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư tiếp nhận và thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư thông báo cho chủ cơ sở về kế hoạch đánh giá thực tế tại cơ sở. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư thông báo bằng văn bản cho chủ cơ sở để hoàn thiện.

Bước 3: Thành lập đoàn đánh giá và đi kiểm tra

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thẩm định xong nội dung của hồ sơ, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư thành lập Đoàn đánh giá và thực hiện đánh giá tại cơ sở.

Bước 4: Đánh giá tại cơ sở

- Đánh giá trực tiếp tại cơ sở:

+ Đánh giá mức độ đáp ứng các quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT. Đối với các nội dung có liên quan đã được cơ quan có thẩm quyền đánh giá đạt yêu cầu, cơ sở được miễn đánh giá các nội dung đó;

+ Kiểm tra việc quản lý thông tin, dữ liệu và hệ thống truy xuất nguồn gốc theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;

+ Kiểm tra kiến thức và thực hành của người phụ trách thú y tại cơ sở về các dấu hiệu để nhận biết dịch bệnh, các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, xử lý tình huống khi xuất hiện dịch bệnh động vật tại cơ sở;

+ Lấy mẫu để xét nghiệm nếu phát hiện động vật có dấu hiệu nghi mắc bệnh hoặc cơ sở không đảm bảo điều kiện an toàn sinh học;

+ Lập biên bản và thông báo kết quả đánh giá cho chủ cơ sở, đồng thời báo cáo kết quả đánh giá bằng văn bản cho lãnh đạo Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản;

+ Thống nhất với cơ sở về thời gian, nội dung khắc phục sai lỗi với các trường hợp chưa đạt yêu cầu.

- Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh lây lan sang người hoặc dịch bệnh động vật nguy hiểm phải công bố dịch theo quy định của pháp luật về thú y, thực hiện đánh giá như sau:

+ Áp dụng hình thức đánh giá trực tuyến đối với cơ sở đáp ứng yêu cầu về nguồn lực, phương tiện kỹ thuật thực hiện (máy tính, đường truyền internet, ứng dụng phần mềm, máy ghi âm, ghi hình);

+ Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, dữ liệu, tài liệu, hình ảnh, hồ sơ cung cấp cho Đoàn đánh giá;

+ Trường hợp cần thiết, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản tổ chức đánh giá trực tiếp tại cơ sở sau khi thiên tai, dịch bệnh đã được kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Bước 5: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

- Trường hợp cơ sở không phải khắc phục sai lỗi: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kết thúc việc đánh giá tại cơ sở hoặc kể từ ngày nhận kết quả xét nghiệm bệnh, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở đạt yêu cầu và bổ sung tên cơ sở vào danh sách cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật; trường hợp cơ sở có kết quả đánh giá không đạt yêu cầu, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Trường hợp cơ sở phải khắc phục sai lỗi: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo khắc phục sai lỗi, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư tiếp nhận và thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thông báo bằng văn bản cho chủ cơ sở để hoàn thiện.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**** Thành phần hồ sơ:***

- Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;

- Bản mô tả thông tin về cơ sở đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

Đối với trường hợp cơ sở phải thực hiện khắc phục nếu kiểm tra thực tế tại cơ sở không đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT, thành phần hồ sơ bao gồm báo cáo khắc phục sai lỗi.

**** Số lượng hồ sơ:*** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày;

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định:

25 ngày không kể thời gian cơ sở thực hiện khắc phục;

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư.

g) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại mục 1 Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT hoặc theo yêu cầu của nước nhập khẩu, có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 1.000.000 đồng/lần (căn cứ khoản 3 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y).

- Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đăng ký công nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

- Bản mô tả thông tin về cơ sở đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Vị trí địa lý đáp ứng các quy định của pháp luật về thú y, chăn nuôi, thủy sản; tách biệt với cơ sở khác có chăn nuôi cùng loài động vật cảm nhiễm; tách biệt với các nguồn có khả năng làm lây nhiễm bệnh đăng ký công nhận an toàn;

- Khu vực xử lý xác động vật, chất thải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và thú y; khu vực chăn nuôi ngăn cách với các khu vực khác của cơ sở; các khu vực có nguy cơ nhiễm chéo phải có biển cảnh báo và bố trí tách biệt với nhau, bao gồm: Kho để vật tư nông nghiệp; khu nuôi cách ly động vật; khu vực mổ khám; khu xử lý xác động vật; khu vệ sinh, khử trùng tiêu độc dụng cụ dùng trong chăn nuôi;

- Hệ thống xử lý nước cấp, nước thải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật để giảm thiểu nguy cơ mang tác nhân gây bệnh theo quy định hiện hành;

- Có biện pháp ngăn chặn động vật hoang dã, các loài động vật khác và vật chủ trung gian truyền bệnh xâm nhập vào khu vực chăn nuôi;

- Có hệ thống khử trùng, tiêu độc cho người, phương tiện, dụng cụ, trang thiết bị và vật tư cần thiết khác tại lối ra, vào cơ sở, khu vực chăn nuôi;

- Có trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển chuyên dụng, phù hợp với đối tượng chăn nuôi, dễ vệ sinh, khử trùng để giảm thiểu nguy cơ mang tác nhân gây bệnh;

- Có kế hoạch và tổ chức thực hiện các biện pháp an toàn sinh học theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

- Có kế hoạch và tổ chức thực hiện giám sát dịch bệnh động vật theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

- Không xảy ra dịch bệnh động vật: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT, cụ thể:

- + Đối với các cơ sở lần đầu có hoạt động chăn nuôi trong thời gian dưới 12 tháng tính đến thời điểm đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh được xem xét công nhận an toàn dịch bệnh khi đáp ứng:

- + Không có bệnh đăng ký công nhận an toàn trong khoảng thời gian từ khi bắt đầu hoạt động đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký công nhận;

- + Địa bàn cấp xã nơi có cơ sở đăng ký không có bệnh đăng ký công nhận an toàn trong ít nhất 12 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký;

- + Tần suất, phương pháp lấy mẫu thực hiện theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 7 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT. Mẫu giám sát có kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 6 Điều 7 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

- + Đối với các cơ sở không thuộc phạm vi quy định tại khoản trên: Không có bệnh đăng ký công nhận an toàn trong ít nhất 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký và mẫu giám sát có kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 6 Điều 7 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

- Hoạt động thú y tại cơ sở bảo đảm kiểm soát được dịch bệnh động vật.

- Thực hiện theo quy định tương ứng tại các Điều 14, 15, 19, 20, 25, 27, 28, 29, 32, 33 và Điều 35 Luật Thú y, quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định tại Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;

- Có kế hoạch và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó dịch bệnh theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

Phụ lục I**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ****CÔNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ**CÔNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư

1. Tên cơ sở :

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:.....

Cơ sở thuộc trường hợp:

☐ Mới xây dựng, lần đầu có hoạt động

☐ Cơ sở đã hoạt động.....năm, từ năm:

2. Tên chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại: Fax: Email:.....

3. Đăng ký cấp Giấy chứng nhận:

☐ Cấp ☐ Cấp lại, lý do xin cấp lại:

4. Đối tượng nuôi :

5. Loại hình hoạt động:

☐ Sản xuất giống ☐ Nuôi thương phẩm ☐ Làm cảnh

☐ Khác (ghi rõ):

6. Thị trường tiêu thụ: ☐ Nội địa ☐ Xuất khẩu ☐ Hỗn hợp

7. Cơ sở đăng ký công nhận an toàn đối với bệnh:

8. Hồ sơ đăng ký gồm (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định):.....

Tôi xin cam đoan các thông tin trên đây là hoàn toàn chính xác.

Đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh./.

Người làm đơn

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Phụ lục III**BẢN MÔ TẢ THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ
ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**A. BẢN MÔ TẢ THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN
AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN****I. THÔNG TIN CHUNG****1. Thông tin về cơ sở**

Tên cơ sở:

Người đại diện Chức vụ:

Địa chỉ:

Địa chỉ cơ sở:

Điện thoại: Email:

Vị trí địa lý: Kinh độ Vĩ độ:

Phân loại cơ sở:

☐ Sản xuất giống ☐ Thương phẩm ☐ Làm cảnh

☐ Khác

- Tổng diện tích đất tự nhiên.

- Vùng tiếp giáp xung quanh.

2. Cơ sở vật chất (Gửi kèm sơ đồ bố trí mặt bằng của cơ sở)

- Hàng rào (tường) ngăn cách: ☐ Có ☐ Không

- Khu hành chính gồm: Phòng thường trực: ☐ Có ☐ Không

Phòng giao dịch: ☐ Có ☐ Không

- Khu chăn nuôi: (sơ đồ bố trí mặt bằng khu chăn nuôi)

- Khu nhà kho: Có kho thức ăn riêng biệt, với diện tích

Có kho chứa dụng cụ, phương tiện chăn nuôi, với diện tích....

- Khu xử lý chất thải: Bể hoặc nơi tập trung chất thải: ☐ Có ☐ Không
(Nếu có, mô tả hệ thống xử lý chất thải).

- Khu cách ly: Động vật mới nhập: ☐ Có ☐ Không

Động vật bệnh: ☐ Có ☐ Không

- Khu vực xử lý động vật: ☐ Có ☐ Không
- Bảo hộ lao động cá nhân (quần, áo, ủng, mũ,...) dùng trong khu chăn nuôi: ☐ Có ☐ Không
- Phòng thay quần áo: ☐ Có ☐ Không
- Phòng tắm sát trùng trước khi vào khu chăn nuôi: ☐ Có ☐ Không
- Hồ sát trùng ở cổng trước khu chăn nuôi: ☐ Có ☐ Không

3. Quy mô, cơ cấu đàn, sản phẩm, sản lượng

Ghi rõ quy mô, cơ cấu, sản phẩm, sản lượng hàng năm.....

4. Nguồn nhân lực

Ghi rõ số lượng, trình độ chuyên môn của người quản lý kỹ thuật/phụ trách thú y của cơ sở; các khóa đào tạo, tập huấn đã tham gia và được cấp chứng nhận,

5. Hệ thống quản lý chăn nuôi

Mô tả việc thực hiện các quy định của pháp luật về chăn nuôi.

6. Tình hình dịch bệnh tại cơ sở

- Tình hình dịch bệnh động vật tại cơ sở trong 12 tháng qua.
- Công tác tiêm phòng hàng năm, đại trà, bổ sung, số lượng, tỷ lệ tiêm mỗi loại bệnh.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH AN TOÀN SINH HỌC

Nội dung chính bao gồm:

1. Các biện pháp chủ động phòng bệnh cho động vật nuôi theo quy định hiện hành.
2. Xác định các mối nguy (*liệt kê các mối nguy theo điều kiện tự nhiên và xã hội tại cơ sở*), phân tích nguy cơ.
3. Các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn nguy cơ tác nhân gây bệnh có thể xâm nhiễm từ ngoài vào hoặc lây lan bên trong cơ sở (*mô tả các quy trình an toàn sinh học tại cơ sở tương ứng với các mối nguy tại điểm 2 nêu trên*).
4. Kết quả thực hiện quy trình an toàn sinh học (*đánh giá kết quả theo từng quy trình và đánh giá hiệu quả việc thực hiện các quy trình*).
5. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch trong quá trình triển khai thực hiện (*nếu có*).

Ghi chú: Cơ sở cung cấp kế hoạch an toàn sinh học và các tài liệu, số liệu chứng minh việc triển khai tại thời điểm kiểm tra thực tế tại cơ sở.

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH GIÁM SÁT DỊCH BỆNH

Nội dung chính bao gồm:

1. Mô tả nội dung của kế hoạch giám sát dịch bệnh (*bao gồm thời gian bắt đầu giám sát, thiết kế giám sát, ...*).

2. Kết quả giám sát bị động (bao gồm thông tin về tổng đàn, tình trạng sức khỏe động vật nuôi, số lượng động vật mắc bệnh, thời gian xảy ra bệnh, số lượng mẫu xét nghiệm và kết quả xét nghiệm,...).

3. Kết quả giám sát chủ động (bao gồm thông tin về tổng đàn, tần suất, thời gian lấy mẫu, số lượng mẫu, kết quả xét nghiệm,...).

Ghi chú: Kết quả xét nghiệm, biên bản và báo cáo kết quả xử lý dịch bệnh trong trường hợp có kết quả dương tính với tác nhân gây bệnh – cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại cơ sở.

IV. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ DỊCH BỆNH

Nội dung chính bao gồm:

1. Các biện pháp đã áp dụng và kết quả xử lý động vật mắc bệnh.
2. Các biện pháp phòng bệnh đã áp dụng và kết quả thực hiện đối với động vật tại cơ sở.
3. Biện pháp và kết quả xử lý đối khu vực chăn nuôi (vệ sinh, tiêu độc, khử trùng,...).
4. Biện pháp và kết quả kiểm soát tác nhân gây bệnh đối với con người, phương tiện, nước thải, chất thải trong chăn nuôi.
5. Kết quả điều tra truy xuất nguồn bệnh xuất hiện tại cơ sở.
6. Kết quả thực hiện báo cáo dịch bệnh.

Ghi chú: Kết quả xét nghiệm, biên bản và báo cáo kết quả xử lý dịch bệnh trong trường hợp có kết quả dương tính với tác nhân gây bệnh – cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại cơ sở.

Phụ lục XII

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

1. Mẫu giấy chứng nhận do Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư cấp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

MINISTRY OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT

CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y VIỆT NAM/CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ VIỆT NAM

DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH AND PRODUCTION/ DEPARTMENT OF FISHERIES AND SURVILANCE OF VIETNAM

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

CERTIFICATE OF DISEASE FREE STATUS FOR ESTABLISHMENT/ZONE

CHỨNG NHẬN

THIS IS TO CERTIFY THAT

Cơ sở/vùng:

The establishment/zone:

Địa chỉ:

Address:

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh:

In recognition of the free status in regard to the following disease(s):

Số (No.): /QĐ-CNTY-ATDB (Số (No.): /QĐ-TSKN-QLB)

Giấy chứng nhận này có giá trị đến.....

This certificate is valid to.....

....., ngày..... tháng năm ...

CỤC TRƯỞNG

Director General

5. Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Gửi hồ sơ

Ủy ban nhân dân nơi đăng ký vùng an toàn dịch bệnh động vật đăng ký cấp lại Giấy nhận an toàn dịch bệnh động vật cấp xã phục vụ xuất khẩu, hỗn hợp xuất khẩu và tiêu dùng trong nước, vùng cấp huyện và cấp tỉnh gửi hồ sơ đến Cục Chăn nuôi và Thú y (đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật trên cạn), hoặc gửi đến Cục Thủy sản và Kiểm ngư (đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật thủy sản). Đối với vùng đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận do Giấy chứng nhận hết hiệu lực thì Ủy ban nhân dân gửi hồ sơ trong khoảng thời gian 03 tháng trước khi hết hiệu lực của Giấy chứng nhận.

Các vùng thuộc diện cấp lại gồm:

- + Vùng có Giấy chứng nhận hết hiệu lực theo quy định (sau 05 năm kể từ ngày cấp);
- + Vùng có Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận;
- + Vùng không thực hiện các biện pháp duy trì điều kiện an toàn dịch bệnh theo quy định hoặc không thực hiện khắc phục sai lỗi theo kết quả kiểm tra của Cơ quan thú y hoặc cung cấp hồ sơ, dữ liệu không chính xác trong trường hợp áp dụng hình thức đánh giá trực tuyến (theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 31 Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT) đã thực hiện các biện pháp khắc phục sai lỗi và thực hiện các biện pháp duy trì điều kiện an toàn dịch bệnh;
- + Vùng xảy ra bệnh hoặc phát hiện tác nhân gây bệnh đã được công nhận an toàn (theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 31 Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT); đã xử lý dịch bệnh theo quy định và thực hiện giám sát dịch bệnh theo quy định tại Điều 6 Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT.

Bước 2: Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, căn cứ kết quả đánh giá định kỳ hàng năm hoặc báo cáo khắc phục sai lỗi hoặc báo cáo xử lý dịch bệnh và kết quả giám sát dịch bệnh, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận cho vùng. Trường hợp không cấp lại, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

**** Thành phần hồ sơ:***

- Đối với vùng có Giấy chứng nhận hết hiệu lực hoặc vùng có Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông

tin về vùng trên Giấy chứng nhận: Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

- Đối với vùng đã thực hiện các biện pháp khắc phục sai lỗi và thực hiện các biện pháp duy trì điều kiện an toàn dịch bệnh:

+ Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;

+ Báo cáo khắc phục sai lỗi.

- Đối với vùng đã xử lý dịch bệnh và thực hiện giám sát dịch bệnh theo quy định:

+ Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;

+ Báo cáo xử lý dịch bệnh và kết quả giám sát dịch bệnh.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại mục 1 Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí:

Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần (căn cứ khoản 1 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y).

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Văn bản đăng ký công nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

Phụ lục II
MẪU VĂN BẢN ĐĂNG KÝ
CÔNG NHẬN VÙNG AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ỦY BAN NHÂN DÂN..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày ... tháng ... năm

V/v đăng ký công nhận vùng an
toàn dịch bệnh động vật

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư

Thực hiện quy định tại Thông tư số /2022/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/huyện/tỉnh đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh.

1. Đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh

(Ghi rõ tên bệnh và tên loài động vật nuôi đăng ký công nhận an toàn).

2. Thị trường tiêu thụ

(Ghi rõ thị trường tiêu thụ: Nội địa, xuất khẩu, hỗn hợp).

3. Hồ sơ đăng ký

(Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH....
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XII
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

1. Mẫu giấy chứng nhận do Cục Chăn nuôi và Thú y cấp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT
CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y VIỆT NAM/ CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU VIỆT NAM
DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH AND PRODUCTION/ DEPARTMENT OF FISHERIES AND SURVILANCE OF VIETNAM

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
CERTIFICATE OF DISEASE FREE STATUS FOR ESTABLISHMENT/ZONE

CHỨNG NHẬN
THIS IS TO CERTIFY THAT

Cơ sở/vùng:

The establishment/zone:

Địa chỉ:

Address:

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh:

In recognition of the free status in regard to the following disease(s):

Số (No.): /QĐ-CNTY-ATDB (Số (No.): /QĐ-TSKN-QLB)

Giấy chứng nhận này có giá trị đến.....

This certificate is valid to.....

....., ngày..... tháng năm ...

CỤC TRƯỞNG

Director General

6. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Gửi hồ sơ

Chủ cơ sở đăng ký cấp lại Giấy nhận an toàn dịch bệnh động vật đối với cơ sở phục vụ xuất khẩu, hỗn hợp xuất khẩu và tiêu dùng trong nước gửi hồ sơ đến Cục Chăn nuôi và Thú y (đối với trường hợp cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn), hoặc Cục Thủy sản và Kiểm ngư (đối với trường hợp cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản). Đối với cơ sở đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận do Giấy chứng nhận hết hiệu lực thì chủ cơ sở gửi hồ sơ trong khoảng thời gian 03 tháng trước khi hết hiệu lực của Giấy chứng nhận.

Các cơ sở thuộc diện cấp lại gồm:

+ Cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực theo quy định (sau 05 năm kể từ ngày cấp);

+ Cơ sở có Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin về cơ sở trên Giấy chứng nhận;

+ Cơ sở không thực hiện các biện pháp duy trì điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh theo quy định hoặc không thực hiện khắc phục sai lỗi theo kết quả kiểm tra của Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y hoặc cung cấp hồ sơ, dữ liệu không chính xác trong trường hợp áp dụng hình thức đánh giá trực tuyến tại cơ sở (theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 18 Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT) đã thực hiện các biện pháp khắc phục sai lỗi và thực hiện các biện pháp duy trì điều kiện an toàn dịch bệnh;

+ Cơ sở xảy ra bệnh hoặc phát hiện tác nhân gây bệnh đã được công nhận an toàn (theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT); đã xử lý dịch bệnh theo quy định và thực hiện giám sát dịch bệnh theo quy định tại Điều 6 Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT.

Bước 2: Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, căn cứ kết quả đánh giá định kỳ hàng năm hoặc báo cáo khắc phục sai lỗi hoặc báo cáo xử lý dịch bệnh và kết quả giám sát dịch bệnh, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận cho cơ sở. Trường hợp không cấp lại, Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực hoặc cơ sở có Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin về cơ sở trên Giấy chứng nhận: Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

- Đối với cơ sở đã thực hiện các biện pháp khắc phục sai lỗi và thực hiện các biện pháp duy trì điều kiện an toàn dịch bệnh:

+ Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;

+ Báo cáo khắc phục sai lỗi.

- Đối với cơ sở đã xử lý dịch bệnh và thực hiện giám sát dịch bệnh theo quy định:

+ Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;

+ Báo cáo xử lý dịch bệnh và kết quả giám sát dịch bệnh.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại mục 1 Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí:

Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 1.000.000 đồng/lần (căn cứ khoản 3 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y).

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đăng ký công nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

Phụ lục I
MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ
CÔNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CÔNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư

- 1. Tên cơ sở :**
Địa chỉ:
Điện thoại: Fax: Email:.....
Cơ sở thuộc trường hợp:
☐ Mới xây dựng, lần đầu có hoạt động
☐ Cơ sở đã hoạt động.....năm, từ năm:
2. Tên chủ cơ sở:
Địa chỉ thường trú:
Điện thoại: Fax: Email:.....
3. Đăng ký cấp Giấy chứng nhận:
☐ Cấp ☐ Cấp lại, lý do xin cấp lại:
4. Đối tượng nuôi :
5. Loại hình hoạt động:
☐ Sản xuất giống ☐ Nuôi thương phẩm ☐ Làm cảnh
☐ Khác (ghi rõ):
6. Thị trường tiêu thụ: ☐ Nội địa ☐ Xuất khẩu ☐ Hỗn hợp
7. Cơ sở đăng ký công nhận an toàn đối với bệnh:
8. Hồ sơ đăng ký gồm (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định):.....
Tôi xin cam đoan các thông tin trên đây là hoàn toàn chính xác.
Đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh./

Người làm đơn
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Phụ lục XII
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

1. Mẫu giấy chứng nhận do Cục Chăn nuôi và Thú y/Cục Thủy sản và Kiểm ngư cấp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT
CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y VIỆT NAM/CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGƯ VIỆT NAM
DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH AND PRODUCTION/ DEPARTMENT OF FISHERIES AND SURVILANCE OF VIETNAM

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
CERTIFICATE OF DISEASE FREE STATUS FOR ESTABLISHMENT/ZONE

CHỨNG NHẬN
THIS IS TO CERTIFY THAT

Cơ sở/vùng:

The establishment/zone:

Địa chỉ:

Address:

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh:

In recognition of the free status in regard to the following disease(s):

Số (No.): /QĐ-CNTY-ATDB (Số (No.): /QĐ-TSKN-QLB)

Giấy chứng nhận này có giá trị đến.....

This certificate is valid to.....

....., ngày..... tháng năm ...

CỤC TRƯỞNG

Director General

7. Cấp Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y; Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y (trong trường hợp thay đổi thành phần, công thức, dạng bào chế, đường dùng, liều dùng, chỉ định điều trị của thuốc thú y; thay đổi phương pháp, quy trình sản xuất mà làm thay đổi chất lượng sản phẩm; đánh giá lại chất lượng, hiệu quả, độ an toàn của thuốc thú y theo quy định)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Gửi hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký cho Cục Chăn nuôi và Thú y; Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký, Cục Chăn nuôi và Thú y có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký biết để hoàn thiện đối với những trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu.

Bước 2: Thẩm định hồ sơ, cấp giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y

Cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận hồ sơ đăng ký lưu hành, thẩm định hồ sơ, tổ chức họp Hội đồng khoa học chuyên ngành thuốc thú y, cấp giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT trong thời hạn như sau: 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với hồ sơ đăng ký sản xuất để xuất khẩu, sản xuất gia công, san chia; 40 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với hồ sơ đăng ký thuốc được miễn khảo nghiệm, chế phẩm sinh học để chẩn đoán; 06 tháng, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, đối với hồ sơ đăng ký thuốc mới, vắc xin, kháng thể, thuốc từ dược liệu.

Đối với thuốc thú y đã có giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam đăng ký sản xuất gia công, san chia, Cục Chăn nuôi và Thú y thẩm định hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y sản xuất gia công, san chia theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

Đối với thuốc thú y không có giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam sản xuất để xuất khẩu, Cục Chăn nuôi và Thú y thẩm định hồ sơ đăng ký, cấp giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y chỉ để xuất khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT hoặc theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

Bước 3: Trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận bổ sung vào Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam;

Đối với thuốc thú y đã có giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam đăng ký sản xuất gia công, san chia, Cục Chăn nuôi và Thú y không tổ chức họp Hội đồng khoa học chuyên ngành thuốc thú y

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tuyến;
- Dịch vụ bưu chính;
- Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

(1) Đối với thuốc thú y mới dạng dược phẩm, hóa chất, chế phẩm sinh học, hồ sơ đăng ký gồm:

- Đơn đăng ký lưu hành theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Tóm tắt đặc tính của sản phẩm theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Mẫu nhãn sản phẩm, tờ hướng dẫn sử dụng;

- Giấy chứng nhận GMP hoặc giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO) đối với một số loại hóa chất thông dụng, Giấy chứng nhận lưu hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước sản xuất cấp đối với thuốc nhập khẩu (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);

- Quy trình sản xuất;

- Tiêu chuẩn chất lượng và phương pháp kiểm nghiệm;

- Báo cáo về các số liệu chứng minh độ an toàn bao gồm cả tài liệu nghiên cứu về độc tính (độc tính cấp, độc tính bán trường diễn, trường diễn, độc tính tế bào, khả năng gây ung thư);

- Báo cáo về các số liệu chứng minh hiệu lực của sản phẩm bao gồm cả các tài liệu nghiên cứu về dược lý thực nghiệm; về dược lực học, dược động học và sinh khả dụng của sản phẩm;

- Những nghiên cứu về tồn dư trong tất cả các loài động vật được chỉ định dùng thuốc để xác định thời gian ngừng sử dụng thuốc;

- Tài liệu nghiên cứu về độ ổn định và hạn sử dụng của thuốc;

- Tài liệu nghiên cứu về liều dùng và liệu trình điều trị đối với từng loài động vật được chỉ định;

- Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm của nhà sản xuất và phiếu phân tích chất lượng sản phẩm của cơ quan kiểm nghiệm thuốc thú y được chỉ định tại Việt Nam cấp (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);

- Kết quả khảo nghiệm;

- Bản cam kết không vi phạm các quy định của luật sở hữu trí tuệ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Các thông tin kỹ thuật khác (nếu có).

(2) Đối với thuốc dạng dược phẩm, hóa chất, chế phẩm sinh học được miễn khảo nghiệm, hồ sơ đăng ký gồm:

- Đơn đăng ký lưu hành theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Tóm tắt đặc tính của sản phẩm theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Mẫu nhãn sản phẩm, tờ hướng dẫn sử dụng;

- Giấy chứng nhận GMP hoặc Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO) đối với một số loại hóa chất thông dụng, Giấy chứng nhận lưu hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước sản xuất cấp đối với thuốc nhập khẩu (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);

- Quy trình sản xuất;

- Tiêu chuẩn chất lượng và phương pháp kiểm nghiệm;

- Tài liệu nghiên cứu về độ ổn định và hạn sử dụng của thuốc;

- Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm của nhà sản xuất và phiếu phân tích chất lượng sản phẩm của cơ quan kiểm nghiệm thuốc thú y được chỉ định tại Việt Nam cấp (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);

- Bản cam kết không vi phạm các quy định của luật sở hữu trí tuệ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Những thông tin về thuốc gốc, thuốc Generic (tên sản phẩm, tên nhà sản xuất, công thức, dạng bào chế, công dụng, chỉ định điều trị, chống chỉ định, liều lượng sử dụng, thời gian ngừng sử dụng thuốc, những lưu ý đối với động vật được chỉ định, với người sử dụng và các đặc tính kỹ thuật khác của sản phẩm);

- Các thông tin kỹ thuật khác (nếu có).

(3) Đối với vắc xin, kháng thể, hồ sơ đăng ký gồm:

- Đơn đăng ký lưu hành theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành, kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Tóm tắt đặc tính của sản phẩm theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Mẫu nhãn sản phẩm, tờ hướng dẫn sử dụng;

- Giấy chứng nhận GMP, giấy phép lưu hành sản phẩm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước sản xuất cấp đối với sản phẩm nhập khẩu (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp);

- Quy trình sản xuất;

- Tiêu chuẩn chất lượng, phương pháp kiểm nghiệm vắc xin, kháng thể;

- Báo cáo về các số liệu chứng minh độ an toàn, hiệu lực của sản phẩm, bao gồm tài liệu nghiên cứu về hàm lượng và độ dài miễn dịch đối với vắc xin;

- Những nghiên cứu về tồn dư trong tất cả các loài động vật được chỉ định để xác định thời gian ngừng sử dụng vắc xin, kháng thể;

- Tài liệu nghiên cứu về độ ổn định, hồ sơ tóm tắt sản xuất từng lô của 3 lô

liên tiếp và đề xuất hạn sử dụng;

- Phương pháp xác định liều dùng và liệu trình sử dụng đối với từng loài động vật được chỉ định;

- Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm của nhà sản xuất, phiếu phân tích chất lượng sản phẩm của cơ quan kiểm nghiệm thuốc thú y được chỉ định tại Việt Nam (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp);

- Báo cáo kết quả khảo nghiệm về hiệu lực, an toàn của sản phẩm;

- Các tài liệu liên quan bao gồm: xuất xứ, lịch sử và độ ổn định của chủng vi sinh vật gốc dùng để chế vắc xin, kháng thể; thông tin và đặc tính của chủng vi sinh vật gốc dùng để sản xuất vắc xin, kháng thể đối với sản phẩm sản xuất trong nước; các tài liệu liên quan đến bản quyền và áp dụng chứng chỉ sản xuất vắc xin, kháng thể (nếu có);

- Các thông tin kỹ thuật khác như kết quả khảo nghiệm trong phạm vi phòng thí nghiệm, số liệu về việc sản phẩm đã được lưu hành tại các nước khác trên thế giới (nếu có).

(4) Đối với chế phẩm sinh học để chẩn đoán (KIT xét nghiệm), hồ sơ đăng ký gồm:

- Đơn đăng ký lưu hành theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành, kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Tóm tắt đặc tính của sản phẩm theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Mẫu nhãn sản phẩm; tờ hướng dẫn sử dụng;

- Giấy chứng nhận GMP hoặc giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO) hoặc giấy chứng nhận khác tương đương, giấy phép lưu hành sản phẩm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước sản xuất cấp đối với sản phẩm nhập khẩu (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);

- Phiếu phân tích chất lượng chế phẩm sinh học của cơ sở sản xuất, phiếu phân tích chất lượng chế phẩm sinh học do cơ quan kiểm nghiệm thuốc thú y được chỉ định tại Việt Nam cấp (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);

- Báo cáo về các số liệu chứng minh độ nhạy phân tích;

- Báo cáo về các số liệu chứng minh tính đặc hiệu của sản phẩm;

- Quy trình sản xuất;

- Tiêu chuẩn chất lượng, phương pháp kiểm nghiệm chế phẩm sinh học;

- Tài liệu nghiên cứu về độ ổn định, hồ sơ tóm tắt sản xuất từng lô của 3 lô liên tiếp và đề xuất hạn sử dụng;

- Báo cáo kết quả khảo nghiệm, bao gồm nội dung khảo nghiệm về độ nhạy phân tích, tính đặc hiệu của sản phẩm;

- Các tài liệu liên quan bao gồm: xuất xứ, lịch sử của chủng vi sinh vật gốc dùng để sản xuất chế phẩm sinh học; các tài liệu liên quan đến bản quyền và áp dụng chứng chỉ sản xuất chế phẩm sinh học (nếu có);

- Các thông tin kỹ thuật khác (nếu có).

(5) Đối với thuốc thú y từ dược liệu, hồ sơ đăng ký gồm:

- Đơn đăng ký lưu hành theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Tóm tắt đặc tính của sản phẩm theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Mẫu nhãn sản phẩm, tờ hướng dẫn sử dụng;

- Giấy chứng nhận GMP, giấy chứng nhận lưu hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước sản xuất cấp đối với thuốc nhập khẩu (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);

- Quy trình sản xuất;

- Tiêu chuẩn chất lượng và phương pháp kiểm nghiệm;

- Báo cáo về các số liệu chứng minh độ an toàn và hiệu quả của sản phẩm;

- Những nghiên cứu về tồn dư trong tất cả các loài động vật được chỉ định dùng thuốc để xác định thời gian ngừng sử dụng thuốc;

- Tài liệu nghiên cứu về độ ổn định và hạn sử dụng của thuốc;

- Tài liệu nghiên cứu về liều dùng và liệu trình điều trị đối với từng loài động vật được chỉ định;

- Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm của nhà sản xuất và phiếu phân tích chất lượng sản phẩm của cơ quan kiểm nghiệm thuốc thú y được chỉ định tại Việt Nam cấp (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);

- Bản cam kết không vi phạm các qui định của luật sở hữu trí tuệ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Các thông tin kỹ thuật khác (nếu có).

(6) Đối với thuốc thú y đã có giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam sản xuất gia công, san chia, hồ sơ đăng ký gồm:

- Đơn đăng ký sản xuất gia công, san chia theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT;

- Tóm tắt thông tin sản phẩm (tên, thành phần, dạng bào chế, quy cách đóng gói, công dụng, cách dùng, hạn sử dụng);

- Mẫu nhãn sản phẩm, tờ hướng dẫn sử dụng (nhãn đã đăng ký, nhãn gia công, san chia);

- Hợp đồng sản xuất gia công, san chia thuốc thú y giữa cơ sở đặt gia công,

san chia và cơ sở nhận gia công, san chia (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp);

- Quy trình sản xuất của bên đặt gia công, san chia;
- Tiêu chuẩn chất lượng và phương pháp kiểm nghiệm nguyên, phụ liệu ban đầu, bán thành phẩm và thành phẩm của bên đặt gia công, san chia;
- Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm của cơ sở nhận gia công, san chia (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp).

(7) Đối với thuốc thú y không có giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam sản xuất để xuất khẩu, hồ sơ đăng ký gồm:

- Đơn đăng ký sản xuất để xuất khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;
- Tóm tắt đặc tính của sản phẩm theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;
- Mẫu nhãn sản phẩm, tờ hướng dẫn sử dụng;
- Giấy chứng nhận GMP của cơ sở sản xuất (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);
- Quy trình sản xuất;
- Tiêu chuẩn chất lượng và phương pháp kiểm nghiệm;
- Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm của cơ sở sản xuất, phiếu phân tích chất lượng sản phẩm của cơ quan kiểm nghiệm thuốc thú y được chỉ định tại Việt Nam cấp (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);
- Bản cam kết thuốc sản xuất để xuất khẩu không tiêu thụ ở Việt Nam;
- Bản cam kết không vi phạm các quy định của luật sở hữu trí tuệ theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

Lưu ý:

- Hồ sơ đăng ký thuốc thú y sản xuất ở nước ngoài phải được viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Trường hợp hồ sơ viết bằng tiếng Anh, các thông tin trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc, tóm tắt đặc tính sản phẩm bắt buộc phải viết bằng tiếng Việt.
- Hồ sơ đăng ký thuốc thú y đối với hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp phải được soạn thảo trên khổ giấy A4, đóng chắc chắn. Hồ sơ phải có trang bìa và Mục lục, được sắp xếp theo đúng trình tự của Mục lục, có phân cách giữa các phần. Các phần phân cách phải được đánh số thứ tự để dễ tham khảo; mỗi thuốc thú y phải có hồ sơ đăng ký riêng.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với hồ sơ đăng ký sản xuất để xuất khẩu, sản xuất gia công, san chia;

- 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với hồ sơ đăng ký thuốc được miễn khảo nghiệm, chế phẩm sinh học để chẩn đoán;

- 06 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với hồ sơ đăng ký thuốc mới, vắc xin, kháng thể, thuốc từ dược liệu.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm;

- Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y sản xuất gia công, san chia theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

Thời hạn của Giấy chứng nhận có hiệu lực bằng thời gian hiệu lực của Hợp đồng sản xuất gia công, san chia thuốc thú y cộng với thời hạn sử dụng của sản phẩm và tối đa là 05 năm kể từ ngày cấp.

- Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y để xuất khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm

g) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định cấp số đăng ký lưu hành cho một loại thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản khi nộp hồ sơ đăng ký lưu hành:

- + Đăng ký mới: 1.350.000 đồng/loại thuốc;

- + Bổ sung, thay đổi đối với thuốc đã đăng ký (thay đổi thành phần công thức, dạng bào chế, đường dùng, liều dùng, chỉ định điều trị, quy trình sản xuất): 450.000 đồng/lần.

- Phí thẩm định và chứng nhận mậu dịch tự do (FSC), giấy chứng nhận sản phẩm thuốc (CPP), các giấy chứng nhận thuốc thú y để xuất khẩu: 180.000 đồng/1 loại.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đăng ký lưu hành theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Đơn đăng ký lưu hành theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành, kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Đơn đăng ký lưu hành theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm

theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Bản cam kết không vi phạm các quy định của luật sở hữu trí tuệ theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Tóm tắt đặc tính của sản phẩm theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Đơn đăng ký sản xuất gia công, san chia theo mẫu quy định tại Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT;

- Đơn đăng ký sản xuất để xuất khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Bản cam kết không vi phạm các quy định của luật sở hữu trí tuệ theo mẫu quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung các Thông tư về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

PHỤ LỤC I

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ĐK-CT

(Địa danh), ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH:

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Số Fax

Email:

Các chi nhánh (nếu có):

CƠ SỞ SẢN XUẤT

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Số Fax

Email:

Chúng tôi đăng ký lưu hành sản phẩm thuốc thú y sau đây:

1. Tên thương mại:
2. Dạng bào chế:
3. Hoạt chất, hàm lượng hoạt chất:

Khi được phép lưu hành, chúng tôi cam đoan chấp hành đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về thuốc thú y và các điều luật khác có liên quan.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC II

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH VẮC XIN, KHÁNG THỂ DÙNG TRONG THÚ Y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ĐK-CT

(Địa danh), ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH VẮC XIN, KHÁNG THỂ DÙNG TRONG THÚ Y

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH:

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Số Fax

Email:

Các chi nhánh (nếu có):

CƠ SỞ SẢN XUẤT

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Số Fax

Email:

Chúng tôi đăng ký lưu hành sản phẩm vắc xin, kháng thể sau đây:

1. Tên thương mại:
2. Dạng bào chế:
3. Hoạt chất, hàm lượng hoạt chất:

Khi được phép lưu hành, chúng tôi cam đoan chấp hành đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về thuốc thú y và các điều luật khác có liên quan.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC III**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH CHẾ PHẨM SINH HỌC ĐỂ CHẨN ĐOÁN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ĐK-CT

(Địa danh), ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH CHẾ PHẨM SINH HỌC ĐỂ CHẨN ĐOÁN

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH:

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Số Fax

Email:

Các chi nhánh (nếu có):

CƠ SỞ SẢN XUẤT

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Số Fax

Email:

Chúng tôi đăng ký lưu hành chế phẩm sinh học để chẩn đoán sau đây:

.....(tên sản phẩm).....

Khi được phép lưu hành, chúng tôi cam đoan chấp hành đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về thuốc thú y và các điều luật khác có liên quan.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC VII**MẪU GIẤY CAM KẾT ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ĐK-CT

(Địa danh), ngày tháng năm

GIẤY CAM KẾT

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ Luật sở hữu trí tuệ;

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH:

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Số Fax

Email:

Các chi nhánh (nếu có):

CƠ SỞ SẢN XUẤT

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Số Fax

Email:

Chúng tôi cam kết không vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm xin đăng ký lưu hành dưới đây:

Tên sản phẩm	Thành phần	Công dụng

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam và quốc tế

nếu vi phạm về quyền sở hữu trí tuệ.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC VIII
MẪU TÓM TẮT ĐẶC TÍNH CỦA SẢN PHẨM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÓM TẮT ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

1. Tên của sản phẩm
2. Dạng bào chế của sản phẩm
3. Đường dùng thuốc
4. Thành phần, hàm lượng hoạt chất và tá dược có trong công thức của sản phẩm
5. Đặc tính dược lực học, dược động học của sản phẩm
6. Chỉ định điều trị
7. Liều lượng sử dụng, cách dùng và đường dùng
8. Những cảnh báo khi sử dụng
 - a) Lưu ý khi sử dụng;
 - b) Tương tác với thuốc khác, các dạng tương tác khác;
 - c) Tác dụng không mong muốn khi sử dụng theo chỉ dẫn và liều dùng đã được khuyến cáo của sản phẩm;
 - d) Tác dụng không mong muốn trong trường hợp sử dụng quá liều và cách xử lý (nếu có);
 - đ) Thông tin về việc sử dụng sản phẩm cho gia súc mang thai, gia súc cho sữa và gia cầm đẻ trứng;
 - e) Chống chỉ định.
9. Cảnh báo cho người sử dụng thuốc để phòng, trị bệnh cho động vật
10. Thời gian ngừng sử dụng thuốc
11. Những thông tin về sử dụng thuốc
 - a) Hạn sử dụng (trước khi mở sản phẩm lần đầu; sau lần đầu mở sản phẩm);

- b) Điều kiện bảo quản sản phẩm;
 - c) Tính chất và dung lượng của bao bì đóng gói sản phẩm;
 - d) Chỉ dẫn đối với việc loại bỏ các phần của sản phẩm không được sử dụng.
12. Tên và địa chỉ của nhà sản xuất.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC IX

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF
AGRICULTURE AND
ENVIRONMENT
CỤC CHĂN NUÔI VÀ
THÚ Y
DEPARTMENT OF
ANIMAL HEALTH AND
PRODUCTION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y MARKETING AUTHORIZATION

Số/ No:

Tên sản phẩm /Name of product: ...

Số đăng ký/ Registration No:.....

Thành phần hoạt chất /Active Ingredients: ...

Công dụng /Indications:

Dạng bào chế /Dosage form:

Quy cách đóng gói/Packing Size:

Hạn dùng /Shelf-life: tháng

Tên cơ sở đăng ký lưu hành/ *Name of Marketing Authorization Holder:*

Địa chỉ/*Address:*

Số điện thoại/*Tel:*

Số Fax/*Fax. No:*

Tên cơ sở sản xuất /*Name of Manufacturer:*

Địa chỉ/*Address:*

Số điện thoại/*Tel:*

Số Fax/*Fax. No:*

Giấy chứng nhận lưu hành này có hiệu lực đến:

This marketing authorisation is valid until

Hà Nội, ngày tháng năm
Hanoi Date month year

CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL

PHỤ LỤC X

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT GIA CÔNG, SAN CHIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CƠ SỞ ĐẶT GIA CÔNG, CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SAN CHIA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ĐK-CT

(Địa danh), ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT GIA CÔNG, SAN CHIA

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

CƠ SỞ ĐẶT GIA CÔNG, SAN CHIA:

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Số Fax

Email:

CƠ SỞ NHẬN GIA CÔNG, SAN CHIA:

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Số Fax

Email:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất của cơ sở sản xuất gia công, san chia
(số:.....ngày tháng năm cấp)

Chúng tôi đăng ký lưu hành thuốc thú y sản xuất gia công, san chia sau đây:

.....(tên sản phẩm)....., số đăng ký:

Các công đoạn sản xuất gia công:

Khi được phép lưu hành, chúng tôi cam đoan chấp hành đúng các quy định của pháp luật Việt Nam về thuốc thú y và các điều luật khác có liên quan.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC XI

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y ĐỂ XUẤT KHẨU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
-----**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/ĐK-CT

(Địa danh), ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y ĐỂ XUẤT KHẨU

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH:

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Số Fax

Email:

CƠ SỞ SẢN XUẤT

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Số Fax

Email:

Chúng tôi đăng ký sản xuất thuốc thú y để xuất khẩu sau đây:

.....(tên sản phẩm).....

Khi được phép sản xuất, chúng tôi cam đoan sản phẩm chỉ dùng cho mục đích xuất khẩu.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC XII

MẪU GIẤY CAM KẾT SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y ĐỂ XUẤT KHẨU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ĐK-CT

(Địa danh), ngày tháng năm

GIẤY CAM KẾT

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ Luật sở hữu trí tuệ;

Căn Cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH:

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Số Fax

Email:

CƠ SỞ SẢN XUẤT

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Số Fax

Email:

Chúng tôi cam kết không vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ đối với sản phẩm xin đăng ký sản xuất để xuất khẩu dưới đây:

Tên thương mại	Thành phần	Công dụng

Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam và quốc tế nếu vi phạm về quyền sở hữu trí tuệ.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC XIII**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT GIA
CÔNG, SAN CHIA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF
AGRICULTURE AND
ENVIRONMENT
CỤC CHĂN NUÔI VÀ
THÚ Y
DEPARTMENT OF
ANIMAL HEALTH AND
PRODUCTION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

**GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y
(Thuốc sản xuất gia công, san chia)
MARKETING AUTHORIZATION**

Số/No:

Tên sản phẩm /Name of product: ...

Số đăng ký/ Registration number:.....

Thành phần hoạt chất /Active Ingredients: ...

Công dụng /Indications:

Dạng bào chế /Dosage form:

Quy cách đóng gói/Packing Size:

Hạn dùng /Shelf-life:

Tên cơ sở đăng ký lưu hành/ Name of Marketing Authorization Holder:

Địa chỉ/Address:

Số điện thoại/Tel:

Số Fax/Fax. No:

Tên cơ sở gia công, san chia /Name of Manufacturer:

Địa chỉ/Address:

Số điện thoại/Tel:

Số Fax/Fax. No:

Giấy chứng nhận lưu hành này có hiệu lực đến:

This marketing authorisation is valid until

Hà Nội, ngày tháng năm
Hanoi Date month year
CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL

PHỤ LỤC XIV

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y ĐỂ XUẤT KHẨU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF
AGRICULTURE AND
ENVIRONMENT
CỤC CHĂN NUÔI VÀ
THÚ Y
DEPARTMENT OF
ANIMAL HEALTH AND
PRODUCTION**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y ĐỂ XUẤT KHẨU
MARKETING AUTHORIZATION FOR EXPORT ONLY

Số/No:

Tên sản phẩm /Name of product: ...

Số đăng ký/ Registration No.:.....

Thành phần hoạt chất /Active Ingredients: ...

Dạng bào chế /Dosage form:

Quy cách đóng gói/Packing Size:

Tên cơ sở đăng ký lưu hành/ Name of Marketing Authorization Holder:

Địa chỉ/Address:

Số điện thoại/Tel:

Số Fax/Fax. No:

Tên cơ sở sản xuất/Name of Manufacturer:

Địa chỉ/Address:

Số điện thoại/Tel:

Số Fax/Fax. No:

Giấy chứng nhận lưu hành này có hiệu lực đến:

This marketing authorisation is valid until

Hà Nội, ngày tháng năm
Hanoi Date month year

CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL

8. Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi, bổ sung tên sản phẩm; tên, địa điểm cơ sở đăng ký; tên, địa điểm cơ sở sản xuất; quy cách đóng gói của sản phẩm; hình thức nhãn thuốc; hạn sử dụng và thời gian ngừng sử dụng thuốc; chống chỉ định điều trị; liệu trình điều trị; những thay đổi nhưng không ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả, độ an toàn của thuốc thú y).

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y cho Cục Chăn nuôi và Thú y.

Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y thẩm định hồ sơ và cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y nếu hồ sơ đạt yêu cầu; trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tuyến;
- Dịch vụ bưu chính;
- Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;
- Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi;
- Mẫu nhãn cũ, mới;
- Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y đã được cấp (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận, của doanh nghiệp đăng ký) trừ trường hợp bị mất.

Lưu ý:

- Hồ sơ đăng ký thuốc thú y sản xuất ở nước ngoài phải được viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Trường hợp hồ sơ viết bằng tiếng Anh, các thông tin trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc, tóm tắt đặc tính sản phẩm bắt buộc phải viết bằng tiếng Việt.

- Hồ sơ đăng ký thuốc thú y đối với hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp phải được soạn thảo trên khổ giấy A4, đóng chắc chắn. Hồ sơ phải có trang bìa và Mục lục, được sắp xếp theo đúng trình tự của Mục lục, có phân cách giữa các phần. Các phần phân cách phải được đánh số thứ tự để dễ tham khảo; mỗi thuốc thú y phải có hồ sơ đăng ký riêng.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y sản xuất gia công, san chia theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y để xuất khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

g) Phí, lệ phí: Không có

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung các Thông tư về quản lý thuốc thú y;

PHỤ LỤC IV

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ
NHÂN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

(Địa danh), ngày tháng năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC
THÚ Y**

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH:

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Số Fax

Email:

Các chi nhánh (nếu có):

CƠ SỞ SẢN XUẤT

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Số Fax

Email:

Chúng tôi đề nghị cấp lại giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y sau đây:

TT	Tên sản phẩm	Số ĐKLH	Lý do đề nghị cấp lại giấy chứng nhận lưu hành

Chúng tôi cam kết giữ nguyên các nội dung khác đúng như hồ sơ đăng ký lưu hành thuốc thú y.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC IX**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF
AGRICULTURE AND
ENVIRONMENT
CỤC CHĂN NUÔI VÀ
THÚ Y
DEPARTMENT OF
ANIMAL HEALTH AND
PRODUCTION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

**GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y
MARKETING AUTHORIZATION**

Số/ No:

Tên sản phẩm /Name of product: ...

Số đăng ký/ Registration No:.....

Thành phần hoạt chất /Active Ingredients: ...

Công dụng /Indications:

Dạng bào chế /Dosage form:

Quy cách đóng gói/Packing Size:

Hạn dùng /Shelf-life: tháng

Tên cơ sở đăng ký lưu hành/ Name of Marketing Authorization Holder:

Địa chỉ/Address:

Số điện thoại/Tel:

Số Fax/Fax. No:

Tên cơ sở sản xuất /Name of Manufacturer:

Địa chỉ/Address:

Số điện thoại/Tel:

Số Fax/Fax. No:

Giấy chứng nhận lưu hành này có hiệu lực đến:

This marketing authorisation is valid until

Hà Nội, ngày tháng năm
Hanoi Date month year

CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL

PHỤ LỤC XIII

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT GIA
CÔNG, SAN CHIA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF
AGRICULTURE AND
ENVIRONMENT
CỤC CHĂN NUÔI VÀ
THÚ Y
DEPARTMENT OF
ANIMAL HEALTH AND
PRODUCTION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y

(Thuốc sản xuất gia công, san chia)

MARKETING AUTHORIZATION

Số/No:

Tên sản phẩm /Name of product: ...

Số đăng ký/ Registration number:.....

Thành phần hoạt chất /Active Ingredients: ...

Công dụng /Indications:

Dạng bào chế /Dosage form:

Quy cách đóng gói/Packing Size:

Hạn dùng /Shelf-life:

Tên cơ sở đăng ký lưu hành/ *Name of Marketing Authorization Holder:*

Địa chỉ/*Address:*

Số điện thoại/*Tel:*

Số Fax/*Fax. No:*

Tên cơ sở gia công, san chia /*Name of Manufacturer:*

Địa chỉ/*Address:*

Số điện thoại/*Tel:*

Số Fax/*Fax. No:*

Giấy chứng nhận lưu hành này có hiệu lực đến:

This marketing authorisation is valid until

Hà Nội, ngày tháng năm

Hanoi Date month year

CỤC TRƯỞNG

DIRECTOR GENERAL

PHỤ LỤC XIV

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y ĐỂ XUẤT KHẨU

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF
AGRICULTURE AND
ENVIRONMENT
CỤC CHĂN NUÔI VÀ
THÚ Y
DEPARTMENT OF
ANIMAL HEALTH AND
PRODUCTION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y ĐỂ XUẤT KHẨU MARKETING AUTHORIZATION FOR EXPORT ONLY

Số/No:

Tên sản phẩm /*Name of product*: ...

Số đăng ký/ *Registration No.*:.....

Thành phần hoạt chất /*Active Ingredients*: ...

Dạng bào chế /*Dosage form*:

Quy cách đóng gói/*Packing Size*:

Tên cơ sở đăng ký lưu hành/ *Name of Marketing Authorization Holder*:

Địa chỉ/*Address*:

Số điện thoại/*Tel*:

Số Fax/*Fax. No*:

Tên cơ sở sản xuất/*Name of Manufacturer*:

Địa chỉ/*Address*:

Số điện thoại/*Tel*:

Số Fax/*Fax. No*:

Giấy chứng nhận lưu hành này có hiệu lực đến:

This marketing authorisation is valid until

Hà Nội, ngày tháng năm

Hanoi Date month year

CỤC TRƯỞNG

DIRECTOR GENERAL

9. Gia hạn Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trước thời hạn 03 tháng tính đến ngày hết hạn của Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y; tổ chức, cá nhân có nhu cầu gia hạn nộp hồ sơ đăng ký gia hạn về Cục Chăn nuôi và Thú y.

Bước 2: Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y thẩm định hồ sơ và gia hạn Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y nếu hồ sơ đạt yêu cầu; trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tuyến;
- Dịch vụ bưu chính;

- Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn gia hạn Giấy chứng nhận lưu hành theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Bản sao Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y còn hiệu lực;

- Giấy chứng nhận GMP hoặc Giấy chứng nhận ISO hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y; Giấy chứng nhận lưu hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước sản xuất cấp đối với thuốc nhập khẩu (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);

- Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm của cơ sở sản xuất hoặc của cơ quan kiểm nghiệm thuốc thú y được chỉ định tại Việt Nam cấp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đối với dược phẩm, hóa chất, chế phẩm sinh học; phiếu phân tích chất lượng sản phẩm của cơ sở sản xuất và của cơ quan kiểm nghiệm thuốc thú y được chỉ định tại Việt Nam cấp trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đối với vắc xin, kháng thể (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);

- Hợp đồng sản xuất gia công, san chia thuốc thú y giữa bên đặt gia công, san chia và bên nhận gia công, san chia đối với thuốc sản xuất gia công, san chia;

- Báo cáo theo dõi độ ổn định sản phẩm ở điều kiện bảo quản;

- Báo cáo quá trình lưu hành thuốc theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

Lưu ý:

- Hồ sơ đăng ký thuốc thú y sản xuất ở nước ngoài phải được viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh. Trường hợp hồ sơ viết bằng tiếng Anh, các thông tin trong tờ hướng dẫn sử dụng thuốc, tóm tắt đặc tính sản phẩm bắt buộc phải viết bằng tiếng Việt.

- Hồ sơ đăng ký thuốc thú y đối với hình thức nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp phải được soạn thảo trên khổ giấy A4, đóng chắc chắn. Hồ sơ phải có trang bìa và Mục lục, được sắp xếp theo đúng trình tự của Mục lục, có phân cách giữa các phần. Các phần phân cách phải được đánh số thứ tự để dễ tham khảo; mỗi thuốc thú y phải có hồ sơ đăng ký riêng.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT; Giấy chứng nhận xuất khẩu thuốc thú y.

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm

- Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y sản xuất gia công, san chia theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

Thời hạn của Giấy chứng nhận có hiệu lực bằng thời gian hiệu lực của Hợp đồng sản xuất gia công, san chia thuốc thú y cộng với thời hạn sử dụng của sản phẩm và tối đa là 05 năm kể từ ngày cấp.

- Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y để xuất khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 05 năm.

g) Phí, lệ phí:

Phí thẩm định cấp số đăng ký lưu hành cho một loại thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản khi nộp hồ sơ đăng ký lưu hành: 675.000 đồng/loại thuốc.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn gia hạn Giấy chứng nhận lưu hành theo mẫu quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Báo cáo quá trình lưu hành thuốc theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung các Thông tư về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy

định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

PHỤ LỤC V

MẪU ĐƠN GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ĐK-CT

(Địa danh), ngày tháng năm

ĐƠN GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH (ĐẶT GIA CÔNG, SAN CHIA):

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Số Fax

Email:

Các chi nhánh (nếu có):

CƠ SỞ SẢN XUẤT (NHẬN GIA CÔNG, SAN CHIA):

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Số Fax

Email:

Chúng tôi đăng ký gia hạn lưu hành các sản phẩm thuốc thú y sau đây:

TT	Tên sản phẩm	Số đăng ký lưu hành	Số GCN lưu hành, ngày, tháng, năm cấp

--	--	--	--

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC VI

MẪU BÁO CÁO QUÁ TRÌNH LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BÁO CÁO QUÁ TRÌNH LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y
(Từ khi được cấp giấy chứng nhận lưu hành đến khi đăng ký gia hạn)

1. Tên tổ chức, cá nhân đăng ký lưu hành:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Số Fax:

2. Tên sản phẩm, số đăng ký đã được cấp:

3. Dạng bào chế của sản phẩm:

4. Hoạt chất, hàm lượng hoạt chất:

5. Lưu hành trên thị trường:

Có ☐ Không ☐

Vi phạm chất lượng

Có ☐ Không ☐

Nếu có thì ghi rõ:

Số lần sai phạm:

Loại vi phạm:

6. Vi phạm quy chế, quy định liên quan đến đăng ký lưu hành thuốc thú y

Có ☐ Không ☐

Nếu có thì ghi rõ:

Số lần sai phạm:

Loại vi phạm:

7. Thay đổi trong thời gian giấy phép lưu hành còn hiệu lực

Có ☐ Không ☐

Nếu có thay đổi thì phải gửi kèm theo bản sao công văn cho phép

8. Thay đổi khi đăng ký lại (giấy phép lưu hành gần hết hoặc hết hiệu lực)

Có ☐ Không ☐

Nếu có thay đổi thì phải ghi rõ nội dung thay đổi so với hồ sơ đăng ký đã được duyệt:

Nếu không có thay đổi thì phải cam kết không có bất kỳ sự thay đổi nào so với hồ sơ đăng ký đã được duyệt.

9. Những ý kiến khác từ khách hàng về sản phẩm thuốc thú y khi lưu hành trên thị trường:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC IX

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG**

**MINISTRY OF
AGRICULTURE AND
ENVIRONMENT**

**CỤC CHĂN NUÔI VÀ
THÚ Y**

**DEPARTMENT OF
ANIMAL HEALTH AND
PRODUCTION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y MARKETING AUTHORIZATION

Số/ No:

Tên sản phẩm /Name of product: ...

Số đăng ký/ Registration No:.....

Thành phần hoạt chất /Active Ingredients: ...

Công dụng /Indications:

Dạng bào chế /Dosage form:

Quy cách đóng gói/Packing Size:

Hạn dùng /Shelf-life: tháng

Tên cơ sở đăng ký lưu hành/ Name of Marketing Authorization Holder:

Địa chỉ/Address:

Số điện thoại/Tel:

Số Fax/Fax. No:

Tên cơ sở sản xuất /Name of Manufacturer:

Địa chỉ/Address:

Số điện thoại/Tel:

Số Fax/Fax. No:

Giấy chứng nhận lưu hành này có hiệu lực đến:

This marketing authorisation is valid until

Hà Nội, ngày tháng năm

Hanoi Date month year

CỤC TRƯỞNG

DIRECTOR GENERAL

PHỤ LỤC XIII

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT GIA
CÔNG, SAN CHIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF
AGRICULTURE AND
ENVIRONMENT
CỤC CHĂN NUÔI VÀ
THÚ Y
DEPARTMENT OF
ANIMAL HEALTH AND
PRODUCTION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y
(Thuốc sản xuất gia công, san chia)
MARKETING AUTHORIZATION

Số/No:

Tên sản phẩm /*Name of product*: ...

Số đăng ký/ *Registration number*:.....

Thành phần hoạt chất /*Active Ingredients*: ...

Công dụng /*Indications*:

Dạng bào chế /*Dosage form*:

Quy cách đóng gói/*Packing Size*:

Hạn dùng /*Shelf-life*:

Tên cơ sở đăng ký lưu hành/ *Name of Marketing Authorization Holder*:

Địa chỉ/*Address*:

Số điện thoại/*Tel*:

Số Fax/*Fax. No*:

Tên cơ sở gia công, san chia /*Name of Manufacturer*:

Địa chỉ/*Address*:

Số điện thoại/*Tel*:

Số Fax/*Fax. No*:

Giấy chứng nhận lưu hành này có hiệu lực đến:

This marketing authorisation is valid until

Hà Nội, ngày tháng năm

Hanoi Date month year

CỤC TRƯỞNG

DIRECTOR GENERAL**PHỤ LỤC XIV****MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y ĐỂ XUẤT
KHẨU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF
AGRICULTURE AND
ENVIRONMENT
CỤC CHĂN NUÔI VÀ
THÚ Y
DEPARTMENT OF
ANIMAL HEALTH AND
PRODUCTION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness**

**GIẤY CHỨNG NHẬN LƯU HÀNH THUỐC THÚ Y ĐỂ XUẤT KHẨU
MARKETING AUTHORIZATION FOR EXPORT ONLY**

Số/No:

Tên sản phẩm /Name of product: ...

Số đăng ký/ Registration No.:.....

Thành phần hoạt chất /Active Ingredients: ...

Dạng bào chế /Dosage form:

Quy cách đóng gói/Packing Size:

Tên cơ sở đăng ký lưu hành/ Name of Marketing Authorization Holder:

Địa chỉ/Address:

Số điện thoại/Tel:

Số Fax/Fax. No:

Tên cơ sở sản xuất/Name of Manufacturer:

Địa chỉ/Address:

Số điện thoại/Tel:

Số Fax/Fax. No:

Giấy chứng nhận lưu hành này có hiệu lực đến:

This marketing authorisation is valid until

Hà Nội, ngày tháng năm

Hanoi Date month year

CỤC TRƯỞNG
DIRECTOR GENERAL

10. Cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP) đối với cơ sở sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận GMP tới Cục Chăn nuôi và Thú y theo một trong các hình thức: trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký, Cục Chăn nuôi và Thú y thẩm định hồ sơ, yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ không đạt

Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra GMP, đồng thời thông báo lịch kiểm tra cho cơ sở và tiến hành kiểm tra

Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, nếu cơ sở đạt yêu cầu Cục Chăn nuôi và Thú y cấp Giấy chứng nhận GMP, nếu cơ sở không đạt yêu cầu phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không đạt.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tuyến;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Đơn đăng ký kiểm tra GMP theo phụ lục XXVIII Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT;

- Bản chính Sơ đồ tổ chức và nhân sự của cơ sở;

- Bản chính Chương trình, tài liệu đào tạo, đánh giá kết quả đào tạo GMP tại cơ sở;

- Bản chính Danh mục thiết bị sản xuất, bảo quản và thiết bị kiểm tra chất lượng;

- Bản chính Danh mục các quy trình thao tác chuẩn;
- Bản chính Danh mục các mặt hàng đang sản xuất hoặc dự kiến sản xuất;
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp Báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan quản lý nhà nước về môi trường phê duyệt;

- Bản chính Biên bản tự thanh tra GMP;

Hồ sơ đăng ký kiểm tra GMP phải có trang bìa và mục lục, được sắp xếp theo đúng trình tự của mục lục, có phân cách giữa các phần.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thẩm định hồ sơ, yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ không đạt yêu cầu: 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký;

- Cấp giấy chứng nhận: 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức;
- Cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận GMP theo quy định tại Phụ lục XXX Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Giấy chứng nhận GMP có giá trị trong thời hạn 05 năm

g) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản (cơ sở đăng ký GMP): 18.000.000 đồng.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đăng ký kiểm tra GMP theo phụ lục XXVIII Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Địa điểm: Phải có khoảng cách an toàn với khu dân cư, công trình công cộng, bệnh viện, bệnh xá thú y, cơ sở chẩn đoán bệnh động vật, các nguồn gây ô nhiễm khác;

(2) Nhà xưởng:

- Phải có thiết kế phù hợp với quy mô và loại thuốc sản xuất, tránh sự xâm nhập của các loại côn trùng và động vật khác; có vị trí ngăn cách các nguồn lây nhiễm từ bên ngoài;

- Nền nhà không ngấm nước, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; tường trần được làm bằng vật liệu bền, chắc, dễ vệ sinh;

- Có hệ thống cấp và xử lý nước, khí bảo đảm cho sản xuất; có hệ thống thoát nước, xử lý nước, khí thải, chất thải bảo đảm

(3) Kho chứa đựng nguyên liệu, phụ liệu, thuốc thành phẩm có diện tích phù hợp với quy mô sản xuất và bảo đảm các điều kiện sau đây:

- Có kho riêng để bảo quản nguyên liệu, phụ liệu, thuốc thành phẩm;

- Có kho riêng bên ngoài để bảo quản dung môi và nguyên liệu dễ cháy nổ; Tránh sự xâm nhập của các loại côn trùng và động vật khác;

- Nền, tường, trần không ngấm nước, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; tường trần được làm bằng vật liệu bền, chắc, dễ vệ sinh;

- Có giá, kệ để nguyên liệu, phụ liệu, bao bì, thuốc thành phẩm; có thiết bị, phương tiện để bảo đảm Điều kiện bảo quản.

(4) Trang thiết bị, dụng cụ phải được bố trí, lắp đặt phù hợp với quy mô và loại thuốc sản xuất; có hướng dẫn vận hành; có kế hoạch bảo trì bảo dưỡng; có quy trình vệ sinh và bảo đảm đạt yêu cầu vệ sinh, không gây nhiễm hoặc nhiễm chéo giữa các sản phẩm.

(5) Kiểm tra chất lượng thuốc thú y:

- Khu vực kiểm tra chất lượng phải tách biệt với khu vực sản xuất; được bố trí phù hợp để tránh nhiễm chéo; các khu vực tiến hành phép thử sinh học, vi sinh;

- Mẫu, chất chuẩn phải được bảo quản tại khu vực riêng, bảo đảm điều kiện bảo quản;

- Phải có đủ trang thiết bị phù hợp.

(6) Người trực tiếp quản lý sản xuất, kiểm nghiệm thuốc thú y phải có Chứng chỉ hành nghề thú y về sản xuất, kiểm nghiệm thuốc thú y.

(7) Người trực tiếp sản xuất thuốc thú y phải được tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn phù hợp.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thú y;

- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ sửa đổi,

bổ sung một số điều Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thú y;

- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung các Thông tư về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

PHỤ LỤC XXVIII

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ, GIA HẠN ĐĂNG KÝ KIỂM TRA GMP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ĐK-CT

(Địa danh), ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ, GIA HẠN ĐĂNG KÝ KIỂM TRA GMP

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y

1. Tên cơ sở:

2. Địa chỉ nhà máy:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

4. Chứng chỉ hành nghề thú y:

a) Của người phụ trách kỹ thuật: số.....ngày.... tháng.... năm cấp

b) Của người phụ trách phòng kiểm nghiệm thuốc thú y: số..... ngày....

tháng.....năm....cấp

5. Điện thoại:

Fax:

E.mail:

Đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành kiểm tra, tái kiểm tra cấp giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc theo GMP-WHO (ASEAN) cho cơ sở chúng tôi đối với các dây chuyền sản xuất thuốc thú y sau:

- Thuốc dung dịch uống
- Thuốc bột tiêm, dung dịch tiêm, hỗn dịch tiêm...

(Ghi rõ: *non-beta lactam hoặc beta-lactam*)

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-;

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu/ chữ ký số nếu có)

PHỤ LỤC XXX

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN GMP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG <i>Ministry of Agriculture & Environment</i>		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <i>Socialist Republic of Viet Nam</i>
CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y <i>Department of Animal Health and Production</i>		
GIẤY CHỨNG NHẬN THỰC HÀNH TỐT SẢN XUẤT THUỐC <i>Certificate of Good Manufacturing Practices (GMP)</i>		
CHỨNG NHẬN <i>This is to certify that</i>		
CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y ABC <i>ABC VETERINARY COMPANY</i>		
Địa chỉ: <i>Address:</i>		
Đạt yêu cầu “Thực hành tốt sản xuất thuốc”, “Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc” và “Thực hành tốt bảo quản thuốc” theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới đối với dây chuyền sản xuất thuốc thú y không chứa kháng sinh nhóm Beta-lactam: và dây chuyền sản xuất thuốc thú y chứa kháng sinh nhóm Beta-lactam:		
<i>Conforms to the requirements of Good Manufacturing Practices; Good Laboratory Practices and Good Storage Practices as recommended by the World Health Organization for production lines of Non-Betalactam in the forms of and production lines Beta-lactam in the forms of..... ./.</i>		
Hà Nội, ngày tháng năm CỤC TRƯỞNG <i>Director General</i>		
Số:/GCN-GMP Giấy chứng nhận này có giá trị 05 năm kể từ ngày ký <i>This certificate is valid for 05 years from the date of approval</i>		

10. Cấp Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP) đối với cơ sở sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận GMP tới Cục Chăn nuôi và Thú y theo một trong các hình thức: trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký, Cục Chăn nuôi và Thú y thẩm định hồ sơ, yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ không đạt

Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra GMP, đồng thời thông báo lịch kiểm tra cho cơ sở và tiến hành kiểm tra

Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, nếu cơ sở đạt yêu cầu Cục Chăn nuôi và Thú y cấp Giấy chứng nhận GMP, nếu cơ sở không đạt yêu cầu phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không đạt.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tuyến;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Bản chính Đơn đăng ký kiểm tra GMP theo phụ lục XXVIII Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT;
- Bản chính Sơ đồ tổ chức và nhân sự của cơ sở;
- Bản chính Chương trình, tài liệu đào tạo, đánh giá kết quả đào tạo GMP tại cơ sở;
- Bản chính Danh mục thiết bị sản xuất, bảo quản và thiết bị kiểm tra chất lượng;
- Bản chính Danh mục các quy trình thao tác chuẩn;
- Bản chính Danh mục các mặt hàng đang sản xuất hoặc dự kiến sản xuất;
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp Báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan quản lý nhà nước về môi trường phê duyệt;
- Bản chính Biên bản tự thanh tra GMP;

Hồ sơ đăng ký kiểm tra GMP phải có trang bìa và mục lục, được sắp xếp theo đúng trình tự của mục lục, có phân cách giữa các phần.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thẩm định hồ sơ, yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ không đạt yêu cầu: 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký;
- Cấp giấy chứng nhận: 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức;
- Cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận GMP theo quy định tại Phụ lục XXX Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.
- Giấy chứng nhận GMP có giá trị trong thời hạn 05 năm

g) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản (cơ sở đăng ký GMP): 18.000.000 đồng.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đăng ký kiểm tra GMP theo phụ lục XXVIII Thông tư số 13/2022/TT-

BNNPTNT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Địa điểm: Phải có khoảng cách an toàn với khu dân cư, công trình công cộng, bệnh viện, bệnh xá thú y, cơ sở chẩn đoán bệnh động vật, các nguồn gây ô nhiễm khác;

(2) Nhà xưởng:

- Phải có thiết kế phù hợp với quy mô và loại thuốc sản xuất, tránh sự xâm nhập của các loại côn trùng và động vật khác; có vị trí ngăn cách các nguồn lây nhiễm từ bên ngoài;

- Nền nhà không ngấm nước, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; tường trần được làm bằng vật liệu bền, chắc, dễ vệ sinh;

- Có hệ thống cấp và xử lý nước, khí bảo đảm cho sản xuất; có hệ thống thoát nước, xử lý nước, khí thải, chất thải bảo đảm

(3) Kho chứa đựng nguyên liệu, phụ liệu, thuốc thành phẩm có diện tích phù hợp với quy mô sản xuất và bảo đảm các điều kiện sau đây:

- Có kho riêng để bảo quản nguyên liệu, phụ liệu, thuốc thành phẩm;

- Có kho riêng bên ngoài để bảo quản dung môi và nguyên liệu dễ cháy nổ; Tránh sự xâm nhập của các loại côn trùng và động vật khác;

- Nền, tường, trần không ngấm nước, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; tường trần được làm bằng vật liệu bền, chắc, dễ vệ sinh;

- Có giá, kệ để nguyên liệu, phụ liệu, bao bì, thuốc thành phẩm; có thiết bị, phương tiện để bảo đảm Điều kiện bảo quản.

(4) Trang thiết bị, dụng cụ phải được bố trí, lắp đặt phù hợp với quy mô và loại thuốc sản xuất; có hướng dẫn vận hành; có kế hoạch bảo trì bảo dưỡng; có quy trình vệ sinh và bảo đảm đạt yêu cầu vệ sinh, không gây nhiễm hoặc nhiễm chéo giữa các sản phẩm.

(5) Kiểm tra chất lượng thuốc thú y:

- Khu vực kiểm tra chất lượng phải tách biệt với khu vực sản xuất; được bố trí phù hợp để tránh nhiễm chéo; các khu vực tiến hành phép thử sinh học, vi sinh;

- Mẫu, chất chuẩn phải được bảo quản tại khu vực riêng, bảo đảm điều kiện bảo quản;

- Phải có đủ trang thiết bị phù hợp.

(6) Người trực tiếp quản lý sản xuất, kiểm nghiệm thuốc thú y phải có Chứng chỉ hành nghề thú y về sản xuất, kiểm nghiệm thuốc thú y.

(7) Người trực tiếp sản xuất thuốc thú y phải được tập huấn, bồi dưỡng về

chuyên môn phù hợp.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;
- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thú y;
- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thú y;
- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;
- Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;
- Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung các Thông tư về quản lý thuốc thú y;
- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

PHỤ LỤC XXVIII

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ, GIA HẠN ĐĂNG KÝ KIỂM TRA GMP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ĐK-CT

(Địa danh), ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ, GIA HẠN ĐĂNG KÝ KIỂM TRA GMP

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y

1. Tên cơ sở:

2. Địa chỉ nhà máy:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

4. Chứng chỉ hành nghề thú y:

a) Của người phụ trách kỹ thuật: số.....ngày.... tháng.... năm cấp

b) Của người phụ trách phòng kiểm nghiệm thuốc thú y: số..... ngày.... tháng.....năm....cấp

5. Điện thoại:

Fax:

E.mail:

Đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành kiểm tra, tái kiểm tra cấp giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc theo GMP-WHO (ASEAN) cho cơ sở chúng tôi đối với các dây chuyền sản xuất thuốc thú y sau:

- Thuốc dung dịch uống

- Thuốc bột tiêm, dung dịch tiêm, hỗn dịch tiêm...

(Ghi rõ: *non-beta lactam hoặc beta-lactam*)

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-;

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu/ chữ ký số nếu có)

PHỤ LỤC XXX

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN GMP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG <i>Ministry of Agriculture & Environment</i>		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <i>Socialist Republic of Viet Nam</i>
CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y <i>Department of Animal Health and Production</i>		
GIẤY CHỨNG NHẬN THỰC HÀNH TỐT SẢN XUẤT THUỐC <i>Certificate of Good Manufacturing Practices (GMP)</i>		
CHỨNG NHẬN <i>This is to certify that</i>		
CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y ABC <i>ABC VETERINARY COMPANY</i>		
Địa chỉ: <i>Address:</i>		
Đạt yêu cầu “Thực hành tốt sản xuất thuốc”, “Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc” và “Thực hành tốt bảo quản thuốc” theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới đối với dây chuyền sản xuất thuốc thú y không chứa kháng sinh nhóm Beta-lactam: và dây chuyền sản xuất thuốc thú y chứa kháng sinh nhóm Beta-lactam:		
<i>Conforms to the requirements of Good Manufacturing Practices; Good Laboratory Practices and Good Storage Practices as recommended by the World Health Organization for production lines of Non-Betalactam in the forms of and production lines Beta-lactam in the forms of..... ./.</i>		
Hà Nội, ngày tháng năm CỤC TRƯỞNG <i>Director General</i>		
Số:/GCN-GMP Giấy chứng nhận này có giá trị 05 năm kể từ ngày ký <i>This certificate is valid for 05 years from the date of approval</i>		

12. Gia hạn Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc thú y (GMP)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trước 03 tháng tính đến ngày hết hạn của Giấy chứng nhận GMP; tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sản xuất thuốc thú y nộp đơn đăng ký gia hạn Giấy chứng nhận tới Cục Chăn nuôi và Thú y theo một trong các hình thức: trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp.

Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký, Cục Chăn nuôi và Thú y thẩm định hồ sơ, yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ không đạt

Bước 3: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y ra quyết định thành lập Đoàn kiểm tra GMP, đồng thời thông báo lịch kiểm tra cho cơ sở và tiến hành kiểm tra

Bước 4: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, nếu cơ sở đạt yêu cầu Cục Chăn nuôi và Thú y cấp Giấy chứng nhận GMP, nếu cơ sở không đạt yêu cầu phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không đạt.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tuyến;
- Qua dịch vụ bưu chính;
- Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ gồm các bản chính tài liệu sau:

- Đơn đăng ký tái kiểm tra GMP theo phụ lục XXVIII Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT;

- Báo cáo hoạt động, những thay đổi của cơ sở trong 05 năm triển khai GMP; mô tả thông tin cơ sở đã có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

- Báo cáo khắc phục các tồn tại trong kiểm tra lần trước;

- Báo cáo về huấn luyện, đào tạo của cơ sở;

- Danh mục thiết bị hiện có của cơ sở;

- Danh mục các mặt hàng đang sản xuất;

- Danh mục các quy trình thao tác chuẩn;

- Biên bản tự thanh tra và đánh giá của cơ sở trong đợt tự thanh tra gần nhất (trong vòng 03 tháng) về triển khai GMP.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Thẩm định hồ sơ, yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu hồ sơ không đạt yêu cầu: 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký;

- Cấp giấy chứng nhận: 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận GMP theo quy định tại Phụ lục XXX Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

Giấy chứng nhận GMP có giá trị trong thời hạn 05 năm

g) Phí, lệ phí: Phí thẩm định tiêu chuẩn và điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản (cơ sở đăng ký GMP): 18.000.000 đồng.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đăng ký tái kiểm tra GMP theo phụ lục XXVIII Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

(1) Địa điểm:

- Phải có khoảng cách an toàn với khu dân cư, công trình công cộng, bệnh viện, bệnh xá thú y, cơ sở chẩn đoán bệnh động vật, các nguồn gây ô nhiễm khác;

(2) Nhà xưởng:

- Phải có thiết kế phù hợp với quy mô và loại thuốc sản xuất, tránh sự xâm nhập của các loại côn trùng và động vật khác; có vị trí ngăn cách các nguồn lây nhiễm từ bên ngoài;

- Nền nhà không ngâm nước, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; tường trần được làm bằng vật liệu bền, chắc, dễ vệ sinh;

- Có hệ thống cấp và xử lý nước, khí bảo đảm cho sản xuất; có hệ thống thoát nước, xử lý nước, khí thải, chất thải bảo đảm

(3) Kho chứa đựng nguyên liệu, phụ liệu, thuốc thành phẩm có diện tích

phù hợp với quy mô sản xuất và bảo đảm các điều kiện sau đây:

- Có kho riêng để bảo quản nguyên liệu, phụ liệu, thuốc thành phẩm;
- Có kho riêng bên ngoài để bảo quản dung môi và nguyên liệu dễ cháy nổ; tránh sự xâm nhập của các loại côn trùng và động vật khác;
- Nền, tường, trần không ngấm nước, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; tường trần được làm bằng vật liệu bền, chắc, dễ vệ sinh;
- Có giá, kệ để nguyên liệu, phụ liệu, bao bì, thuốc thành phẩm; có thiết bị, phương tiện để bảo đảm Điều kiện bảo quản.

(4) Trang thiết bị, dụng cụ phải được bố trí, lắp đặt phù hợp với quy mô và loại thuốc sản xuất; có hướng dẫn vận hành; có kế hoạch bảo trì bảo dưỡng; có quy trình vệ sinh và bảo đảm đạt yêu cầu vệ sinh, không gây nhiễm hoặc nhiễm chéo giữa các sản phẩm.

(5) Kiểm tra chất lượng thuốc thú y:

- Khu vực kiểm tra chất lượng phải tách biệt với khu vực sản xuất; được bố trí phù hợp để tránh nhiễm chéo; các khu vực tiến hành phép thử sinh học, vi sinh;
- Mẫu, chất chuẩn phải được bảo quản tại khu vực riêng, bảo đảm Điều kiện bảo quản;
- Phải có đủ trang thiết bị phù hợp.

(6) Người trực tiếp quản lý sản xuất, kiểm nghiệm thuốc thú y phải có Chứng chỉ hành nghề thú y về sản xuất, kiểm nghiệm thuốc thú y.

(7) Người trực tiếp sản xuất thuốc thú y phải được tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn phù hợp.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;
- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thú y;
- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Thú y;
- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;
- Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;
- Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung các Thông tư về quản lý thuốc thú y;
- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

PHỤ LỤC XXVIII

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ, GIA HẠN ĐĂNG KÝ KIỂM TRA GMP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/ĐK-CT

(Địa danh), ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ, GIA HẠN ĐĂNG KÝ KIỂM TRA GMP

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y

1. Tên cơ sở:

2. Địa chỉ nhà máy:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

4. Chứng chỉ hành nghề thú y:

a) Của người phụ trách kỹ thuật: số.....ngày.... tháng.... năm cấp

b) Của người phụ trách phòng kiểm nghiệm thuốc thú y: số..... ngày.... tháng.....năm....cấp

5. Điện thoại:

Fax:

E.mail:

Đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành kiểm tra, tái kiểm tra cấp giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc theo GMP-WHO (ASEAN) cho cơ sở chúng tôi đối với các dây chuyền sản xuất thuốc thú y sau:

- Thuốc dung dịch uống

- Thuốc bột tiêm, dung dịch tiêm, hỗn dịch tiêm...

(Ghi rõ: non-beta lactam hoặc beta-lactam)

Hồ sơ gửi kèm gồm:

-;

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu/ chữ ký số nếu có)

PHỤ LỤC XXX
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN GMP
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG <i>Ministry of Agriculture & Environment</i>		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <i>Socialist Republic of Viet Nam</i>
CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y <i>Department of Animal Health and Production</i>		
GIẤY CHỨNG NHẬN THỰC HÀNH TỐT SẢN XUẤT THUỐC <i>Certificate of Good Manufacturing Practices (GMP)</i>		
CHỨNG NHẬN <i>This is to certify that</i>		
CÔNG TY TNHH THUỐC THÚ Y ABC <i>ABC VETERINARY COMPANY</i>		
Địa chỉ: <i>Address:</i>		
Đạt yêu cầu “Thực hành tốt sản xuất thuốc”, “Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc” và “Thực hành tốt bảo quản thuốc” theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới đối với dây chuyền sản xuất thuốc thú y không chứa kháng sinh nhóm Beta-lactam: và dây chuyền sản xuất thuốc thú y chứa kháng sinh nhóm Beta-lactam:		
<i>Conforms to the requirements of Good Manufacturing Practices; Good Laboratory Practices and Good Storage Practices as recommended by the World Health Organization for production lines of Non-Betalactam in the forms of and production lines Beta-lactam in the forms of..... J.</i>		
Hà Nội, ngày tháng năm CỤC TRƯỞNG <i>Director General</i>		
Số:/GCN-GMP Giấy chứng nhận này có giá trị 05 năm kể từ ngày ký <i>This certificate is valid for 05 years from the date of approval</i>		

13. Cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y

a) Trình tự thực hiện: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Cục Chăn nuôi và Thú y; Cục Chăn nuôi và Thú y thẩm định và cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y nếu hồ sơ đạt yêu cầu; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y theo mẫu quy định

tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Báo cáo kết quả đánh giá cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm
- Tài liệu kỹ thuật của từng loại thuốc khảo nghiệm bao gồm:
 - + Tóm tắt đặc tính của sản phẩm theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;
 - + Thông tin kỹ thuật về chất lượng của sản phẩm;
 - + Thông tin kỹ thuật về độ an toàn và hiệu lực của sản phẩm;
 - + Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm của nhà sản xuất (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của cơ sở đăng ký);
 - + Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm của cơ quan kiểm nghiệm thuốc thú y được chỉ định tại Việt Nam cấp (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của cơ sở đăng ký);
 - + Đề cương khảo nghiệm;
 - + Hợp đồng khảo nghiệm giữa cơ sở đăng ký và cơ sở khảo nghiệm (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của cơ sở đăng ký).
- d) Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân
- e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y
- f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khảo nghiệm hoặc công văn trả lời. Giấy phép khảo nghiệm có thời hạn 05 năm
- g) Phí, lệ phí: 1.350.000/1 sản phẩm
- h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:
 - Đơn đăng ký cấp Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XV ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;
 - Tóm tắt đặc tính của sản phẩm theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;
- i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:
 - Người phụ trách kỹ thuật của tổ chức khảo nghiệm phải có Chứng chỉ hành nghề thú y.
 - Người lao động có trình độ chuyên môn phù hợp và đã được tập huấn về khảo nghiệm thuốc thú y.
 - Không trực tiếp đứng tên đăng ký hoặc không được nhận ủy quyền đứng tên đăng ký thuốc thú y tại Việt Nam.
 - Nơi chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản đáp ứng các Điều kiện sau đây:

+ Có hàng rào hoặc tường bao quanh bảo đảm ngăn chặn được người, động vật từ bên ngoài vào cơ sở;

+ Có nguồn nước sạch;

+ Có chuồng, ao, bể nuôi động vật với diện tích đảm bảo mật độ nuôi theo quy trình khảo nghiệm;

+ Có số lượng động vật đáp ứng được việc khảo nghiệm theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; có nơi riêng biệt để nuôi động vật thí nghiệm, có hệ thống xử lý chất thải, nước thải có khu vực để xử lý xác động vật, bệnh phẩm.

+ Nơi sản xuất, chế biến và kho chứa thức ăn chăn nuôi phải cách biệt với nơi để các hóa chất độc hại và có biện pháp phòng chống côn trùng, động vật gây hại;

+ Khu vực chuồng nuôi, ao, bể nuôi có nơi chứa thức ăn cách biệt và được thiết kế đáp ứng yêu cầu bảo quản.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y;

- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

PHỤ LỤC VIII

MẪU TÓM TẮT ĐẶC TÍNH CỦA SẢN PHẨM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÓM TẮT ĐẶC TÍNH SẢN PHẨM

1. Tên của sản phẩm

2. Dạng bào chế của sản phẩm

3. Đường dùng thuốc
4. Thành phần, hàm lượng hoạt chất và tá dược có trong công thức của sản phẩm
5. Đặc tính dược lực học, dược động học của sản phẩm
6. Chỉ định điều trị
7. Liều lượng sử dụng, cách dùng và đường dùng
8. Những cảnh báo khi sử dụng
 - a) Lưu ý khi sử dụng;
 - b) Tương tác với thuốc khác, các dạng tương tác khác;
 - c) Tác dụng không mong muốn khi sử dụng theo chỉ dẫn và liều dùng đã được khuyến cáo của sản phẩm;
 - d) Tác dụng không mong muốn trong trường hợp sử dụng quá liều và cách xử lý (nếu có);
 - đ) Thông tin về việc sử dụng sản phẩm cho gia súc mang thai, gia súc cho sữa và gia cầm đẻ trứng;
 - e) Chống chỉ định.
9. Cảnh báo cho người sử dụng thuốc để phòng, trị bệnh cho động vật
10. Thời gian ngừng sử dụng thuốc
11. Những thông tin về sử dụng thuốc
 - a) Hạn sử dụng (trước khi mở sản phẩm lần đầu; sau lần đầu mở sản phẩm);
 - b) Điều kiện bảo quản sản phẩm;
 - c) Tính chất và dung lượng của bao bì đóng gói sản phẩm;
 - d) Chỉ dẫn đối với việc loại bỏ các phần của sản phẩm không được sử dụng.
12. Tên và địa chỉ của nhà sản xuất.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC XV

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM THUỐC THÚ Y
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/ĐK-KN

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐĂNG KÝ KHẢO NGHIỆM THUỐC THÚ Y

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Cơ sở đăng ký khảo nghiệm thuốc thú y:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Cơ sở khảo nghiệm thuốc thú y:

Địa chỉ:

Số điện thoại:

Đề nghị được khảo nghiệm thuốc (vắc xin...) sau đây:

TT	Tên thuốc	Thành phần	Đường dùng	Các chỉ tiêu, nội dung đăng ký khảo nghiệm	Ghi chú
.					
.					
.					

a) Thời gian dự kiến bắt đầu:

b) Thời gian dự kiến kết thúc:

c) Địa điểm:

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng các quy định của Nhà nước về khảo nghiệm thuốc thú y.

Hồ sơ kèm theo:

- Hợp đồng khảo nghiệm;
- Đề cương khảo nghiệm;
- Hồ sơ kỹ thuật của sản phẩm.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký và đóng dấu)

PHỤ LỤC XVI**MẪU GIẤY PHÉP KHẢO NGHIỆM THUỐC THÚ Y**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CỤC CHĂN NUÔI VÀ
THÚ Y**

GIẤY PHÉP KHẢO NGHIỆM THUỐC THÚ Y

Số:/QLT-KN

Tên thuốc được phép khảo nghiệm:

Số lượng thuốc nhập khẩu để khảo nghiệm (nếu có) ”.

Thành phần hoạt chất:

Dạng bào chế:

Đường dùng:

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Tên, địa chỉ cơ sở đăng ký khảo nghiệm:

Tên cơ sở khảo nghiệm:

Địa điểm tiến hành khảo nghiệm:

Tên cơ sở giám sát khảo nghiệm:

Loài động vật khảo nghiệm:

Quy mô khảo nghiệm:

Các chỉ tiêu khảo nghiệm:

Giấy phép khảo nghiệm này có hiệu lực đến: ngày tháng.... năm.....

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

CỤC TRƯỞNG

PHỤ LỤC XVIII

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM THUỐC THÚ Y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-KN

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO NGHIỆM THUỐC THÚ Y

(Tên thuốc khảo nghiệm)

1. Tên đơn vị sản xuất thuốc khảo nghiệm
2. Tên đơn vị đăng ký khảo nghiệm
3. Tên đơn vị khảo nghiệm
4. Tên đơn vị giám sát khảo nghiệm
5. Họ và tên người có chứng chỉ hành nghề của cơ sở khảo nghiệm.
6. Thời gian, địa điểm
 - a) Thời gian bắt đầu
 - b) Thời gian kết thúc
 - c) Địa điểm
7. Mục đích, nội dung khảo nghiệm.
 - a) Mục đích
 - b) Nội dung khảo nghiệm.
8. Nguyên vật liệu:
 - a) Tên sản phẩm
 - b) Thành phần
 - c) Các công dụng của sản phẩm
 - d) Các nguyên vật liệu khác phục vụ quá trình khảo nghiệm
9. Động vật khảo nghiệm:
 - a) Loài, số lượng, giới tính, lứa tuổi động vật khảo nghiệm
 - b) Tình trạng sức khỏe, kết quả kiểm tra kháng thể (đối với vắc xin, kháng thể) của động vật trước khi tham gia khảo nghiệm.
10. Các phương pháp gây bệnh thực nghiệm trên động vật (nếu có)
11. Quá trình khảo nghiệm
 - a) Lịch dùng thuốc khảo nghiệm trên động vật
 - b) Loài, số lượng, nhóm động vật (tuổi, giống, trọng lượng.....) được dùng thuốc
 - c) Loài, số lượng, nhóm động vật (tuổi, giống, trọng lượng.....) đối chứng không dùng thuốc
 - d) Số theo dõi (hàng ngày) số động vật được khảo nghiệm trong thời gian dùng

thuốc

đ) Sổ theo dõi ghi chép chi tiết số ốm, chết liên quan đến bệnh mà thuốc khảo nghiệm có chỉ định điều trị

e) Thời gian và số lần lấy máu động vật khảo nghiệm để xác định hiệu giá kháng thể trong huyết thanh hoặc số lượng động vật để công cường độc đối với khảo nghiệm vắc xin, kháng thể

g) Các hoạt động có liên quan khác trong quá trình khảo nghiệm

12. Kết quả

a) Chỉ tiêu an toàn: Tình hình sức khỏe, dịch bệnh chung của các nhóm động vật tham gia khảo nghiệm, số ốm, chết

b) Chỉ tiêu hiệu lực (Các công dụng của thuốc đã được khảo nghiệm, số động vật khỏi bệnh, kết quả kiểm tra huyết thanh, tỷ lệ bảo hộ,)

c) Các kết quả khác nêu trong đề cương và hồ sơ đăng ký

d) Những thay đổi (nếu có) trong quá trình khảo nghiệm

13. Kết luận

14. Ý kiến, đề nghị của các bên tham gia khảo nghiệm

15. Xác nhận của đơn vị giám sát

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐĂNG KÝ
KHẢO NGHIỆM**
(Ký tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ SỞ THỰC HIỆN
KHẢO NGHIỆM**
(Ký tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN GIÁM SÁT
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: *Mẫu chỉ ghi các điều khoản cần thiết liên quan đến khảo nghiệm, đơn vị có thể bổ sung các nội dung có liên quan khác*

14. Cấp lại giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc thay đổi tên thuốc thú y, thông tin của tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm thuốc thú y)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Cục Chăn nuôi và Thú y;

- Bước 2: Cục Chăn nuôi và Thú y thẩm định hồ sơ và cấp lại giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y nếu hồ sơ đạt yêu cầu; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

** Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đăng ký cấp lại giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.

** Số lượng hồ sơ: 01 bộ*

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khảo nghiệm hoặc công văn trả lời

g) Phí, lệ phí: không

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đăng ký cấp lại giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XVII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y;

- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

PHỤ LỤC XVII

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHẢO NGHIỆM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHẢO NGHIỆM THUỐC THÚ Y

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ:

Tên:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax

Chúng tôi đề nghị được cấp lại giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y:

Tên sản phẩm: giấy phép khảo nghiệm số: QLT-KN ngày....tháng năm

Lý do đề nghị cấp lại:

- Bị mất, sai sót, hư hỏng

- Thay đổi tên thuốc thú y, thông tin của tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm thuốc thú y.

Hồ sơ gửi kèm:

a) Các tài liệu liên quan đến sự thay đổi, bổ sung (nếu có);

b) Giấy phép khảo nghiệm thuốc thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

15. Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Cục Chăn nuôi và Thú y;
- Bước 2: Cục Chăn nuôi và Thú y xem xét cấp giấy phép nhập khẩu; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ:

1. Hồ sơ nhập khẩu thuốc thú y chưa có giấy chứng nhận lưu hành để phòng, chống dịch bệnh động vật khẩn cấp, khắc phục hậu quả thiên tai, gồm:

- Đơn đăng ký nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép đầu tư của doanh nghiệp với ngành nghề phù hợp của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu thuốc thú y;

- Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP) hoặc giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO) hoặc giấy chứng nhận khác tương đương đối với một số hóa chất thông dụng;

- Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm (CFS, CPP, MA) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp;

- Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm (CoA) của nhà sản xuất;

- Nhãn sản phẩm.

2. Hồ sơ nhập khẩu mẫu thuốc thú y để kiểm nghiệm, khảo nghiệm, đăng ký lưu hành, gồm:

- Đơn đăng ký nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép đầu tư của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu thuốc thú y đối với tổ chức lần đầu nhập khẩu;

- Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP) hoặc giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO) hoặc giấy chứng nhận khác tương đương đối với một số hóa chất thông dụng;

- Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm (CFS, CPP, MA) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp;

- Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm (CoA) của nhà sản xuất;

- Tóm tắt đặc tính sản phẩm theo mẫu quy định tại phụ lục VIII ban hành kèm thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

3. Hồ sơ nhập khẩu thuốc thú y để tham gia trưng bày triển lãm, hội chợ, nghiên cứu khoa học, phòng bệnh cho động vật quý hiếm gồm:

- Đơn đăng ký nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép đầu tư của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu thuốc thú y đối với tổ chức lần đầu nhập khẩu;

- Bản sao tài liệu chứng minh mục đích nhập khẩu thuốc thú y;

- Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm (CoA) của nhà sản xuất;

- Tóm tắt đặc tính sản phẩm theo mẫu quy định tại phụ lục VIII ban hành kèm thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Nhãn sản phẩm.

4. Hồ sơ nhập khẩu thuốc thú y để chữa bệnh đối với động vật tạm nhập tái xuất, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; tạm nhập tái xuất, gia công xuất khẩu theo hợp đồng đã ký với tổ chức, cá nhân nước ngoài, gồm:

- Đơn đăng ký nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm (CoA) của nhà sản xuất;

- Bản sao tài liệu chứng minh mục đích nhập khẩu thuốc thú y;

- Nhãn sản phẩm.

5. Hồ sơ nhập khẩu nguyên liệu, thuốc thú y, vi sinh vật để nghiên cứu sản xuất thuốc thú y, chẩn đoán, xét nghiệm, kiểm nghiệm về thú y

- Đơn đăng ký nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép đầu tư của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu thuốc thú y đối với tổ chức lần đầu nhập khẩu;

- Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm (CoA) của nhà sản xuất;

- Tóm tắt đặc tính sản phẩm theo mẫu quy định tại phụ lục VIII ban hành kèm thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT

- Nhãn sản phẩm.

6. Hồ sơ nhập khẩu thuốc thú y viện trợ của các tổ chức quốc tế và các hình thức nhập khẩu phi mậu dịch khác

- Đơn đăng ký nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép đầu tư của doanh nghiệp với ngành nghề phù hợp của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu thuốc thú y;

- Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP) hoặc giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO) hoặc giấy chứng nhận khác tương đương đối với một số hóa chất thông dụng;

- Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm (CFS, CPP, MA) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp;

- Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm (CoA) của nhà sản xuất;

- Nhãn sản phẩm.

7. Hồ sơ nhập khẩu nguyên liệu làm thuốc thú y gồm:

- Đơn đăng ký nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP) hoặc giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO) hoặc giấy chứng nhận khác tương đương đối với một số hóa chất thông dụng;

- Giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm (CFS, CPP, MA) do cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp;

- Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm (CoA) của nhà sản xuất;

- Bản sao giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y của cơ sở đề nghị cấp phép nhập khẩu do Cục Chăn nuôi và Thú y cấp đối với cơ sở nhập khẩu nguyên liệu làm thuốc thú y lần đầu nhập khẩu;

- Báo cáo số lượng, mục đích sử dụng nguyên liệu kháng sinh, địa chỉ cơ sở mua nguyên liệu kháng sinh của lô nguyên liệu kháng sinh nhập khẩu lần trước, khi nộp hồ sơ đăng ký nhập khẩu nguyên liệu kháng sinh lô hàng tiếp theo về Cục Chăn nuôi và Thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT.

Trường hợp nhập khẩu nguyên liệu làm thuốc thú y là dung môi, tá dược hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm (CoA) của nhà sản xuất;

- Bản sao giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y của cơ sở đề nghị cấp phép nhập khẩu do Cục Chăn nuôi và Thú y cấp đối với cơ sở nhập khẩu nguyên liệu làm thuốc thú y lần đầu nhập khẩu.

8. Hồ sơ nhập khẩu vắc xin, vi sinh vật có tên trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam hoặc đã có giấy chứng nhận lưu hành tại Việt Nam gồm:

- Đơn đăng ký nhập khẩu vắc xin, vi sinh vật theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Bản sao chụp giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y của cơ sở đề nghị cấp phép nhập khẩu do Cục Chăn nuôi và Thú y cấp đối với tổ chức lần đầu nhập khẩu.

Các loại giấy chứng nhận GMP, ISO, CFS, CPP, MA, CoA kèm trong hồ sơ đăng ký có thể nộp bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép nhập khẩu hoặc công văn trả lời

g) Phí, lệ phí: Phí kiểm tra và cấp giấy chứng nhận đơn hàng nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản (trừ các đơn hàng nhập khẩu để làm mẫu nghiên cứu, khảo nghiệm, kiểm nghiệm, phi mậu dịch): 2.000.000 đồng/01 đơn hàng.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đăng ký nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Đơn đăng ký nhập khẩu vắc xin, vi sinh vật theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIII ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Mẫu Báo cáo Kinh doanh, sử dụng nguyên liệu kháng sinh, danh sách cơ sở mua nguyên liệu kháng sinh theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXIV ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y;

- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

PHỤ LỤC XXXII

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y NGOÀI DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:ĐKNK

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

Tel:

Fax:

Email:

Địa chỉ:

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ nhu cầu nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y ngoài Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam, cho mục đích:

- ☐ Sử dụng ☐ Quà biếu, tặng
- ☐ Kinh doanh ☐ Tham dự hội chợ triển lãm
- ☐ Kiểm nghiệm ☐ Hàng mẫu
- ☐ Khảo nghiệm ☐ Dùng cho vật nuôi nhập khẩu
- ☐ Khác

Chúng tôi đề nghị nhập khẩu các loại thuốc, nguyên liệu làm thuốc thú y sau đây:

TT	Tên sản phẩm	Số lô SX đối với nguyên liệu	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng nhập	Thành tiền
----	--------------	------------------------------	--------------	---------------	-------------	---------------	------------

1	2	3	4	5	6	7	8

Tổng giá trị đơn hàng (*Bằng chữ*):

Cửa khẩu nhập:

Thời gian nhập khẩu dự kiến:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC XXXIII

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU VẮC XIN, VI SINH VẬT ĐÃ CÓ TÊN TRONG DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:ĐKNK (Địa danh), ngày ... tháng ... năm

Tel:

Fax:

Email:

Địa chỉ:

ĐƠN ĐĂNG KÝ NHẬP KHẨU VẮC XIN, VI SINH VẬT

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ nhu cầu nhập khẩu vắc xin, vi sinh vật dùng trong thú y đã có tên trong Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam, cho mục đích:

- ☐ Sử dụng ☐ Quà biếu, tặng
- ☐ Kinh doanh ☐ Tham dự hội chợ triển lãm
- ☐ Kiểm nghiệm ☐ Hàng mẫu
- ☐ Khảo nghiệm ☐ Dùng cho vật nuôi nhập khẩu
- ☐ Khác

.									
.									

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

Tel:

Fax:

Email:

Địa chỉ:

II. DANH SÁCH CƠ SỞ MUA NGUYÊN LIỆU KHÁNG SINH

<i>TT</i>	<i>Ngày bán, sử dụng</i>	<i>Tên cơ sở</i>	<i>Địa chỉ, số điện thoại liên hệ</i>	<i>Tên nguyên liệu</i>	<i>Số lô (Batch No)</i>	<i>Nhà sản xuất</i>	<i>Nước sản xuất</i>	<i>Số lượng (Kg)</i>	<i>Mục đích sử dụng</i>
.									
.									
.									
.									

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

16. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thuốc thú y nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y cho Cục Chăn nuôi và Thú

y.

Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y kiểm tra điều kiện của cơ sở nhập khẩu thuốc thú y, nếu đủ điều kiện thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Thực hiện kiểm tra, đánh giá trực tuyến trong trường hợp do thiên tai hoặc phải áp dụng quy định về phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm mà không thể thực hiện kiểm tra, đánh giá trực tiếp tại hiện trường để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y. Việc đánh giá trực tiếp tại hiện trường sẽ được thực hiện sau khi các địa phương kiểm soát được thiên tai, dịch bệnh theo quy định; thực hiện thu hồi ngay giấy chứng nhận đối với trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật

Trong trường hợp cơ sở sản xuất thuốc thú y đã có Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP) hoặc có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y do Cục Chăn nuôi và Thú y cấp còn hiệu lực không phải làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y đối với các dạng thuốc thú y đang được phép sản xuất.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp, gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);

- Chứng chỉ hành nghề buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 13 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVII Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Giấy chứng nhận có thời hạn 05 năm.

g) Phí: Kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đăng ký cấp, gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Có địa điểm, cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp;

- Người quản lý, người trực tiếp bán thuốc thú y phải có Chứng chỉ hành nghề thú y;

- Có kho đủ điều kiện bảo quản thuốc; có kho riêng để bảo quản nguyên liệu, phụ liệu, thuốc thành phẩm; có kho riêng bên ngoài để bảo quản dung môi và nguyên liệu dễ cháy nổ; Tránh sự xâm nhập của các loại côn trùng và động vật khác; nền, tường, trần không ẩm ướt, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; tường trần được làm bằng vật liệu bền, chắc, dễ vệ sinh;

- Có quạt thông gió, hệ thống điều hòa không khí để bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn của sản phẩm; có nhiệt kế, ẩm kế theo dõi điều kiện bảo quản của sản phẩm. Đối với cơ sở nhập khẩu vắc xin, chế phẩm sinh học phải có kho riêng bảo quản, có máy phát điện dự phòng, có trang thiết bị, phương tiện vận chuyển bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm trong quá trình vận chuyển, phân phối;

- Có đủ quầy, tủ, giá kệ để chứa, đựng và trưng bày sản phẩm phải đảm bảo chắc chắn, dễ vệ sinh và tránh được những tác động bất lợi của ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, nấm mốc, động vật gặm nhấm và côn trùng gây hại;

Có trang thiết bị để bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn của sản phẩm; có nhiệt kế, ẩm kế theo dõi điều kiện bảo quản sản phẩm. Đối với cơ sở buôn bán vắc xin, chế phẩm sinh học phải có tủ lạnh, tủ mát hoặc kho lạnh; có nhiệt kế để kiểm tra điều kiện bảo quản; có máy phát điện dự phòng, vật dụng, phương tiện vận chuyển phân phối vắc xin bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên

nhân sản phẩm;

- Có giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam hoặc giấy phép nhập khẩu thuốc thú y theo quy định;

- Có hồ sơ kiểm soát chất lượng và theo dõi xuất, nhập đối với từng loại thuốc.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y.

- Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung các Thông tư về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

PHỤ LỤC XX

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP, GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU
KIỆN BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP, GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN
BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y**

Kính gửi: ⁽¹⁾

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

Tên cơ sở:

Địa chỉ cơ sở:

Số điện thoại:

Fax:

Chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Các loại sản phẩm kinh doanh:

☐ Thuốc dược phẩm ☐ Vắc xin, chế phẩm sinh học

☐ Hóa chất ☐ Các loại khác

Đề nghị quý đơn vị tiến hành kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y cho cơ sở chúng tôi.

Hồ sơ gửi kèm (*đối với đăng ký kiểm tra lần đầu*):

- a) Đơn đăng ký kiểm tra điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y;
- b) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y;
- c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);
- d) Chứng chỉ hành nghề buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký).

....., ngày ... tháng năm

Đại diện cơ sở

(*ký tên và đóng dấu nếu có*)

Ghi chú: (1) Gửi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở buôn bán thuốc thú y; gửi Cục Chăn nuôi và Thú y nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở nhập khẩu thuốc thú y.

PHỤ LỤC XXII

MẪU BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT

BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT
BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y**

Kính gửi: ⁽¹⁾

Tên cơ sở đăng ký kiểm tra:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax: Email:

Loại hình đăng ký kinh doanh:

Xin giải trình điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y, cụ thể như sau:

1. Cơ sở vật chất: (mô tả kết cấu, diện tích quy mô cơ sở, các khu vực trưng bày/bà bán)
2. Trang thiết bị: (nêu đầy đủ tên, số lượng thiết bị phục vụ bảo quản thuốc thú y như tủ, quầy, kệ, âm kế, nhiệt kế, tủ lạnh,.....)
3. Hồ sơ sổ sách: (GCN đăng ký kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, sổ sách theo dõi mua bán hàng,...)
4. Danh mục các mặt hàng kinh doanh tại cơ sở

....., ngày tháng năm

Chủ cơ sở đăng ký kiểm tra

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú: (1) Gửi Cục Chăn nuôi và Thú y nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở nhập khẩu thuốc thú y; gửi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh, nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở buôn bán thuốc thú y.

PHỤ LỤC XXVII

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm

2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF
AGRICULTURE AND
ENVIRONMENT
CỤC CHĂN NUÔI VÀ
THÚ Y
DEPARTMENT OF
ANIMAL HEALTH AND
PRODUCTION**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y
Số:...../GCN-KDT

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Số điện thoại/Tel: Số Fax/Fax . No:.....

Chủ cơ sở:.....

Địa chỉ thường trú:

Được công nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y đối với: (*)

.....

.....

.....

.....

.....

Giấy chứng nhận đủ điều kiện này có hiệu lực đến: ngày.....tháng.....năm.....

....., ngàytháng năm

CỤC TRƯỞNG

Ghi chú: () ghi rõ loại sản phẩm được phép nhập khẩu như vắc xin, dược phẩm, hóa chất,...*

17. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thuốc thú y nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y cho Cục Chăn nuôi và Thú y.

Bước 2: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y kiểm tra điều kiện của cơ sở nhập khẩu thuốc thú y, nếu đủ điều kiện thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Thực hiện kiểm tra, đánh giá trực tuyến trong trường hợp do thiên tai hoặc phải áp dụng quy định về phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm mà không thể thực hiện kiểm tra, đánh giá trực tiếp tại hiện trường để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y. Việc đánh giá trực tiếp tại hiện trường sẽ được thực hiện sau khi các địa phương kiểm soát được thiên tai, dịch bệnh theo quy định; thực hiện thu hồi ngay giấy chứng nhận đối với trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật

Trong trường hợp cơ sở sản xuất thuốc thú y đã có Giấy chứng nhận thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP) hoặc có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y do Cục Chăn nuôi và Thú y cấp còn hiệu lực không phải làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y đối với các dạng thuốc thú y đang được phép sản xuất.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đăng ký cấp, gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);

- Chứng chỉ hành nghề buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký).

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

- d) Thời hạn giải quyết: 13 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân
- e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường).
- f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXVII Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.
 - Giấy chứng nhận có thời hạn 05 năm.
- g) Phí: Kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần.
- h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:
- Đơn đăng ký cấp, gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.
 - Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT
- i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:
- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - Có địa điểm, cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp;
 - Người quản lý, người trực tiếp bán thuốc thú y phải có Chứng chỉ hành nghề thú y;
 - Có kho đủ điều kiện bảo quản thuốc; có kho riêng để bảo quản nguyên liệu, phụ liệu, thuốc thành phẩm; có kho riêng bên ngoài để bảo quản dung môi và nguyên liệu dễ cháy nổ; Tránh sự xâm nhập của các loại côn trùng và động vật khác; nền, tường, trần không ẩm ướt, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; tường trần được làm bằng vật liệu bền, chắc, dễ vệ sinh;
 - Có quạt thông gió, hệ thống điều hòa không khí để bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn của sản phẩm; có nhiệt kế, ẩm kế theo dõi điều kiện bảo quản của sản phẩm. Đối với cơ sở nhập khẩu vắc xin, chế phẩm sinh học phải có kho riêng bảo quản, có máy phát điện dự phòng, có trang thiết bị, phương tiện vận chuyển bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm trong quá trình vận chuyển, phân phối;
 - Có đủ quầy, tủ, giá kệ để chứa, đựng và trưng bày sản phẩm phải đảm bảo chắc chắn, dễ vệ sinh và tránh được những tác động bất lợi của ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, nấm mốc, động vật gặm nhấm và côn trùng gây hại;

Có trang thiết bị để bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn của sản phẩm; có nhiệt kế, ẩm kế theo dõi điều kiện bảo quản sản phẩm. Đối với cơ sở buôn bán vắc xin, chế phẩm sinh học phải có tủ lạnh, tủ mát hoặc kho lạnh; có nhiệt kế để kiểm tra điều kiện bảo quản; có máy phát điện dự phòng, vật dụng, phương tiện vận chuyển phân phối vắc xin bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm;

- Có giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam hoặc giấy phép nhập khẩu thuốc thú y theo quy định;

- Có hồ sơ kiểm soát chất lượng và theo dõi xuất, nhập đối với từng loại thuốc.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;

- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y.

- Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung các Thông tư về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

PHỤ LỤC XX

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP, GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU
KIỆN BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP, GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y

Kính gửi: ⁽¹⁾

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

Tên cơ sở:

Địa chỉ cơ sở:

Số điện thoại:

Fax:

Chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Các loại sản phẩm kinh doanh:

- ☐ Thuốc dược phẩm ☐ Vắc xin, chế phẩm sinh học
☐ Hóa chất ☐ Các loại khác

Đề nghị quý đơn vị tiến hành kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y cho cơ sở chúng tôi.

Hồ sơ gửi kèm (*đối với đăng ký kiểm tra lần đầu*):

- a) Đơn đăng ký kiểm tra điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y;
- b) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y;
- c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);
- d) Chứng chỉ hành nghề buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký).

....., ngày ... tháng năm

Đại diện cơ sở

(ký tên và đóng dấu nếu có)

Ghi chú: (1) Gửi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở buôn bán thuốc thú y; gửi Cục Chăn nuôi và Thú y nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở nhập khẩu thuốc thú y.

PHỤ LỤC XXII

MẪU BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y

Kính gửi: ⁽¹⁾

Tên cơ sở đăng ký kiểm tra:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax: Email:

Loại hình đăng ký kinh doanh:

Xin giải trình điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y, cụ thể như sau:

1. Cơ sở vật chất: (mô tả kết cấu, diện tích quy mô cơ sở, các khu vực trưng bày/bày bán)

2. Trang thiết bị: (nêu đầy đủ tên, số lượng thiết bị phục vụ bảo quản thuốc thú y như tủ, quầy, kệ, âm kế, nhiệt kế, tủ lạnh,.....)

3. Hồ sơ sổ sách: (GCN đăng ký kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, sổ sách theo dõi mua bán hàng,...)

4. Danh mục các mặt hàng kinh doanh tại cơ sở

....., ngày tháng năm

Chủ cơ sở đăng ký kiểm tra

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú: (1) Gửi Cục Chăn nuôi và Thú y nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở

nhập khẩu thuốc thú y; gửi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh, nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở buôn bán thuốc thú y.

PHỤ LỤC XXVII

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF
AGRICULTURE AND
ENVIRONMENT
CỤC CHĂN NUÔI VÀ
THÚ Y
DEPARTMENT OF
ANIMAL HEALTH AND
PRODUCTION**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y
Số:...../GCN-KDT

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Số điện thoại/Tel: Số Fax/Fax . No:.....

Chủ cơ sở:.....

Địa chỉ thường trú:

Được công nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y đối với: (*)

.....

.....

.....

.....

.....

Giấy chứng nhận đủ điều kiện này có hiệu lực đến: ngày.....tháng.....năm.....

....., ngàytháng năm

CỤC TRƯỞNG

Ghi chú: () ghi rõ loại sản phẩm được phép nhập khẩu như vắc xin, dược phẩm, hóa chất,...*

18. Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu đến Cục Chăn nuôi và Thú y:

Bước 2: Xử lý hồ sơ

(1) Đối với thuốc thú y nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Cục Chăn nuôi và Thú y xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu. Người nhập khẩu nộp bản đăng ký có xác nhận của Cục Chăn nuôi và Thú y cho cơ quan hải quan để được phép thông quan hàng hóa;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa, người nhập khẩu phải nộp cho Cục Chăn nuôi và Thú y bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) chứng chỉ chất lượng (Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức chứng nhận hoặc Chứng thư giám định phù hợp quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức giám định).

Trường hợp, hàng hóa đã được tổ chức chứng nhận đánh giá tại nước xuất khẩu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thông quan, người nhập khẩu phải nộp bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật cho cơ quan kiểm tra. Người nhập khẩu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bảo đảm hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng. Trường hợp hàng hóa không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, người nhập khẩu phải kịp thời báo cáo cơ quan kiểm tra, đồng thời tổ chức việc xử lý, thu hồi hàng hóa này theo quy định của pháp luật.

(2) Đối với thuốc thú y nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định theo quy định của pháp luật:

- Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng thuốc thú y nhập khẩu và xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu.

- Tiến hành kiểm tra theo các nội dung:

* Kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu;

* Kiểm tra kết quả đánh giá sự phù hợp, dấu hợp quy, nhãn hàng hóa (đối với hàng hóa phải ghi nhãn) và các tài liệu kèm theo sản phẩm, hàng hóa cần kiểm tra:

+ Kiểm tra sự phù hợp của nội dung chứng chỉ chất lượng của lô hàng nhập khẩu so với yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và các quy định hiện hành; kiểm tra tính chính xác và đồng bộ về thông tin của bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng;

+ Kiểm tra các nội dung bắt buộc ghi trên mẫu nhãn (và nhãn phụ) bao gồm tên hàng hóa, tên địa chỉ của tổ chức cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa; xuất xứ của hàng hóa và các nội dung khác quy định cho từng loại hàng hóa; sự phù hợp của mẫu nhãn với bộ hồ sơ nhập khẩu lô hàng;

+ Kiểm tra vị trí, màu sắc, kích thước và ngôn ngữ trình bày của nhãn;

+ Kiểm tra việc thể hiện dấu hợp quy được trình bày trực tiếp trên sản phẩm, hàng hóa hoặc trên bao bì hoặc nhãn gắn trên sản phẩm, hàng hóa;

+ Kiểm tra văn bản chấp thuận theo quy định của bộ quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 mang đặc tính mới có khả năng gây mất an toàn mà chưa được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và phù hợp, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng, Cục Chăn nuôi và Thú y phải ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định và gửi tới người nhập khẩu để làm thủ tục thông quan cho lô hàng;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không phù hợp, Cục Chăn nuôi và Thú y xử lý như sau:

+ Trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu về nhãn, Cục Chăn nuôi và Thú y ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng, trong thông báo nêu rõ các nội dung không đạt yêu cầu gửi tới người nhập khẩu, đồng thời yêu cầu người nhập khẩu khắc phục về nhãn hàng hóa trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc Cục Chăn nuôi và Thú y chỉ cấp thông báo lô hàng nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng khi người nhập khẩu có bằng chứng khắc phục;

+ Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có chứng chỉ chất lượng không phù hợp với hồ sơ của lô hàng nhập khẩu hoặc chứng chỉ chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, Cục Chăn nuôi và Thú y ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng, trong thông báo nêu rõ các nội dung không đạt yêu cầu gửi tới cơ quan hải quan và người nhập khẩu. Đồng thời báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền để xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định 132/2008/NĐ-CP;

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, Cục Chăn nuôi và Thú y xác nhận các hạng mục hồ sơ còn thiếu trong phiếu tiếp nhận hồ sơ và yêu cầu người nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 15 ngày làm việc, nếu quá thời hạn mà vẫn chưa bổ sung đủ hồ sơ thì người nhập khẩu phải có văn bản gửi Cục Chăn nuôi và Thú y nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành. Các bước kiểm tra tiếp theo chỉ được thực hiện sau khi người nhập khẩu hoàn thiện đầy đủ hồ sơ.

Trường hợp người nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ, Cục Chăn nuôi và Thú y ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Trong thông báo nêu rõ “Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ” gửi tới người nhập khẩu và cơ quan hải quan. Đồng thời chủ trì, phối hợp cơ quan kiểm tra có thẩm quyền tiến hành kiểm tra đột xuất về chất lượng hàng hóa tại cơ sở của người nhập khẩu.

(3) Áp dụng miễn giảm kiểm tra chất lượng thuốc thú y nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu có cùng tên gọi, công dụng, nhãn hiệu, kiểu loại, đặc tính kỹ thuật của cùng một cơ sở sản xuất, xuất xứ do cùng một người nhập khẩu, sau 03 lần nhập khẩu liên tiếp, có kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được Cục Chăn nuôi và Thú y có văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng trong thời hạn 02 năm:

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị miễn kiểm tra, nếu hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cục Chăn nuôi và Thú y thông báo bằng văn bản yêu người nhập khẩu sửa đổi, bổ sung hồ sơ;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y có văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng với các thông tin sau: tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại; đặc tính kỹ thuật; xuất xứ, nhà sản xuất; số lượng, khối lượng nhập khẩu theo đăng ký; đơn vị tính.

Trong trường hợp từ chối việc xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng, Cục Chăn nuôi và Thú y phải thông báo lý do bằng văn bản cho người nhập khẩu.

- Trong thời gian được miễn giảm kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu:

Định kỳ 03 tháng, người nhập khẩu phải báo cáo tình hình nhập khẩu kèm theo kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng cho cơ quan kiểm tra để theo dõi và thực hiện công tác hậu kiểm.

Cục Chăn nuôi và Thú y có quyền kiểm tra đột xuất lô hàng nhập khẩu khi phát hiện hoặc có khiếu nại, tố cáo về chất lượng hàng hóa nhập khẩu (nếu cần).

- Nếu hàng hóa nhập khẩu lưu thông trên thị trường phát hiện không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng hoặc khi có khiếu nại, tố cáo về kết quả đánh giá sự phù hợp và được xác minh đúng sự thật hoặc qua kiểm tra đột xuất lô hàng nhập khẩu có kết quả đánh giá sự phù hợp không đạt yêu cầu, Cục Chăn nuôi và Thú y có văn bản thông báo dừng áp dụng chế độ miễn kiểm tra.

* Chứng chỉ chất lượng là kết quả đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng; chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu là giấy chứng nhận phân tích chất lượng thuốc thú y (CoA) của nhà sản xuất hoặc của cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu cấp. Trong trường hợp chưa có tổ chức chứng nhận được công nhận, chỉ định đánh giá sự phù hợp hoặc sản phẩm chưa công bố hợp quy thì chứng chỉ chất lượng của lô hàng nhập khẩu là kết quả kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm của phòng thử nghiệm được chỉ định theo quy định của pháp luật hoặc thừa nhận kết quả kiểm nghiệm chất lượng của nhà sản xuất khi chưa có phương pháp kiểm nghiệm được chỉ định hoặc thừa nhận kết quả kiểm nghiệm chất lượng theo khoản 2 Điều 31 Thông tư 18/2018/TT-BNNPTNT;

b. Cách thức thực hiện:

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở hoặc gửi qua đường bưu điện đến cơ quan kiểm tra hoặc trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật:

- Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu và cam kết chất lượng hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP;

- Bản sao Hợp đồng;

- Danh mục hàng hóa (nếu có);

- Bản sao (có xác nhận của người nhập khẩu) vận đơn, hóa đơn, tờ khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có);

- Chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận hợp quy, giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm) (nếu có);

- Giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có), ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định);

- Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có);

- Bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) chứng chỉ chất lượng (Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức chứng nhận) trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa;

- Bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thông quan đối với trường hợp, hàng hóa đã được tổ chức chứng nhận đánh giá tại nước xuất khẩu.

(2) Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định theo quy định của pháp luật:

- Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu và cam kết chất lượng hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP kèm theo Bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) chứng chỉ chất lượng;

- Bản sao Hợp đồng, Danh mục hàng hóa (nếu có);

- Bản sao (có xác nhận của người nhập khẩu) vận đơn, hóa đơn, tờ khai hàng hóa nhập khẩu (nếu có);

- Chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận hợp quy, giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm) (nếu có);

- Giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có), ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định);

- Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có);

- Văn bản chấp thuận theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với thuốc thú y mang đặc tính mới có khả năng gây mất an toàn mà chưa được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

(3) Đối với thuốc thú y nhập khẩu được áp dụng miễn giảm kiểm tra chất lượng:

- Văn bản đề nghị miễn kiểm tra với các thông tin sau: tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại; đặc tính kỹ thuật; xuất xứ, nhà sản xuất; số lượng, khối lượng nhập khẩu theo đăng ký; đơn vị tính.

- Bản sao kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của 03 lần liên tiếp.

(Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, bản sao các tài liệu chưa được chứng thực thì phải có bản chính để đối chiếu; Trường hợp hồ sơ được gửi qua bưu điện, người nhập khẩu phải nộp bản sao được chứng thực hoặc bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu))

* Trường hợp hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng lô hàng vắng xin, kháng thể thú y nhập khẩu, người nhập khẩu có trách nhiệm bổ sung chứng chỉ chất lượng trong thời gian 60 ngày kể từ ngày đăng ký.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

* Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức đã đăng ký hoặc thừa nhận: Xác nhận vào bản đăng ký của người nhập khẩu: 01 ngày làm việc.

* Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng lô hàng tới người nhập khẩu để làm thủ tục thông quan cho lô hàng theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP: 01 ngày làm việc.

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không phù hợp, cơ quan kiểm tra xử lý như sau:

+ Trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu về nhãn, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, yêu cầu người nhập khẩu khắc phục về nhãn hàng hóa trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc. Cơ quan kiểm tra chỉ cấp thông báo lô hàng nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng khi người nhập khẩu có bằng chứng khắc phục;

+ Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có chứng chỉ chất lượng không phù hợp với hồ sơ của lô hàng nhập khẩu hoặc chứng chỉ chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 gửi tới cơ quan hải quan và người nhập khẩu. Đồng thời báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền để xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định này;

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, cơ quan kiểm tra xác nhận các hạng mục hồ sơ còn thiếu trong phiếu tiếp nhận hồ sơ và yêu cầu người nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 15 ngày làm việc, nếu quá thời hạn mà vẫn chưa bổ sung đủ hồ sơ thì người nhập khẩu phải có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành. Các bước kiểm tra tiếp theo chỉ được thực hiện sau khi người nhập khẩu hoàn thiện đầy đủ hồ sơ.

Trường hợp người nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trong thông báo nêu rõ “Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ” gửi tới người nhập khẩu và cơ quan hải quan. Đồng thời chủ trì, phối hợp cơ quan kiểm tra có thẩm quyền tiến hành kiểm tra đột xuất về chất lượng hàng hóa tại cơ sở của người nhập khẩu.

* Đối với thuốc thú y áp dụng miễn kiểm tra chất lượng:

+ Thông báo bằng văn bản yêu cầu hoàn thiện hồ sơ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ;

+ Xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức đã đăng ký hoặc được thừa nhận: Cơ quan kiểm tra xác nhận trên bản đăng ký kiểm tra chất lượng.

- Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định theo quy định của pháp luật: Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

- Đối với thuốc thú y áp dụng miễn kiểm tra chất lượng: Văn bản xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng

h. Phí: Phí kiểm tra chất lượng lô hàng thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y nhập khẩu đối với kiểm tra ngoại quan: 250.000 đồng/lô hàng.

Giá dịch vụ kiểm nghiệm thuốc: Tùy theo từng chỉ tiêu kiểm nghiệm quy định tại Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật và theo giá cụ thể do các đơn vị thực hiện kiểm nghiệm quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu (Mẫu kèm theo).

k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

- Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật;

- Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 10/2018/TT-BNNPTNT ngày 14/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuốc thú y - Yêu cầu chung.

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ KIỂM TRA NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG THUỐC THÚ Y NHẬP KHẨU

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Người nhập khẩu:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Đăng ký kiểm tra chất lượng thuốc thú y kèm theo

Địa chỉ tập kết thuốc thú y:

Hồ sơ nhập khẩu gồm:

Hợp đồng (Contract) số:

- Danh mục thuốc thú y (Packing list):

- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng thuốc thú y nhập khẩu hoặc Chứng thư giám định chất lượng lô hàng thuốc thú y nhập khẩu: do..... Tổ chức cấp ngày:/.../... tại:

- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý (nếu có) số: do Tổ chức chứng nhận: cấp ngày:/.../... tại:

- Hóa đơn (Invoice) số:

- Vận đơn (Bill of Lading) số:

- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số:

- Giấy chứng nhận xuất xứ C/O (nếu có) số:

- Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có):

- Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa, mẫu nhãn thuốc thú y nhập khẩu, nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung đã khai báo nêu trên về hồ sơ của lô thuốc thú y nhập khẩu, đồng thời cam kết chất lượng lô thuốc thú y nhập khẩu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn công bố áp dụng

CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y
Vào sổ đăng ký: Số...../TY-QLT
Ngày.....tháng.....năm

.....ngày...tháng...năm 20.....
(NGƯỜI NHẬP KHẨU)
(Ký tên, đóng dấu)

DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

(Kèm theo đơn đăng ký ngày tháng năm)

TT	Tên thuốc thú y	Số ĐKLH	Số hiệu văn bản đồng ý nhập khẩu	Số lô sản xuất	Quy cách đóng gói	Khối lượng/Số lượng	Xuất xứ, Nhà sản xuất	Cửa khẩu nhập	Thời gian nhập khẩu

Mẫu số 02

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG
CỤC CHĂN NUÔI VÀ
THÚ Y**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TN-TY-QLT

..., ngày... tháng ... năm 20...

**PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG
THUỐC THÚ Y NHẬP KHẨU**

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	Có/Không		Ghi chú
		Có	Không	
	Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu.	☐	☐	
	Hợp đồng (Contract) (bản sao).			
	Danh mục hàng hóa (Packing list) kèm theo hợp đồng (bản sao).			
	Bản sao có chứng thực chứng chỉ chất lượng			
	4.1. Giấy chứng nhận hợp quy			
	4.2. Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng			
	4.3. Giấy giám định chất lượng lô hàng			
	4.4. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng			
	Hóa đơn (Invoice)			
	Vận đơn (Bill of Lading)			
	Tờ khai hàng hóa nhập khẩu			

	Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O-Certificate of Origin)			
	Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa			
0	Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS			
1	Mẫu nhãn hàng nhập khẩu đã được gắn dấu hợp quy			
2	Nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).			

KẾT LUẬN

- ☐ Hồ sơ đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.
- ☐ Hồ sơ không đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ nhúng cần bổ sung các mục:..... trong thời gian 15 ngày; các mục..... trong thời gian 60 ngày. Sau khi hồ sơ đầy đủ thì kiểm tra các bước tiếp theo theo quy định./.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG
**CỤC CHĂN NUÔI VÀ
THÚ Y**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-TY-QLT

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu

Số TT	Tên thuốc thú y	Số ĐKLH	Số lô sản xuất	Quy cách đóng gói	Khối lượng/ số lượng	Xuất xứ, Nhà sản xuất	Đơn vị tính	Ghi chú

- Cửa khẩu nhập:

- Thời gian nhập khẩu:

- Thuộc lô hàng có các chứng từ sau:

+ Hợp đồng số:

- + Danh mục hàng hóa số:
- + Hóa đơn số:
- + Vận đơn số:
- + Tờ khai hàng nhập khẩu số:
- + Giấy chứng nhận xuất xứ số (C/O):
- + Giấy chứng nhận lưu hành tự do CFS
- Người nhập khẩu:
- Giấy đăng ký kiểm tra số: ngày....tháng....năm 20
.....
- Căn cứ kiểm tra:
- + Tiêu chuẩn công bố áp dụng:
- + Quy chuẩn kỹ thuật:
- + Quy định khác:
- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận/giám định chất lượng lô thuốc thú y nhập khẩu số: do tổ chức..... cấp ngày:/...../..... tại:

KẾT QUẢ KIỂM TRA

Ghi một trong các nội dung:

Đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu

Hoặc Không đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu thì nêu lý do và các yêu cầu khác nếu có

Hoặc Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ

Hoặc Lô hàng đề nghị đánh giá sự phù hợp lại tại

Hoặc Lô hàng chờ CQKT tiến hành lấy mẫu và thử nghiệm.

Nơi nhận:

- Người nhập khẩu;
- Hải quan cửa khẩu;
- Lưu: VT, QLT.

CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

19. Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y xuất khẩu theo yêu cầu của cơ sở

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ sở nộp trực tiếp hoặc gửi bằng đường bưu điện 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng sản phẩm xuất khẩu về Cục Chăn nuôi và Thú y;

- Bước 2: Cục Chăn nuôi và Thú y có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, thông báo kết quả.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng thuốc thú y xuất khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục XL ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT

- Tiêu chuẩn công bố áp dụng, các chỉ tiêu yêu cầu kiểm tra;

- Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm của cơ quan kiểm nghiệm thuốc thú y được chỉ định tại Việt Nam đối với các chỉ tiêu yêu cầu kiểm tra (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo

g) Phí, lệ phí: Không.

Giá dịch vụ kiểm nghiệm thuốc: Tùy theo từng chỉ tiêu kiểm nghiệm quy định tại Phụ lục III Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật và theo giá cụ thể do các đơn vị thực hiện kiểm nghiệm quy định.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng thuốc thú y xuất khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục XL ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007;

- Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng, sản phẩm hàng hóa;

- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 283/2015/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

PHỤ LỤC XL

MẪU ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG THUỐC THÚ Y XUẤT KHẨU
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

(Địa danh), ngày ... tháng ... năm

ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG THUỐC THÚ Y XUẤT KHẨU

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Cơ sở xuất khẩu:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Đăng ký kiểm tra chất lượng lô hàng sau:

TT	Tên sản phẩm	Thành phần	Nhà sản xuất	Số đăng ký lưu hành	Khối lượng/ số lượng	Cửa khẩu xuất	Thời gian xuất khẩu

Hồ sơ kèm theo gồm có các bản sao sau đây:

- Tiêu chuẩn công bố áp dụng, các chỉ tiêu yêu cầu kiểm tra.
- Phiếu kiểm nghiệm sản phẩm của cơ quan kiểm nghiệm thuốc thú y được chỉ định tại Việt Nam đối với các chỉ tiêu yêu cầu kiểm tra (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký).

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về chất lượng lô hàng hóa xuất khẩu nêu trên.

CƠ SỞ XUẤT KHẨU
(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC XLI**MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG THUỐC THÚ Y
XUẤT KHẨU**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC CHĂN NUÔI VÀ
THÚ Y**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-CNTY-QLT

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG THUỐC THÚ Y
XUẤT KHẨU**

1. Tên sản phẩm: Số lô:
2. Thành phần:
3. Giấy chứng nhận lưu hành số:
4. Tiêu chuẩn công bố áp dụng:
5. Phiếu phân tích chất lượng (ghi rõ tên đơn vị cấp, ngày cấp):
6. Khối lượng/Số lượng:
7. Nhà sản xuất:
8. Cửa khẩu xuất:
9. Thời gian xuất khẩu:
10. Cơ sở xuất khẩu:

KẾT QUẢ KIỂM TRA

Lô hàng (Tên /số lượng)

Đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa xuất khẩu

(hoặc không đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa xuất khẩu thì nêu lý do hoặc các yêu cầu khác nếu có).

Nơi nhận:

- Cơ sở xuất khẩu;
- Lưu VT:

CỤC TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

20. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân sản xuất thuốc thú y nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y cho Cục Chăn nuôi và Thú y.

Bước 2: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y kiểm tra điều kiện của cơ sở sản xuất, nếu đủ điều kiện thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Thực hiện kiểm tra, đánh giá trực tuyến trong trường hợp do thiên tai hoặc phải áp dụng quy định về phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm mà không thể thực hiện kiểm tra, đánh giá trực tiếp tại hiện trường để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y. Việc đánh giá trực tiếp tại hiện trường sẽ được thực hiện sau khi các địa phương kiểm soát được thiên tai, dịch bệnh theo quy định; thực hiện thu hồi ngay giấy chứng nhận đối với trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật sản xuất thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Danh mục các loại thuốc thú y, nguyên liệu sản xuất;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);

- Chứng chỉ hành nghề sản xuất thuốc thú y đối với người trực tiếp quản lý sản xuất (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký).

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y theo quy định tại Phụ lục XXV Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Giấy chứng nhận có thời hạn 05 năm.

g) Phí: Kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản.

- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần.

- Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần.

- Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XIX ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật sản xuất thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXI ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Phải có khoảng cách an toàn với khu dân cư, công trình công cộng, bệnh viện, bệnh xá thú y, cơ sở chẩn đoán bệnh động vật, các nguồn gây ô nhiễm khác;

- Phải có thiết kế phù hợp với quy mô và loại thuốc sản xuất, tránh sự xâm nhập của các loại côn trùng và động vật khác; có vị trí ngăn cách các nguồn lây nhiễm từ bên ngoài;

- Nền nhà không ngập nước, dễ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc; tường trần được làm bằng vật liệu bền, chắc, dễ vệ sinh;

- Có hệ thống cấp và xử lý nước, khí bảo đảm cho sản xuất; có hệ thống thoát nước, xử lý nước, khí thải, chất thải bảo đảm

- Kho chứa nguyên liệu, phụ liệu thành phẩm phải có diện tích phù hợp với quy mô sản xuất và đảm bảo các điều kiện: tránh sự xâm nhập của côn trùng và động vật khác;

- Có thiết bị kiểm tra chất lượng phù hợp;

- Người trực tiếp quản lý sản xuất, kiểm nghiệm thuốc thú y phải có Chứng chỉ hành nghề thú y về sản xuất, kiểm nghiệm thuốc thú y;

- Người trực tiếp sản xuất thuốc thú y phải được tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn phù hợp;

- Có kho riêng để bảo quản nguyên liệu, phụ liệu, thuốc thành phẩm;
- Có kho riêng bên ngoài để bảo quản dung môi và nguyên liệu dễ cháy nổ;
- Trang thiết bị, dụng cụ phải được bố trí, lắp đặt phù hợp với quy mô và loại thuốc sản xuất; có hướng dẫn vận hành; có kế hoạch bảo trì bảo dưỡng; có quy trình vệ sinh và bảo đảm đạt yêu cầu vệ sinh, không gây nhiễm hoặc nhiễm chéo giữa các sản phẩm.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;
- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;
- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp;
- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;
- Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;
- Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung các Thông tư về quản lý thuốc thú y;
- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

PHỤ LỤC XIX

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ, GIA HẠN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ, GIA HẠN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ

trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

Tên cơ sở:

Địa chỉ cơ sở:

Số điện thoại:

Fax:

Chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Các loại sản phẩm đăng ký sản xuất lưu hành:

☐ Thuốc dược liệu ☐ Chế phẩm sinh học

☐ Hóa chất ☐ Các loại khác

Đề nghị quý Cục tiến hành kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y cho cơ sở chúng tôi.

Hồ sơ gửi kèm (*đối với đăng ký kiểm tra lần đầu*):

- a) Đơn đăng ký kiểm tra điều kiện sản xuất thuốc thú y;
- b) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật sản xuất thuốc thú y;
- c) Danh mục các loại thuốc thú y, nguyên liệu sản xuất;
- d) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);
- đ) Chứng chỉ hành nghề sản xuất thuốc thú y (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký).

....., ngày ... tháng năm

Đại diện cơ sở

(*ký tên và đóng dấu nếu có*)

Ghi chú: (1) *Gửi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở buôn bán thuốc thú y; gửi Cục Chăn nuôi và Thú y nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở nhập khẩu thuốc thú y.*

PHỤ LỤC XXI

MẪU BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT
 SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y**

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Tên cơ sở đăng ký kiểm tra:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax: Email: ...

Loại sản phẩm đăng ký sản xuất:

☐ Thuốc dược liệu ☐ Chế phẩm sinh học

☐ Hóa chất ☐ Các loại khác

Xin giải trình điều kiện sản xuất thuốc thú y, cụ thể như sau:

1. Địa điểm sản xuất
2. Nhà xưởng sản xuất
3. Trang thiết bị, dụng cụ dùng trong sản xuất
4. Hệ thống kho
5. Khu vực xử lý tiệt trùng
6. Khu vực cân, cấp phát nguyên liệu
7. Khu vực pha chế, san chia, bảo quản bán thành phẩm
8. Khu vực hoàn thiện sản phẩm
9. Khu vực vệ sinh
10. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải, chất thải
11. Bao bì
12. Ghi nhãn
13. Khử trùng, tiêu độc
14. Nhân sự tham gia sản xuất
15. Vệ sinh cá nhân
16. Vệ sinh phòng hộ lao động
17. Nước sử dụng trong cơ sở
18. Thực hiện quy định về hồ sơ lô
19. Thực hiện quản lý chất lượng:

- Phòng kiểm nghiệm
- Cán bộ nhân viên phòng kiểm nghiệm
- Trang thiết bị
- Các quy định về kiểm tra nguyên liệu, thành phẩm, lưu mẫu và kiểm tra mẫu

...,ngày... ..tháng năm....

Chủ cơ sở đăng ký kiểm tra

(Ký tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC XXV

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y

Số:/GCN-SXT

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Số điện thoại/Tel: Số Fax/Fax. No:

Được công nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y đối với: (*)

.....

.....

.....

.....

.....

Giấy chứng nhận đủ điều kiện này có hiệu lực đến: ngày tháng....năm....

Hà Nội, ngày tháng năm....
CỤC TRƯỞNG

Ghi chú: (*) ghi rõ dây chuyền sản xuất sản phẩm như dây chuyền sản xuất thuốc được liệu, hóa chất, chế phẩm sinh học,...

21. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y cho Cục Chăn nuôi và Thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký;

- Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXI ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi trong trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký;

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc công văn trả lời. Giấy chứng nhận có thời hạn 05 năm

g) Phí, lệ phí: Không.

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXI ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;
- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y;
- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;
- Thông tư 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

22. Cấp, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất

a) Trình tự thực hiện

(1) Trường hợp cấp Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất:

Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y gửi trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Cục Chăn nuôi và Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hoặc gửi bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (sau đây gọi là Cơ quan cấp phép).

Bước 2: Trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất theo quy định; Cơ quan cấp phép tiến hành thẩm định và cấp giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu.

(2) Trường hợp cấp lại Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất:

Bước 1: Doanh nghiệp có nhu cầu điều chỉnh, cấp lại giấy phép do mất, thất lạc hoặc sai sót chuẩn bị hồ sơ đề nghị cấp lại đến Cục Chăn nuôi và Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

Bước 2: Trong thời hạn chậm nhất là 05 ngày làm việc, Cục Chăn nuôi và

Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường) tiến hành xem xét, điều chỉnh hoặc cấp lại giấy phép. Trường hợp từ chối cấp phép, cơ quan cấp phép trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp;
- Qua đường bưu điện;
- Trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Thành phần hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu của doanh nghiệp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 105/2021/NĐ-CP;

- Bản chính một trong các văn bản sau: Giấy phép xuất khẩu hoặc nhập khẩu của nước có hàng xuất khẩu hoặc nhập khẩu (nếu có);

- Bản sao có chứng thực các giấy tờ sau: Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh đối với hoạt động được phép, Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu và Giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y tại Việt Nam, trừ trường hợp nhập khẩu vì mục đích nghiên cứu, sử dụng điều trị bệnh cho động vật hoang dã, quý hiếm;

- Bản sao hợp đồng, đơn hàng liên quan kèm theo bản chính đối chiếu (khi có yêu cầu);

- Các giấy tờ, tài liệu liên quan khác: Phiếu phân tích chất lượng sản phẩm (CoA) của nhà sản xuất hoặc Phiếu kết quả kiểm định sản phẩm, nhãn sản phẩm đối với thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất;

Các tài liệu nêu trên nếu bằng tiếng nước ngoài thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt có công chứng theo quy định của Luật Công chứng.

(2) Thành phần hồ sơ cấp lại Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất:

- Văn bản đề nghị cấp lại, điều chỉnh giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu thuốc thú y, nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất;

- Tài liệu chứng minh nội dung cần điều chỉnh hoặc báo cáo giải trình lý do mất, thất lạc.

* Số lượng: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức;

- Cá nhân.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu theo Mẫu số 02A, 02B tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 105/2021/NĐ-CP.

Giấy phép được cấp cho từng lần xuất khẩu và có giá trị trong thời hạn ghi trên giấy phép nhưng không quá 12 tháng.

g) Phí, lệ phí:

Phí kiểm tra và cấp giấy chứng nhận đơn hàng nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản (trừ các đơn hàng nhập khẩu để làm mẫu nghiên cứu, khảo nghiệm, kiểm nghiệm, phi mậu dịch): 2.000.000 đồng/01 đơn hàng.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đơn đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu của doanh nghiệp theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 105/2021/NĐ-CP.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phòng, chống ma túy;

- Thông tư số 12/2020/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; kê đơn, đơn thuốc thú y; sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT;

- Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư về quản lý thuốc thú y (Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT).

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

Mẫu số 01

.....¹
.....²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:³, ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU (XUẤT KHẨU).....⁴

Kính gửi:⁵

Tên doanh nghiệp:²

Quyết định hoặc Giấy phép thành lập số:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

Do¹ Cấp ngày:

Nơi đặt trụ sở chính:

Số điện thoại: Số Fax:

Mặt hàng, ngành nghề kinh doanh:

Đề nghị⁵ cấp giấy phép cho nhập khẩu (xuất khẩu).....⁴ Mục
đích nhập khẩu (xuất khẩu)⁶:

Tên, địa chỉ nơi sản xuất⁴:

STT	Tên thương mại/ Tên hóa học	Mã CAS	Mã HS	ĐVT	Số lượng	Hàm lượng
1						
2						

- Tên cửa khẩu làm thủ tục nhập khẩu (xuất khẩu):

- Phương tiện và điều kiện bảo đảm an toàn vận chuyển:

- Thời gian và số lần thực hiện nhập (xuất) khẩu:

- Hồ sơ kèm theo gồm (Các tài liệu theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số /NĐ-CP ngày tháng năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy):

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

¹ Cơ quan chủ quản (nơi cấp Quyết định thành lập doanh nghiệp).

² Tên doanh nghiệp.

³ Địa danh nơi doanh nghiệp đăng ký hoạt động.

⁴ Chất ma túy, tiền chất, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

⁵ Cơ quan cấp phép thuộc Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

⁶ Mục đích: sử dụng, kinh doanh, nghiên cứu, kiểm nghiệm, khảo nghiệm và mục đích khác (nêu chi tiết).

Mẫu số 02A

.....¹

.....²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/năm/GPNK-tên viết
tất³

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm.....

GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU (XUẤT KHẨU).....⁴

Thủ trưởng²

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 30 tháng 3 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số... /NĐ-CP ngày ...tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy;

Căn cứ Quyết định số:... ngày...tháng...năm ... của ...¹ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ...²

Xét đơn đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu (xuất khẩu)...⁴ tại hồ sơ số ngày...tháng...năm... của⁵

Theo đề nghị của⁶

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công ty.....⁷ trụ sở tại: điện thoại:, số fax:, Giấy phép kinh doanh số: do:cấp ngày tháng.... năm....., được phép:

1. Nhập khẩu (xuất khẩu):⁴

2. Mục đích nhập khẩu (xuất khẩu)⁸:

3. Cửa khẩu nhập khẩu (xuất khẩu):

4. Phương tiện và điều kiện vận chuyển:

5. Thời gian thực hiện nhập khẩu (xuất khẩu) dự kiến:

6. Số lần thực hiện nhập khẩu (xuất khẩu):

Điều 2. Công ty⁷ có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của Luật Phòng,

chống ma túy; Nghị định số... /NĐ-CP ngày ...tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống ma túy và ...⁹

Điều 3. Giấy phép này có giá trị đến hết ngày...tháng... năm..../.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Công an¹⁰;
- Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan);
- Chi cục Hải quan...¹¹;
- Lưu: VT,²

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP²

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục

DANH MỤC

(Kèm theo Giấy phép số:... ngày... tháng...năm...)

STT	Tên thương mại/ Tên hóa học	Mã CAS	Mã HS	ĐVT	Số lượng	Hàm lượng
1						
2						

¹ Cơ quan chủ quản (Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

² Cơ quan cấp phép.

³ Viết tắt của loại hàng nhập khẩu/xuất khẩu (chất ma túy gồm GN, HT; TC; TTY).

⁴ Chất ma túy (ghi rõ chất gây nghiện hoặc chất hướng thần), tiền chất, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất.

⁵ Ghi theo số tiếp nhận của Cơ quan cấp phép.

⁶ Thủ trưởng đơn vị tiếp nhận, thẩm định trực tiếp được Cơ quan cấp phép giao nhiệm vụ.

⁷ Tên doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy phép nhập khẩu.

⁸ Mục đích: sử dụng, kinh doanh, nghiên cứu, kiểm nghiệm, khảo nghiệm và mục đích khác (nêu chi tiết).

⁹ Tên văn bản quy định khác có liên quan của cơ quan quản lý chuyên ngành (chất ma túy, tiền chất, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất).

¹⁰ Cơ quan được giao nhiệm vụ đầu mối phối hợp kiểm soát.

¹¹ Ghi rõ tên Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu (xuất khẩu).

Mẫu số 02B

.....¹
.....²

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independent - Freedom - Happiness

Number: /Year/GPNK-
abbreviations³

Ha Noi, date..... month..... year.....

IMPORT (EXPORT) LICENSE.....⁴

Director/General of.....²

Pursuant to the Law on Drug Prevention and Control of March 30, 2021;

Pursuant to the Government's Decree No. /2021/ND-CP of..., 2021, detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Drug Prevention and Control

Pursuant to Decision No:... date...month...year... of... on defining functions, tasks, powers and organizational structure of...²

Consider the Application for an Import (Export) License.....⁴ in the application file

No date...month...year...of.....⁵

At the proposal of the⁶

DECISION

Article 1. Company⁷head office at: telephone:

....., fax number:, The business license number:

..... Issuing Office: Issuing date..... month..... year....., allowed:

1. Import (Export):⁴

2. Purpose⁸:

3. Import (Export) border gate:

4. Means and conditions of transportation:

5. Estimated time of import (export):

6. Number of times made import (export):

Article 2. Company⁷ is responsible for strictly complying with the provisions of the Law on Drug Prevention and Control; Decree No.... /ND-CP dated ...month... 2021 of the Government detailing and guiding the implementation of a number of articles of the Law on Drug Prevention and Control and ...⁹

Article 3. This license is valid until the end of the day...month...year..../.

Recipients:

- As Article 2;
- Police;
- Ministry of Finance (General Department of Customs);
- Customs Branch...;
- Archives: office storage,²

HEAD OF LICENSING AGENCY²

(signed and sealed)

Annex

LIST OF SUBSTANCES

(Enclosed with License No:... date... month)

Number	Tradenames/ Chemical name	CAS number	HS number	Unit	Quantity	Content
1						
2						

¹ Managing agency (Ministry of Public Security, Ministry of Industry and Trade, Ministry of Agriculture and Environment)

² Licensing authorities

³ Abbreviation for import/export goods (drugs include GN, HT; TC; TTY)

⁴ Narcotic substances (specify narcotic or psychotropic substances), precursors, veterinary drugs containing narcotic substances, precursors

⁵ Record according to the receiving number of the Licensing Authority

⁶ The head of the receiving and appraising unit is assigned the task by the licensing agency

⁷ Name of enterprise applying for import license

⁸ Purpose: use, business, research, testing, testing and other purposes (specify)

⁹ Name of other relevant regulatory documents of specialized management

agencies (narcotics, precursors, veterinary drugs containing narcotic substances, precursors).

23. Cấp, cấp lại, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cùng trên dây chuyền sản xuất thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất

a) Trình tự thực hiện

(1) Trường hợp cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cùng trên dây chuyền sản xuất thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất:

Bước 1: Cơ quan, tổ chức khi tiến hành các hoạt động sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất gửi hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cục Chăn nuôi và Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hoặc gửi bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (Cơ quan cấp phép)

Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cơ quan cấp phép tiến hành tiếp nhận, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đối với dây chuyền sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; trường hợp không đủ điều kiện cho phép sản xuất, cơ quan cấp phép trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất.

(2) Trường hợp cấp lại, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cùng trên dây chuyền sản xuất thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất:

Bước 1: Cơ quan, tổ chức thì cơ quan, tổ chức lập 01 bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Cơ quan cấp phép hoặc gửi bản điện tử thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tại Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Bước 2:

- Trường hợp giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan cấp phép tiến hành thẩm định và cấp lại giấy chứng nhận.

- Trường hợp có thay đổi về địa điểm, quy mô, chủng loại, loại hình nghiên cứu, sản xuất: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cơ quan cấp phép tiến hành tiếp nhận, thẩm định, đánh giá thực tế ở cơ sở và quyết định sửa đổi giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất đối với dây chuyền sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; trường hợp không đủ điều kiện cho phép sản xuất, cơ quan cấp phép trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp;
- Qua đường bưu điện;
- Trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

(1) Trường hợp cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cùng trên dây chuyền sản xuất thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất:

- Văn bản đề nghị của tổ chức có hoạt động sản xuất;
- Bản sao Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y đã được cấp;
- Tài liệu chứng minh quy trình sản xuất, các nguyên liệu làm thuốc thú y là chất gây nghiện, chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thú y.

(2) Trường hợp cấp lại đối với giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của cơ quan, tổ chức:

- Văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận (đối với trường hợp sai sót thuộc về cơ quan cấp phép);
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y đã được cấp.

(3) Trường hợp sửa đổi giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chất ma túy, tiền chất và thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất khi có thay đổi về địa điểm, quy mô, chủng loại, loại hình nghiên cứu, sản xuất:

- Công văn đề nghị;
- Bản sao có chứng thực tài liệu chứng minh có thay đổi.

* Số lượng: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường).

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất quy định tại Phụ lục XXV Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

g) Phí, lệ phí: không

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ quy định

chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phòng, chống ma túy;

- Thông tư số 12/2020/TT-BNNPTNT ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; kê đơn, đơn thuốc thú y; sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT;

- Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư về quản lý thuốc thú y (Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT).

PHỤ LỤC XXV

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT THUỐC THÚ Y

Số:/GCN-SXT

Tên đơn vị:

Địa chỉ:

Số điện thoại/Tel: Số Fax/Fax. No:

Được công nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y đối với: (*)

.....

.....

Giấy chứng nhận đủ điều kiện này có hiệu lực đến: ngày tháng....năm....

Hà Nội, ngày tháng năm....

CỤC TRƯỞNG

Ghi chú: (*) ghi rõ dây chuyền sản xuất sản phẩm như dây chuyền sản xuất thuốc

được liệu, hóa chất, chế phẩm sinh học,...

24. Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Cục Chăn nuôi và Thú y cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y đối với báo chí, trang thông tin điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, các sản phẩm in, bản ghi âm, ghi hình và các thiết bị công nghệ khác của Trung ương, phát hành toàn quốc.

- Bước 2: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký biết để hoàn thiện đối với những trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu;

- Bước 3: Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y. Trường hợp không cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không cấp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XLII ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Bản sao chụp giấy chứng nhận đăng ký thuốc thú y;

- Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự);

- Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hóa, thể thao (đóng dấu xác nhận của Doanh nghiệp).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Hoàn thiện hồ sơ: 05 ngày làm việc;

- Cấp hoặc không cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y: 10 ngày kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y

- f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Công văn trả lời
- g) Phí: Phí thẩm định nội dung quảng cáo thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản, trang thiết bị, dụng cụ dùng trong thú y: 900.000 đồng/lần.
- h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:
- Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XLII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;
- i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không
- k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:
- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
 - Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

PHỤ LỤC XLII

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC THÚ Y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC THÚ Y

Kính gửi: ⁽¹⁾

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Fax:..... E-mail:

Số giấy phép hoạt động:

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:

Kính đề nghị xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với thuốc thú y sau:

TT	Tên thuốc thú y	Giấy chứng nhận đăng ký	Phương tiện quảng cáo
----	-----------------	-------------------------	-----------------------

1			
2			

Các tài liệu gửi kèm:

- 1.....
 2.....
 3.....

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện tổ chức, cá nhân

(ký tên và đóng dấu nếu có)

Ghi chú: (1) Gửi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nếu đăng ký quảng cáo tại địa phương; gửi Cục Thú y nếu đăng ký quảng cáo toàn quốc.

PHỤ LỤC XLIII

MẪU GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC THÚ Y
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CƠ QUAN CHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẢN	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TÊN CƠ QUAN XÁC	-----
NHẬN	
NỘI DUNG QUẢNG CÁO	
THUỐC THÚ Y	

(Địa danh), ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC THÚ Y

Số: /20... /XNQC-ký hiệu viết tắt của cơ quan có thẩm quyền

(Tên cơ quan có thẩm quyền)..... **xác nhận:**

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:

.....

Địa chỉ:

Số điện thoại:Fax: E-mail:

Có nội dung quảng cáo ⁽¹⁾ các thuốc thú y trong bảng dưới đây phù hợp với quy định hiện hành.

TT	Tên thuốc thú y	Giấy chứng nhận lưu hành	Phương tiện quảng cáo
1			
2			

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quảng cáo thuốc thú y đúng nội dung đã được xác nhận.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1). Nội dung quảng cáo được đính kèm Giấy xác nhận này.

25. Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Chủ hàng gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch đến Cục Chăn nuôi và Thú y.

Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ theo quy định, Cục Chăn nuôi và Thú y căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu; có văn bản đồng ý kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu và hướng dẫn kiểm dịch cho chủ hàng và cơ quan kiểm dịch cửa khẩu qua thư điện tử (trường hợp chủ hàng đăng ký kiểm dịch qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp) hoặc gửi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (trường hợp đăng ký kiểm dịch qua Cổng thông tin một cửa quốc gia). Trường hợp không đồng ý phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Đối với động vật, sản phẩm động vật từ quốc gia, vùng lãnh thổ lần đầu tiên đăng ký nhập khẩu vào Việt Nam hoặc từ quốc gia, vùng lãnh thổ có nguy cơ cao về dịch bệnh động vật phải được Cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành phân tích nguy cơ theo quy định tại Điều 43 của Luật Thú y.

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp;

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đăng ký kiểm dịch nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản theo Mẫu 02 TS Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT;

- Bản sao mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu của cơ quan thẩm quyền nước xuất khẩu có xác nhận của doanh nghiệp (đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản có nguồn gốc từ những quốc gia, vùng lãnh thổ chưa có thỏa thuận về mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch với Việt Nam);

- Bản sao Giấy phép CITES có xác nhận của doanh nghiệp (đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản có trong Danh mục động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc quy định của Công ước CITES);

- Bản chụp Giấy phép nhập khẩu do Tổng cục Thủy sản cấp, có xác nhận của doanh nghiệp (đối với động vật thủy sản không thuộc Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam theo quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: văn bản đồng ý kiểm dịch.

h) Phí, lệ phí: không quy định.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đăng ký kiểm dịch nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản theo Mẫu 02 TS Phụ lục V ban hành kèm theo 26/2016/TT-BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện: không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành sửa đổi Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

- Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

CÔNG TY
Địa chỉ:
Tel:
Fax:
Email:
Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

Mẫu: 02 TS

ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH NHẬP KHẨU
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty....., đề nghị
Cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn Công ty kiểm dịch nhập khẩu số hàng sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng	Đơn vị tính	Nước xuất xứ
1.						
2.						
...						

- Tên, địa chỉ Công ty xuất khẩu:.....
.....
.....

- Tên, địa chỉ cơ sở nuôi/sản xuất giống/cơ sở sơ chế, chế biến sản phẩm động vật thủy sản tại nước xuất khẩu:.....
.....

Mã số:.....

- Cửa khẩu nhập:.....

- Thời gian thực hiện:.....

- Mục đích sử dụng:.....

- Tên, địa chỉ nơi cách ly kiểm dịch động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu:

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Đề nghị ghi rõ: Tên, số lượng, đơn vị tính, nước xuất xứ, cửa khẩu nhập của từng loài động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản;
- Số lượng động vật, sản phẩm động vật có thể dự trữ nhập khẩu trong 06 tháng;
- (1) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

26. Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Khi có yêu cầu nhận mẫu bệnh phẩm từ nước ngoài gửi vào Việt Nam hoặc gửi mẫu bệnh phẩm từ Việt Nam ra nước ngoài, chủ hàng phải gửi 01 đơn đăng ký kiểm dịch theo Mẫu 06 TS ban hành kèm theo Phụ lục V của Thông tư này đến Cục Chăn nuôi và Thú y theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp.

Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đơn đăng ký hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y trả lời chủ hàng bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận.

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

Đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm thủy sản theo Mẫu 06 TS ban hành kèm theo Phụ lục V của Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đơn đăng ký hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y trả lời chủ hàng bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận.

g) Phí, lệ phí: Không quy định

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đăng ký gửi/nhận mẫu bệnh phẩm thủy sản theo Mẫu 06 TS ban hành kèm theo Phụ lục V của Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

Tên tổ chức, cá nhân CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Địa chỉ:
Tel:
Fax:
Email:
Số:/.....
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 06 TS

ĐĂNG KÝ GỬI/NHẬN MẪU BỆNH PHẨM THỦY SẢN

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

..... (Tên tổ chức, cá nhân)..... đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn việc gửi/nhận mẫu bệnh phẩm thủy sản, chi tiết như sau:

STT	Tên mẫu bệnh phẩm	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn vị tính
		Tổng số		

- Tên tổ chức, cá nhân gửi mẫu bệnh phẩm:.....

Địa chỉ:
.....

- Tên tổ chức, cá nhân nhận mẫu bệnh phẩm:.....
.....

Địa chỉ:
.....

- Cửa khẩu nhập/xuất:.....

- Thời gian thực hiện:.....

- Mục đích sử dụng:.....

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:.....
.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

Tổ chức cá nhân đăng ký

(Ký tên, đóng dấu)

27. Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch đến Cục Chăn nuôi và Thú y.

- Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu, Cục Chăn nuôi và Thú y có văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam Cục Chăn nuôi và Thú y gửi văn bản hướng dẫn kiểm dịch cho chủ hàng và cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu qua thư điện tử (đối với trường hợp chủ hàng đăng ký kiểm dịch qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp) hoặc gửi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (đối với trường hợp đăng ký kiểm dịch qua Cổng thông tin một cửa quốc gia).

b) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua thư điện tử (trường hợp chủ hàng đăng ký qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp) hoặc gửi trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (trường hợp chủ hàng đăng ký trên Cổng thông tin một cửa quốc gia).

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đăng ký kiểm dịch tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật thủy sản theo mẫu 04TS phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT; mẫu 05TS phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT đối với hàng nhập, xuất kho ngoại quan

- Bản sao Hợp đồng thương mại có xác nhận của doanh nghiệp;

- Bản sao Giấy phép CITES có xác nhận của doanh nghiệp đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản có trong Danh mục động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc quy định của Công ước CITES;

- Bản sao Giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất hàng hóa theo quy định có xác nhận của doanh nghiệp;

- Bản sao Giấy phép quá cảnh hàng hóa theo quy định có xác nhận của doanh nghiệp;

- Bản sao Giấy phép tạm nhập tái xuất hàng hóa theo quy định có xác nhận của doanh nghiệp;

- Bản sao Quyết định thành lập kho ngoại quan có xác nhận của doanh nghiệp, trường hợp thuê kho thì phải có Hợp đồng thuê kho ngoại quan có xác nhận của doanh nghiệp (đối với hàng nhập, xuất kho ngoại quan).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu, Cục Chăn nuôi và Thú y có văn bản

hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

- đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân
- e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y
- f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản hướng dẫn
- g) Phí, lệ phí: Không quy định
- h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đăng ký kiểm dịch tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật thủy sản theo mẫu 04TS phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT; mẫu 05TS phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT đối với hàng nhập, xuất kho ngoại quan

- i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

- k) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;
- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;
- Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

CÔNG TY
 Địa chỉ:
 Tel:
 Fax:
 Email:
 Số:/.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

Mẫu: 04 TS

ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH
TẠM NHẬP TÁI XUẤT, CHUYỂN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT
NAM ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh, Công ty đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn kiểm dịch số hàng sau theo hình thức:

☐ Tạm nhập tái xuất

☐ Quá cảnh

☐ Chuyển cửa khẩu

Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên hàng	Tên khoa học	Số lượng	Đơn vị tính	Nước xuất xứ
Tổng số					

- Từ Công ty:.....

Địa chỉ:

- Tên Công ty tiếp nhận (nước nhập khẩu):

Địa chỉ:

- Cửa khẩu nhập:.....

- Cửa khẩu xuất:.....

- Thời gian thực hiện:.....

- Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam:

- Lộ trình trên lãnh thổ Việt Nam:

.....

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)
Ghi chú:

- Số lượng hàng có thể dự trữ để thực hiện trong 06 tháng.

CÔNG TY

Địa chỉ:

Tel:

Fax:

Email:

Số:/.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

Mẫu: 05 TS
**ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH XUẤT/NHẬP KHO NGOẠI QUAN
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN**

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh, Công ty đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn kiểm dịch số hàng sau theo hình thức xuất/nhập kho ngoại quan. Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên hàng	Tên khoa học	Số lượng	Đơn vị tính	Nước xuất xứ
Tổng số					

- Từ Công ty:.....

Địa chỉ:

.....

- Cửa khẩu nhập:.....

- Tên, địa chỉ kho ngoại quan:..... Giấy phép số.....ngày...../...../....., thời hạn:.....*hoặc* Hợp đồng thuê kho ngoại quan số:.....ngày...../...../....., thời hạn:.....

- Mục đích nhập hàng vào kho ngoại quan:.....

- Thời gian thực hiện:.....

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:

.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Số lượng hàng có thể dự rù để thực hiện trong 06 tháng.

28. Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Trước khi nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật trên cạn, chủ hàng gửi Cục Chăn nuôi và Thú y 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc dịch vụ bưu chính hoặc dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính

hoặc trực tiếp.

Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu, Cục Chăn nuôi và Thú y có văn bản hướng dẫn kiểm dịch gửi chủ hàng, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu qua Cổng thông tin một cửa quốc gia (đối với trường hợp chủ hàng đăng ký trên Cổng thông tin một cửa quốc gia) hoặc gửi thư điện tử (đối với trường hợp chủ hàng đăng ký qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax hoặc gửi trực tiếp).

Trường hợp động vật, sản phẩm động vật từ quốc gia, vùng lãnh thổ lần đầu tiên đăng ký nhập khẩu vào Việt Nam hoặc từ quốc gia, vùng lãnh thổ có nguy cơ cao về dịch bệnh động vật phải được Cục Chăn nuôi và Thú y tiến hành phân tích nguy cơ theo quy định tại Điều 43 Luật Thú y.

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị hướng dẫn kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu theo Mẫu 19 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT). Đối với hồ sơ đăng ký kiểm dịch nhập khẩu bột thịt xương, văn bản đề nghị theo Mẫu 20 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT);

- Văn bản hoặc giấy phép theo quy định đối với động vật, sản phẩm động vật thuộc đối tượng quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan khác;

- Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y của cơ sở sản xuất gia công, chế biến hàng xuất khẩu trong trường hợp động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu để gia công, chế biến hàng xuất khẩu.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu theo Mẫu 19 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT) hoặc Đơn đăng ký kiểm dịch nhập khẩu bột thịt xương Mẫu 20 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y ngày 19/6/2015;
- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;
- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016;
- Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;
- Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

Mẫu 19

CÔNG TY.....

Địa chỉ:

Tel:

Fax:

Email:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20....

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU**Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y**

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công ty..... đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn Công ty được kiểm dịch nhập khẩu lô hàng:

I. ĐỘNG VẬT

STT	Loại động vật	Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số)	Số lượng (con) ⁽¹⁾		Nước xuất xứ	Cửa khẩu nhập
			Đực	Cái		
	Tổng số					

- Từ Công ty:

Địa chỉ:

.....

- Tên trang trại.....

Địa chỉ.....

- Thời gian thực hiện:

- Mục đích sử dụng:

- Địa điểm nuôi cách ly kiểm dịch:

.....

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:

.....

II. SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

STT	Tên hàng	Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số)	Số lượng ⁽¹⁾ (tấn)	Nước xuất xứ	Cửa khẩu nhập
	Tổng số				

- Từ Công ty:.....

.....

Địa chỉ:

.....

.....

- Từ Nhà máy sản xuất, chế biến:

Địa chỉ:.....

.....

- Thời gian thực hiện:

- Mục đích sử dụng:

.....

.

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:

.....

.

.....

.

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y.

CÔNG TY

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

(1): Số lượng động vật, sản phẩm động vật có thể dự trữ nhập khẩu trong 03 tháng

Mẫu 20

CÔNG TY

Địa chỉ:

Tel:

Fax:

Email:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20....

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH NHẬP KHẨU BỘT THỊT XƯƠNG**Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y**

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công ty..... đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn Công ty được kiểm dịch nhập khẩu lô hàng bột thịt xương:

STT	Tên hàng	Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số)	Số lượng ⁽¹⁾ (tấn)	Nước xuất xứ	Cửa khẩu nhập
	Tổng số				

- Từ Công ty:

Địa chỉ:

.....

- Từ Nhà máy sản xuất, chế biến:

Địa chỉ:

.....

.

.....

- Thời gian thực hiện:

.....

.

- Mục đích sử dụng: chế biến thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm.

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:

.....

.

.....

.

Chúng tôi cam kết không sử dụng bột thịt xương của loài nhai lại để sản xuất thức ăn cho loài nhai lại và cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y

CÔNG TY
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(1): Số lượng có thể dự trữ nhập khẩu trong 03 tháng.

29. Đăng ký vận chuyển mẫu bệnh phẩm động vật trên cạn

a) Trình tự thực hiện:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đưa vào Việt Nam, gửi ra nước ngoài mẫu bệnh phẩm phải đăng ký và gửi hồ sơ tới Cục Chăn nuôi và Thú y.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Đơn đăng ký theo Mẫu 5 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT.

d) Thời hạn giải quyết: không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch

g) Phí, lệ phí: Không quy định

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đăng ký theo Mẫu 5 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT

i) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

Tên tổ chức, cá nhân
 Địa chỉ:
 Tel:
 Fax:
 Email:
 Số:/

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

Mẫu 5

ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH
GỬI MẪU BỆNH PHẨM TỪ VIỆT NAM RA NƯỚC NGOÀI/ NHẬN
MẪU BỆNH PHẨM TỪ NƯỚC NGOÀI VỀ VIỆT NAM

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

.....(Tên tổ chức, cá nhân)..... đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn kiểm dịch Gửi/Nhận mẫu bệnh phẩm như sau:

STT	Loại mẫu bệnh phẩm	Tên được lấy mẫu/ loài lấy tên khoa học	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng	Cửa khẩu xuất	Cửa khẩu nhập

- Nguồn gốc, xuất xứ:.....
- Tên tổ chức, cá nhân gửi mẫu bệnh phẩm:.....
- Địa chỉ:
- Tên tổ chức, cá nhân nhận mẫu bệnh phẩm:.....
- Địa chỉ:
- Thời gian thực hiện:.....
- Mục đích sử dụng:.....
- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

THỦ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

30. Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

Trước khi tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam động vật, sản phẩm động vật, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch tới Cục Chăn nuôi và Thú y theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu, Cục Chăn nuôi và Thú y có văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

b) Cách thức thực hiện: Gửi qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ: Đơn đăng ký kiểm dịch theo Mẫu 17 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT) để đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam.

- Hợp đồng thương mại.
- Văn bản hoặc giấy phép theo quy định đối với động vật, sản phẩm động vật thuộc đối tượng quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan khác.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

Ban hành văn bản hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Chăn nuôi và Thú y

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản hướng dẫn

h) Phí, lệ phí: Không quy định

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đăng ký kiểm dịch theo Mẫu 17 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y ngày 19/6/2015;
- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;
- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016;
- Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;
- Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

Mẫu 17

CÔNG TY.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ:

Tel:

Fax:

Email:

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20...

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH**Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y**

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh của Công ty, Giám đốc Công ty.....
 đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn Công ty được kiểm dịch lô hàng sau theo hình thức ⁽¹⁾:

Tạm nhập tái xuất ☐Tạm xuất tái nhập ☐Chuyển cửa khẩu ☐Quá cảnh lãnh thổ Việt Nam ☐

STT	Tên hàng	Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số)	Số lượng ⁽²⁾ (tấn)	Nước xuất xứ	Cửa khẩu nhập	Cửa khẩu xuất
	Tổng số					

- Từ Công ty:

Địa chỉ:

- Tên Công ty tiếp nhận:

Địa chỉ:

- Thời gian thực hiện:

- Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam:

- Lộ trình trên lãnh thổ Việt Nam:

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:

.

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y.

CÔNG TY.....

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

(1): Đề nghị chỉ đánh dấu 01 hình thức kiểm dịch nêu trên.

(2): Số lượng có thể dự trữ nhập khẩu trong 03 tháng.

31. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trước khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật có yêu cầu kiểm dịch, chủ hàng phải đăng ký kiểm dịch với Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền (sau đây gọi là cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu).

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền quyết định và thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch về địa điểm và thời gian tiến hành kiểm dịch;

Bước 3: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch phải thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký kiểm dịch theo Mẫu 2 phụ lục V Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT);

- Yêu cầu vệ sinh thú y của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng (nếu có);

- Mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch về địa điểm và thời gian tiến hành kiểm dịch: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ;

- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: 05 ngày làm việc, kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền (Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu theo Mẫu số 13a, 13b Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

- Hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu: 180 ngày (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

h) Phí, lệ phí:

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT);

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y ngày 19/6/2015;

- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

Mẫu 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU

Số:/ĐK-KDXK

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

.....

Địa chỉ giao dịch:

Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân:.....Cấp ngày/...../.....
 tại

Điện thoại:Fax:Email:

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

Loại động vật	Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số)	Giống	Tuổi	Tính biệt		Mục đích sử dụng
				Đực	Cái	
Tổng số						

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Tình trạng sức khỏe động vật:

.....

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:

..... theo Quyết định số/.....ngày...../...../.....của
 (1)(nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

- 1/Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....
 2/Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....
 3/Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....
 4/Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....
 5/Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

- 1/tiêm phòng ngày...../...../.....
 2/tiêm phòng ngày...../...../.....
 3/tiêm phòng ngày...../...../.....
 4/tiêm phòng ngày...../...../.....
 5/tiêm phòng ngày...../...../.....

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

Tên hàng	Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số)	Quy cách đóng gói	Số lượng (2)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
	Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số/.....ngày...../...../.....của(3)..... (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

.....

Điện thoại:Fax:.....

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

.....

Điện thoại: Fax: Email:.....

Cửa khẩu xuất:

Thời gian hàng đến cửa khẩu xuất:Phương tiện vận chuyển:

Nước nhập khẩu:Nước quá cảnh (nếu có):

Điều kiện bảo quản hàng trong vận chuyển:

Các vật dụng khác có liên quan kèm theo trong vận chuyển:

Hồ sơ giấy tờ liên quan đến hàng vận chuyển gồm:

Địa điểm cách ly kiểm dịch:

Thời gian tiến hành kiểm dịch:

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

..... vào hồigiờ..... ngày/...../.....

Vào sổ đăng ký số..... ngày/...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại.....

Ngàythángnăm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG

KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

Mẫu 13a*Form*

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT NAME OF ANIMAL
HEALTH ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU

ANIMAL HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT

Số:/CN-KDDVXX

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:

Name and address of exporter:

.....

.

Tel: Fax: Email:

Nơi xuất phát của động vật:

Place of origin of the animal/s:

I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG

IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

Số hiệu Official mark	Giống Breed	Tính biệt Sex	Tuổi Age

Tổng số:

Total:

II. XUẤT ĐI

DESTINATION OF THE ANIMAL/S

Nước nhập hàng: Phương tiện vận chuyển:

Country of destination:

Means of transport:

Tên, địa chỉ người nhận hàng:

Name and address of consignee:

.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH**HEALTH CERTIFICATE**

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số động vật trên đã được kiểm tra:

I, the undersigned official Veterinarian certify that the animal/s described above was/were examined:

a/ Không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm trong ngày xuất phát.

Showed no clinical sign of contagious diseases on the day of shipment.

b/ Đáp ứng được các yêu cầu sau:

Satisfies/satisfy the following requirements:

.....

Giấy có giá trị đến:

...../...../.....

Valid up to

Giấy này làm tại ngày / /

Issued at

on

Bác sĩ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR (Signature, stamp, full name)

Mẫu 13b*Form*

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG
VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH
ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU
HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT OF ANIMAL PRODUCTS

Số:/CN-KDSPĐVXK

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:

Name and address of exporter:

.....

Tel: Fax: Email:

Tên, địa chỉ người nhận hàng:

Name and address of consignee:

.....

Loại sản phẩm:

.....

.

Type of products:

Quy cách đóng gói:

Type of package:

Số kiện hàng: Khối lượng:

Number of package:

Net weight:

Tên, địa chỉ nhà máy sản xuất, chế biến hàng:

Name and address of the processing establishment:

.....

Tel: Fax:

Phương tiện vận chuyển:

Means of transport:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật trên đáp ứng được các yêu cầu sau:

I, the undersigned official Veterinarian certify that the products described above satisfy the following requirement:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Giấy có giá trị đến:
...../...../.....

Valid up to

Bác sĩ thú y(Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

Giấy này làm tại ngày/..../....
Issued at *on*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR(Signature, stamp, full name)

32. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu mang theo người

a) Trình tự thực hiện: Chủ hàng đăng ký kiểm dịch nhập khẩu trực tiếp tại cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu khi mang không quá 02 con với mục đích để nuôi làm cảnh, sinh hoạt trong gia đình hoặc mang theo đi du lịch, công tác, quá cảnh và không thuộc Danh mục động vật cấm xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định; Sản phẩm động vật: Không quá 05 kg sản phẩm đã qua chế biến dùng làm thực phẩm để tiêu dùng cá nhân và không thuộc Danh mục sản phẩm động vật cấm xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định. Cơ quan kiểm dịch cửa khẩu thực hiện:

- Đối với động vật: Kiểm tra Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu; kiểm tra lâm sàng động vật; phòng bệnh bằng vắc xin đối với động vật chưa được phòng bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; lấy mẫu xét nghiệm đối với động vật nghi mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm.

- Đối với sản phẩm động vật: Kiểm tra Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu; kiểm tra cảm quan, tình trạng bao gói sản phẩm động vật.

- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu đối với động vật, sản phẩm động vật đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y.

- Lập biên bản và tiêu hủy ngay tại khu vực gần cửa khẩu đối với động vật mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, sản phẩm động vật không đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y.

- Trường hợp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu không hợp lệ, cơ quan kiểm dịch cửa khẩu lập biên bản tạm giữ hàng và xử lý theo quy định.

- Không mang theo người sản phẩm có nguồn gốc động vật ở dạng tươi sống, sơ chế.

b) Cách thức thực hiện: đăng ký kiểm dịch nhập khẩu trực tiếp tại cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * Thành phần hồ sơ:

- Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu

- * Số lượng hồ sơ: không quy định

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan kiểm dịch cửa khẩu

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch

g) Phí, lệ phí:

Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác Thú y ban hành kèm theo Thông tư số 285/2016/TT-BTC;

Điều 3 Thông tư số 44/2018/TT-BTC

Phụ lục II Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không****k) Căn cứ pháp lý:**

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội.
- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.
- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.
- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.
- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

33. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật trên cạn tham gia hội chợ, triển lãm

a) Trình tự thực hiện:

Khi kết thúc hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương hướng dẫn vệ sinh, khử trùng, tiêu độc khu vực tập trung động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật, sản phẩm động vật đạt yêu cầu vệ sinh thú y để vận chuyển, sử dụng trong nước; trường hợp có nhu cầu xuất ra khỏi Việt Nam, chủ hàng phải làm thủ tục theo quy định về kiểm dịch xuất khẩu.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch

g) Phí, lệ phí:

Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác Thú y ban hành kèm theo Thông tư số 285/2016/TT-BTC;

Phụ lục II Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Không quy định

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;
- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;
- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;
- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;
- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

34. Cấp giấy vận chuyển mẫu bệnh phẩm thủy sản

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sau khi nhận được văn bản chấp thuận của Cục Chăn nuôi và Thú y, chủ hàng đăng ký cấp Giấy chứng nhận mẫu bệnh phẩm thủy sản với Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

Bước 2: Trong 01 ngày làm việc, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện:

- Kiểm tra văn bản chấp thuận của Cục Chăn nuôi và Thú y và các giấy tờ liên quan; tình trạng bao gói, bảo quản mẫu bệnh phẩm;

- Cấp giấy chứng nhận vận chuyển đối với mẫu bệnh phẩm có hồ sơ hợp lệ; được bao gói, bảo quản đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y.

Số lượng Giấy chứng nhận vận chuyển cấp: 02 bản (01 bản lưu tại cơ quan kiểm dịch cửa khẩu, 01 bản gửi chủ hàng).

b) Cách thức thực hiện: trực tiếp.

c) Hồ sơ: Văn bản chấp thuận của Cục Chăn nuôi và Thú y và các giấy tờ khác có liên quan.

d) Thời hạn giải quyết: trong thời hạn 01 ngày làm việc, cơ quan kiểm dịch cấp Giấy chứng nhận vận chuyển đối với mẫu bệnh phẩm có hồ sơ hợp lệ; được bao gói, bảo quản đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận vận chuyển gửi mẫu bệnh phẩm thủy sản theo mẫu số 18 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT;

Giấy chứng nhận vận chuyển nhận mẫu bệnh phẩm thủy sản theo mẫu số 19 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí: không quy định.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: không quy định

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu: 18 TS

GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN GỬI MẪU BỆNH PHẨM THỦY SẢN
CERTIFICATE FOR SENDING THE SAMPLE OF AQUATIC ANIMAL FOR DIAGNOSTIC TESTS
Số:/CN-GMBPTS

Number:

Tên, địa chỉ người gửi mẫu: Name and address of sender: Tel: Fax: Email:			
Tên, địa chỉ người nhận mẫu: Name and address of recipient: Tel: Fax: Email:			
STT Number	Loại mẫu Type of sample	Loại động vật thủy sản/ Tên khoa học Species/Scientific name	Số lượng Quantity
Tổng số (Total)			
Mục đích sử dụng: Use: Quy cách đóng gói: Số lượng bao gói: Type of packaged: Number of packaged: Cửa khẩu xuất: Phương tiện vận chuyển: Declared point of exit: Means of transport:			
CHỨNG NHẬN CERTIFICATE Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận: I, the undersigned Animal Quarantine Officer, certifies that: Số mẫu bệnh phẩm thủy sản trên được bao gói, bảo quản đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y. The samples aquatic animals for diagnostic tests described above were packaged and preserved meet the veterinary hygiene requirements.			
Giấy có giá trị đến:/...../..... Valid up to		Giấy này làm tại ngày/...../..... Issued at on	
Kiểm dịch viên động vật (Ký, ghi rõ họ tên) Animal Quarantine Officer (Signature, full name)		THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) DIRECTOR (Signature, stamp, full name)	

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT



NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu: 19 TS

GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN NHẬN MẪU BỆNH PHẨM THỦY SẢN

Số:/CN-NMBPTS

Number:

Tên, địa chỉ người gửi mẫu:

Tel: Fax: Email:

Tên, địa chỉ người nhận mẫu:

Tel: Fax: Email:

STT	Loại mẫu	Loại động vật thủy sản/ Tên khoa học	Số lượng
		Tổng số (Total)	

Mục đích sử dụng:

Quy cách đóng gói: Số lượng bao gói:

Cửa khẩu nhập: Phương tiện vận chuyển:

CHỨNG NHẬN

CERTIFICATE

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

Số mẫu bệnh phẩm thủy sản trên được bao gói, bảo quản đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y.

Giấy có giá trị đến:/...../.....

Giấy này làm tại ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

35. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập khẩu

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Trước khi hàng về đến cửa khẩu, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đến cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp.

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật hợp lệ, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu quyết định và thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch về địa điểm, thời gian để tiến hành kiểm dịch.

Bước 3: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch theo quy định tại Điều 47 Luật Thú y, cụ thể:

** Đối với động vật nhập khẩu:*

- Kiểm tra hồ sơ khai báo kiểm dịch, tình trạng sức khỏe của động vật; nếu hồ sơ hợp lệ, động vật không có dấu hiệu mắc bệnh nguy hiểm thì xác nhận để làm thủ tục và chuyển động vật đến khu cách ly kiểm dịch hoặc đến địa điểm đã được kiểm tra, có đủ điều kiện để cách ly kiểm dịch (Chủ hàng có trách nhiệm bố trí địa điểm cách ly kiểm dịch; Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu, Trung tâm Kiểm tra vệ sinh thú y có trách nhiệm kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y bảo đảm để cách ly kiểm dịch động vật); Giám sát động vật tại khu cách ly kiểm dịch hoặc tại địa điểm có đủ điều kiện cách ly kiểm dịch; thời gian theo dõi cách ly kiểm dịch phù hợp với từng loài động vật, từng bệnh được kiểm tra nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày bắt đầu cách ly kiểm dịch;

- Lấy mẫu kiểm tra bệnh động vật, áp dụng các biện pháp phòng bệnh bắt buộc cho động vật theo quy định tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT, Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT);

- Hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc.

** Đối với sản phẩm động vật nhập khẩu:*

- Kiểm tra hồ sơ khai báo kiểm dịch, thực trạng hàng hoá, nếu đạt yêu cầu thì lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo quy định;

- Hướng dẫn chủ hàng thực hiện các biện pháp vệ sinh, khử trùng, tiêu độc.

Trường hợp động vật, sản phẩm động vật không đạt yêu cầu thì lập biên bản và xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với lô hàng nhập khẩu với mục đích làm mẫu, có trọng lượng dưới 50 kg được miễn Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu, miễn lấy mẫu kiểm tra.

Bước 4: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và thông báo cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y nơi đến:

- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu đối với động vật đạt yêu cầu vệ sinh thú y theo Mẫu 15a ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu đối với sản phẩm động vật đạt yêu cầu vệ sinh thú y theo Mẫu 15b ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- * Thành phần hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật:

- Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT);

- Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu (miễn trong trường hợp nhập khẩu lô hàng sản phẩm động vật làm mẫu có trọng lượng dưới 50 kg).

- * Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật hợp lệ, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu quyết định và thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch về địa điểm, thời gian để tiến hành kiểm dịch.

- Thời gian theo dõi cách ly kiểm dịch phù hợp với từng loài động vật, từng bệnh được kiểm tra nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày bắt đầu cách ly kiểm dịch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền (Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu theo Mẫu số 15a, 15b Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

- Hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nhập khẩu: 60 ngày (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y ngày 19/6/2015;

- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm

ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH (*)

Số:/ĐK-KD

Kính gửi:(**)

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:FaxE-mail

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch lô hàng (***):(nhập khẩu, TNTX, quá cảnh
lãnh thổ,...)

1. Tên hàng:

1a. Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số):

2. Nơi sản xuất:

3. Số lượng:

4. Trọng lượng tịnh:

5. Trọng lượng cả bì:

6. Loại bao bì:

7. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr...):

8. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

9. Nước xuất khẩu:

10. Cửa khẩu xuất:

11. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

12. Nước nhập khẩu:

13. Phương tiện vận chuyển:

14. Cửa khẩu nhập:

15. Mục đích sử dụng:

16. Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y (nếu có):

17. Địa điểm kiểm dịch:

18. Thời gian kiểm dịch:

19. Địa điểm giám sát (nếu có):

20. Thời gian giám sát:

21. Số bản giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:

22. Số, ngày vận đơn/hoặc hợp đồng vận chuyển (nếu có):.....

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (****).

TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm:

.....

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi giờ, ngày tháng năm

Vào sổ số, ngày tháng năm.....

.....(**)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(*) Đăng ký theo mẫu này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

(**) Tên Cơ quan Kiểm dịch;

(***) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng;

(****) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu;

Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân, ngày tháng và nơi cấp.

Mẫu 15a

**TÊN CƠ QUAN KIỂM
DỊCH ĐỘNG VẬT**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU

Số:/CN-KĐĐVNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân:Cấp ngày/...../.....

tại

Điện thoại:Fax:Email:

Có nhập khẩu số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi	Tính biệt		Số lượng (con)	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

.....

Nước xuất khẩu: Nước quá cảnh (nếu có)

Nơi chuyển đến:

Các vật dụng khác có liên quan:

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

.....

Số, ngày vận đơn/hợp đồng vận chuyển (nếu có):

Phương tiện vận chuyển:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật nêu trên:

1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Đã được kiểm tra và không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi nhập khẩu.

3. Số động vật trên đã được tiêm phòng và có miễn dịch với các bệnh:

a/Tiêm phòng ngày/...../.....

b/Tiêm phòng ngày/...../.....

c/Tiêm phòng ngày/...../.....

4. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ.....

5. Động vật đã được xét nghiệm và cho kết quả âm tính với các bệnh..... tại kết quả xét nghiệm số...../ ngày...../...../.....của..... (nếu có)

Giấy có giá trị đến:
...../...../.....

Cấp tại, ngày/..../....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu 15b

**TÊN CƠ QUAN KIỂM
DỊCH ĐỘNG VẬT**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU

Số:/CN-KDSPĐVNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại:Fax:Email:

Có nhập khẩu số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (1)	Trọng lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

.....

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, chế biến:

.....

Nước xuất khẩu: Nước quá cảnh (nếu có)

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: Thời gian nhập:/...../.....

Nơi chuyển đến:

Các vật dụng khác có liên quan:

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

.....

Số, ngày vận đơn/hợp đồng vận chuyển (nếu có):

Phương tiện vận chuyển:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật nêu trên:

1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Đã được kiểm tra và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y khi nhập khẩu.
3. Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản theo quy định.

4. Số sản phẩm động vật trên đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ (nếu có).
5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ
6. Sản phẩm động vật đã được xét nghiệm và cho kết quả âm tính với các bệnh..... tại kết quả xét nghiệm số...../..... ngày...../...../..... của..... (nếu có)

Giấy có giá trị đến:
...../...../.....

Cấp tại, ngày/..../....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(1) Số lượng kiện, thùng, hộp,

36. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm

a) Trình tự thực hiện;

- Bước 1: Trước khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản có trong Danh mục động vật, sản phẩm động vật thủy sản thuộc diện phải kiểm dịch dùng làm thực phẩm, tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch với cơ quan có thẩm quyền.

- Bước 2: Khi nhận được đăng ký kiểm dịch của tổ chức, cá nhân, cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật như sau:

+ Kiểm tra số lượng, chủng loại, bao gói động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

+ Kiểm tra dấu hiệu mắc bệnh động vật;

+ Lấy mẫu xét nghiệm bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu (nếu có), trừ các bệnh đã được công nhận an toàn dịch bệnh đối với cơ sở nuôi nơi xuất xứ của động vật thủy sản;

Trường hợp lấy mẫu xét nghiệm bệnh thì trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày lấy mẫu, cơ quan có thẩm quyền kiểm dịch gửi mẫu tới phòng thử nghiệm được chỉ định để xét nghiệm bệnh;

- Bước 3: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được mẫu xét nghiệm bệnh, phòng thử nghiệm thông báo kết quả xét nghiệm bệnh cho cơ quan có thẩm quyền kiểm dịch.

- Bước 4: cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: Trường hợp không phải lấy mẫu xét nghiệm bệnh, cơ quan có thẩm quyền kiểm dịch cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả kiểm tra đạt yêu cầu;

Trường hợp phải lấy mẫu xét nghiệm bệnh, cơ quan có thẩm quyền kiểm dịch cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu;

Trường hợp chủ hàng có yêu cầu đổi Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với lô hàng, cơ quan có thẩm quyền kiểm dịch kiểm tra lô hàng và cấp đổi Giấy chứng nhận kiểm dịch.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm/kiểm dịch và cấp chứng thư lô hàng thủy sản xuất khẩu mẫu 14 TS Phụ lục 5 Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT;

- Yêu cầu về kiểm dịch của nước nhập khẩu (nếu có);
- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản thuộc đối tượng quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan khác, phải nộp văn bản hoặc giấy phép theo quy định;
- Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh của cơ sở nuôi thủy sản nơi xuất xứ của thủy sản để sản xuất lô hàng (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp không phải lấy mẫu xét nghiệm bệnh: cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả kiểm tra đạt yêu cầu

- Trường hợp phải lấy mẫu xét nghiệm:

+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền kiểm dịch gửi mẫu tới phòng thử nghiệm được chỉ định để xét nghiệm bệnh;

+ Phòng thử nghiệm thông báo kết quả xét nghiệm bệnh trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được mẫu

+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan có thẩm quyền

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch

g) Phí, lệ phí:

- Mục III Thông tư số 285/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y

- Điều 3 Thông tư số 44/2018/TT-BTC sửa đổi Thông tư số 285/2016/TT-BTC, Thông tư số 286/2016/TT-BTC

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: mẫu 14 TS Phụ lục 5 Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM/KIỂM DỊCH
VÀ CẤP CHỨNG THƯ LÔ HÀNG THỦY SẢN XUẤT KHẨU**

Mẫu: 14 TS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐĂNG KÝ
KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM/KIỂM DỊCH VÀ CẤP
CHỨNG THƯ LÔ HÀNG THỦY SẢN XUẤT KHẨU**

Số:

Kính gửi:

PHẦN KHAI BÁO CỦA CHỦ HÀNG	
1. Chủ hàng: Địa chỉ: Điện thoại: Fax:	2. Người nhận hàng: Địa chỉ: Điện thoại: Fax:
3. Nơi đi: Dự kiến ngày xuất khẩu:	4. Nơi đến:
5. Mô tả hàng hóa: Tên thương mại..... Tên khoa học..... Dạng sản phẩm:	6. Số lượng:cnts Khối lượng.....kg
7. Cơ sở sản xuất: Mã số cơ sở:	8. Mã số lô hàng: Thời gian sản xuất:
9. Thời gian đăng ký kiểm tra: Địa điểm đăng ký kiểm tra:	10. Đề nghị cấp chứng thư chuyển tiếp tại:
11. Xuất xứ nguyên liệu để sản xuất lô hàng: ☐ Thủy sản nuôi ☐ Thủy sản khai thác tự nhiên - Trong nước: ☐ Tên vùng nuôi, thu hoạch/vùng khai thác: - Nhập khẩu: ☐ Tên nước/vùng lãnh thổ xuất xứ nguyên liệu:	
PHẦN XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM TRA, CHỨNG NHẬN	
Hồ sơ đăng ký: ☐ Đạt ☐ Không đạt ☐ Bổ sung thêm Lý do không đạt: Các hồ sơ cần bổ sung:	

Kết quả xem xét sau khi bổ sung:	
Ngày kiểm tra dự kiến:	
..... , ngày/...../..... <i>Đại diện Chủ hàng</i> <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>	 , ngày/...../..... Đại diện Cơ quan kiểm tra, chứng nhận <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>

37. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để tiêu thụ trong nước

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sau khi Cục Chăn nuôi và Thú y có văn bản đồng ý, chủ hàng gửi hồ sơ khai báo kiểm dịch đến cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu trước khi hàng đến cửa khẩu nhập.

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật quyết định và thông báo cho chủ hàng thời gian, địa điểm tiến hành kiểm dịch.

- Chủ hàng có trách nhiệm bố trí địa điểm cách ly kiểm dịch;

- Nơi cách ly kiểm dịch được bố trí tại địa điểm bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, được cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu kiểm tra và giám sát trong thời gian nuôi cách ly kiểm dịch.

Trường hợp động vật thủy sản nuôi ở lồng, bè trên biển thì phải được nuôi cách ly ở lồng, bè cách biệt với khu vực nuôi trồng thủy sản; nếu động vật thủy sản nuôi tại cơ sở trên đất liền phải được nuôi cách ly ở bể, ao riêng biệt.

- Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu có trách nhiệm kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y bảo đảm điều kiện để cách ly kiểm dịch và thông báo kết quả kiểm tra cho chủ hàng, Cục Chăn nuôi và Thú y qua thư điện tử hoặc fax, sau đó gửi bản chính.

- Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu kiểm dịch theo nội dung quy định tại Điều 47 Luật Thú y;

- Đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống: lấy mẫu xét nghiệm các bệnh theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT;

- Đối với động vật thủy sản thương phẩm: chỉ lấy mẫu xét nghiệm bệnh nếu phát hiện động vật có dấu hiệu mắc bệnh được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT;

- Đối với sản phẩm động vật thủy sản: kiểm tra thực tế hồ sơ và hàng hóa tại cửa khẩu nhập hoặc tại nơi tập kết hàng. Nếu đáp ứng yêu cầu thì cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT và cấp Giấy chứng

nhận vận chuyển động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu (Mẫu 09TS) để chủ hàng vận chuyển hàng về kho bảo quản theo đề nghị của chủ hàng (kho bảo quản của chủ hàng phải bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y). Chủ hàng phải chịu trách nhiệm trong việc vận chuyển, bảo quản hàng hóa và không được đưa hàng đi tiêu thụ khi chưa có kết quả kiểm dịch.

Trường hợp sản phẩm động vật thủy sản không thể lấy mẫu tại cửa khẩu hoặc tại nơi tập kết hàng thì cơ quan kiểm dịch cửa khẩu thực hiện lấy mẫu kiểm dịch tại kho bảo quản.

Riêng đối với sản phẩm động vật thủy sản đông lạnh phải được lưu giữ tại cửa khẩu nhập đến khi có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu.

- Thời gian nuôi cách ly kiểm dịch: không quá 10 ngày đối với động vật thủy sản làm giống, không quá 03 ngày đối với động vật thủy sản thương phẩm kể từ ngày cách ly kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn thời gian nêu trên thì cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo đến chủ hàng bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Bước 3: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch

- Đối với lô sản phẩm động vật thủy sản phải lấy mẫu kiểm tra: trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu đối với sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan. Trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc thì cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo đến chủ hàng bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Đối với lô sản phẩm động vật thủy sản không phải lấy mẫu kiểm tra: trong thời gian 01 ngày làm việc, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu sau khi kiểm tra hồ sơ đạt yêu cầu để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan;

- Đối với động vật thủy sản giống: ngay sau khi có kết quả xét nghiệm bệnh đạt yêu cầu, động vật thủy sản giống khỏe mạnh, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan;

- Đối với động vật thủy sản thương phẩm: sau khi đưa về nơi cách ly kiểm dịch tối thiểu 01 ngày, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu đối với động vật khỏe mạnh; trường hợp phải lấy mẫu kiểm tra thì ngay sau khi có kết quả xét nghiệm bệnh đạt yêu cầu, động vật thủy sản giống khỏe mạnh, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan;

- Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin gồm: số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, số lượng hàng ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua

dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT;

- Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu. Trường hợp nộp bản sao hoặc tại thời điểm gửi hồ sơ chưa cung cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu thì phải gửi bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu khi kiểm tra hàng hóa;

- Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp Vận tải đơn.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với lô sản phẩm động vật thủy sản phải lấy mẫu kiểm tra: trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu đối với sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan. Trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc thì cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thông báo đến chủ hàng bằng văn bản và nêu rõ lý do;

- Đối với lô sản phẩm động vật thủy sản không phải lấy mẫu kiểm tra: trong thời gian 01 ngày làm việc, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu sau khi kiểm tra hồ sơ đạt yêu cầu để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan;

- Đối với động vật thủy sản giống: ngay sau khi có kết quả xét nghiệm bệnh đạt yêu cầu, động vật thủy sản giống khỏe mạnh, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan;

- Đối với động vật thủy sản thương phẩm: sau khi đưa về nơi cách ly kiểm dịch tối thiểu 01 ngày, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu đối với động vật khỏe mạnh; trường hợp phải lấy mẫu kiểm tra thì ngay sau khi có kết quả xét nghiệm bệnh đạt yêu cầu, động vật thủy sản giống khỏe mạnh, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu để chủ hàng hoàn thiện thủ tục hải quan;

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu mẫu 10 TS ban hành kèm theo Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất (gồm kho ngoại quan), chuyển cửa khẩu: 40.000 đồng/lần theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật (bao gồm cả thủy sản: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo Mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện: không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu: 03 TS

....., ngày..... tháng năm

**ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

Số:...../KBKD-TSXNK

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân khai báo:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax.....Email

Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số/Số định danh cá nhân:Ngày cấp.../.../.....Tại.....

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch:

- | | | |
|--|---|---|
| ☐ Xuất khẩu | ☐ Kho ngoại quan | ☐ Tạm xuất tái nhập |
| ☐ Nhập khẩu | ☐ Quá cảnh | ☐ Khác (đề nghị ghi rõ)..... |
| ☐ Tạm nhập tái xuất | ☐ Chuyển khẩu | |

Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng	Đơn vị tính	Nước xuất xứ

- Nơi sản xuất:
- Loại bao bì, quy cách đóng gói:
- Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr ...):
- Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/ nhập khẩu:
- Nước xuất khẩu/ nhập khẩu:
- Nước quá cảnh (nếu có):.....
- Cửa khẩu xuất:
- Cửa khẩu nhập:
- Phương tiện vận chuyển:
- Mục đích sử dụng:
- Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y: Số/TY-KDTS, ngày....tháng.....năm.....
- Địa điểm kiểm dịch/cách ly kiểm dịch:.....
- Địa điểm nuôi trồng (nếu có):

14. Thời gian kiểm dịch:
15. Địa điểm giám sát (nếu có):
16. Thời gian giám sát:
17. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hoá; đưa hàng về đúng địa điểm, đúng thời gian đã khai báo; chỉ đưa hàng hóa vào sử dụng, lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHAI BÁO

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hoá về địa điểm:

.....

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi giờ, ngày tháng năm

Vào sổ số, ngày tháng năm

CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN (nếu có):

.....

.....

.....

....., ngày tháng năm

CHI CỤC HẢI QUAN CỦA KHẨU

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Mẫu Đơn khai báo này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

- Đơn khai báo được làm thành 03 bản: 01 bản cơ quan kiểm dịch giữ, 01 bản cơ quan hải quan giữ, 01 bản tổ chức, cá nhân khai báo kiểm dịch giữ;

-(1) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

**TÊN CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mẫu: 09 TS

**GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU**
Số:/CN-VCTSNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: Email:

Nhập khẩu số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản sau:

S	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/D phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Mục đích sử dụng:

Quy cách đóng gói/bao quản: Số lượng bao gói:

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Vùng/nước xuất khẩu:/..... Nước quá cảnh:

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: Thời gian nhập:/...../.....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

CHỨNG NHẬN

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1. Lô hàng nhập khẩu có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
 2. Thực trạng sức khỏe động vật thủy sản/điều kiện vệ sinh thú y của sản phẩm thủy sản khi nhập khẩu:
 3. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ
 4. Được phép vận chuyển số hàng trên về:
- Địa chỉ:

YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN

1. Số hàng trên phải được vận chuyển đến địa điểm nêu trên trước ngày/...../.....
2. Chỉ được vận chuyển theo lộ trình:
3. Nghiêm cấm vứt chất thải, rác thải, xác thủy sản trong quá trình vận chuyển.

Giấy có giá trị đến/...../..... Cấp tại, ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Kích thước cả thể đối với thủy sản giống/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm thủy sản.

TÊN CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu: 10 TS

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU

Số:/CN-TSNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Di động: Fax:

Có nhập khẩu số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Loại cá thể/Dạng sản phẩm (1)	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Mục đích sử dụng:

Quy cách đóng gói/bảo quản:Số lượng bao gói:

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Vùng/nước xuất khẩu: Nước quá cảnh:

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: Thời gian nhập:/...../.....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

Nơi chuyển đến:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản trên:

1/ Có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ hợp lệ khi nhập khẩu;

2/ Động vật thủy sản không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm/Sản phẩm động vật thủy sản không có biểu hiện biến đổi, mang mầm bệnh; được bao gói, bảo quản đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

3/ Số hàng trên đã được lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm theo kết quả xét nghiệm số:

...../.....ngày...../..... của(2)..... (gửi kèm bản sao, nếu có).

4/ Số hàng trên đáp ứng các yêu cầu sau:

.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằngnồng độ

Giấy có giá trị đến ngày/...../.....

ấp tại, ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Kích thước cá thể đối với động vật thủy sản giống/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản;
- (2) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

38. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Khi nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản không vì mục đích kinh doanh, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch nhập khẩu đến cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu theo quy định tại khoản 6 Điều 4 của Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ giấy hoặc gửi trực tiếp.

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo hợp lệ, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch như sau:

- Kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu; đối chiếu chủng loại, số lượng, khối lượng hàng thực nhập;

- Kiểm tra thực trạng hàng hóa; điều kiện nuôi giữ động vật thủy sản; bao gói, bảo quản sản phẩm động vật thủy sản;

- Trường hợp phát hiện động vật thủy sản không có trong Danh mục các loài thủy sản nhập khẩu thông thường, động vật thủy sản mắc bệnh, sản phẩm động vật thủy sản có biểu hiện biến chất, không đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y, xử lý tiêu hủy hoặc trả về nước xuất khẩu;

- Sau khi kiểm tra, động vật thủy sản khỏe mạnh, sản phẩm động vật thủy sản bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y; được nuôi giữ, bao gói, bảo quản theo quy định, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu để chủ hàng làm thủ tục hải quan, bưu điện.

b) Cách thức thực hiện:

Gửi hồ sơ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ giấy hoặc gửi trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT;

- Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu. Trường hợp nộp bản sao hoặc tại thời điểm gửi hồ sơ chưa cung cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu thì phải gửi bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu khi kiểm tra hàng hóa.

- Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp Vận tải đơn.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu mang theo người, gửi qua bưu điện: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ khai báo hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu mẫu 10 TS ban hành kèm theo Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất (gồm kho ngoại quan), chuyển cửa khẩu: 40.000 đồng/lần theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật (bao gồm cả thủy sản: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-

BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;
- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;
- Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;
- Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;
- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;
- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu: 03 TS

....., ngày..... tháng năm

**ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

Số:...../KBKD-TSXNK

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân khai báo:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax.....Email

Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số/Số định danh cá nhân:.....Ngày cấp.../.../.....Tại.....

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch:

- | | | |
|--|---|---|
| ☐ Xuất khẩu | ☐ Kho ngoại quan | ☐ Tạm xuất tái nhập |
| ☐ Nhập khẩu | ☐ Quá cảnh | ☐ Khác (đề nghị ghi rõ)..... |
| ☐ Tạm nhập tái xuất | ☐ Chuyển khẩu | |

Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng	Đơn vị tính	Nước xuất xứ

- Nơi sản xuất:
- Loại bao bì, quy cách đóng gói:
- Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr ...):
- Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/ nhập khẩu:
- Nước xuất khẩu/ nhập khẩu:
- Nước quá cảnh (nếu có):.....
- Cửa khẩu xuất:
- Cửa khẩu nhập:
- Phương tiện vận chuyển:
- Mục đích sử dụng:
- Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y: Số/TY-KDTS, ngày.....tháng.....năm.....
- Địa điểm kiểm dịch/cách ly kiểm dịch:.....
- Địa điểm nuôi trồng (nếu có):
- Thời gian kiểm dịch:
- Địa điểm giám sát (nếu có):

16. Thời gian giám sát:

17. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hoá; đưa hàng về đúng địa điểm, đúng thời gian đã khai báo; chỉ đưa hàng hóa vào sử dụng, lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHAI BÁO

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hoá về địa điểm:

.....

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi giờ, ngày tháng năm

Vào sổ số, ngày tháng năm

CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN (nếu có):

.....
.....
.....

....., ngày tháng năm

CHI CỤC HẢI QUAN CỦA KHẨU

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Mẫu Đơn khai báo này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

- Đơn khai báo được làm thành 03 bản: 01 bản cơ quan kiểm dịch giữ, 01 bản cơ quan hải quan giữ, 01 bản tổ chức, cá nhân khai báo kiểm dịch giữ;

-(1) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Mẫu: 08 TS

ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU
HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT OF AQUATIC ANIMAL, AQUATIC ANIMAL'S PRODUCTS
 Số:/CN-TSXK

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: <i>Name and address of exporter:</i> Tel: Fax: Email:				
Tên, địa chỉ người nhận hàng: <i>Name and address of consignee:</i> Tel: Fax: Email:				
STT <i>Number</i>	Tên thương mại <i>Trade name</i>	Tên khoa học <i>Scientific name</i>	Số lượng <i>Quantity</i>	Trọng lượng <i>Net weight</i>
		Tổng số (Total)		
Mục đích sử dụng: ☐ Thực phẩm (Human consumption) ☐ Làm giống (Transplantation: Egg, Gametes etc) <i>Use:</i> ☐ Làm cảnh (Ornamental) ☐ Nghiên cứu và thí nghiệm (Research & laboratory) ☐ Khác (Other):				
Quy cách đóng gói: <i>Type of packaged:</i>		Số lượng bao gói: <i>Number of packaged:</i>		
Nước/địa phương xuất hàng:/..... <i>Exporting country/locality:</i>		Cửa khẩu xuất: <i>Declared point of exit:</i>		
Phương tiện vận chuyển: <i>Means of transport:</i>		Nước nhập hàng: <i>Importing country:</i>		
CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH HEALTH CERTIFICATE				
Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận: <i>I, the undersigned Animal Quarantine Officer, certifies that:</i>				
☐ Số động vật thủy sản trên đã được kiểm tra; động vật khỏe mạnh, âm tính với các bệnh. <i>The aquatic animals described above were examined; animals are healthy, negative with the following diseases:</i>				
.....				
☐ Số sản phẩm động vật thủy sản trên đã được kiểm tra, đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y. <i>The aquatic animal products described above were examined, meet the veterinary hygiene standards.</i>				
.....				
Giấy có giá trị đến:/...../..... <i>Valid up to</i>		Giấy này làm tại ngày/...../..... <i>Issued at on</i>		
Kiểm dịch viên động vật (Ký, ghi rõ họ tên) Animal Quarantine Officer (Signature, full name)		THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) DIRECTOR (Signature, stamp, full name)		

39. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu mang theo người, gửi qua đường bưu điện
a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trước khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản mang theo người, gửi qua đường bưu điện; chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch xuất khẩu theo quy định đến cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ giấy hoặc gửi trực tiếp.

Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch như sau:

- Đối với động vật thủy sản: Kiểm tra lâm sàng, lấy mẫu xét nghiệm các bệnh theo yêu cầu của chủ hàng hoặc nước nhập khẩu;

- Đối với sản phẩm động vật thủy sản: Kiểm tra cảm quan, lấy mẫu xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo yêu cầu của chủ hàng hoặc nước nhập khẩu;

Bước 3: Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì phải thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Hướng dẫn chủ hàng thực hiện nuôi giữ thủy sản, bao gói sản phẩm thủy sản theo quy định, niêm phong hoặc đánh dấu hàng gửi; xử lý động vật, sản phẩm động vật thủy sản không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y để xuất khẩu.

b) Cách thức thực hiện: Gửi hồ sơ qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính, bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ giấy hoặc gửi trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ.

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT;

- Yêu cầu vệ sinh thú y của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng (nếu có);

- Bản chụp Giấy phép xuất khẩu thủy sản do Tổng cục Thủy sản cấp, có xác nhận của doanh nghiệp (đối với các loài thủy sản xuất khẩu có điều kiện theo quy định tại Phụ lục IX, Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu quyết định và thông báo cho tổ chức, cá nhân

đăng ký kiểm dịch về địa điểm, thời gian kiểm dịch;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch phải thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu theo mẫu số 08 TS ban hành kèm theo Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí:

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 01/01/2017

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT.

Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu theo mẫu số 08 TS ban hành kèm theo Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài

chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu: 03 TS

....., ngày..... tháng năm

**ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

Số:...../KBKD-TSXNK

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân khai báo:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax.....Email

Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số/Số định danh cá nhân:.....Ngày cấp.../.../.....Tại.....

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch:

- | | | |
|--|---|---|
| ☐ Xuất khẩu | ☐ Kho ngoại quan | ☐ Tạm xuất tái nhập |
| ☐ Nhập khẩu | ☐ Quá cảnh | ☐ Khác (đề nghị ghi rõ)..... |
| ☐ Tạm nhập tái xuất | ☐ Chuyển khẩu | |

Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng	Đơn vị tính	Nước xuất xứ

1. Nơi sản xuất:

2. Loại bao bì, quy cách đóng gói:

3. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr ...):

4. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/ nhập khẩu:

5. Nước xuất khẩu/ nhập khẩu:

6. Nước quá cảnh (nếu có):.....

7. Cửa khẩu xuất:

8. Cửa khẩu nhập:

9. Phương tiện vận chuyển:

10.Mục đích sử dụng:

11.Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y: Số/TY-KDTS,
ngày.....tháng.....năm.....

12.Địa điểm kiểm dịch/cách ly kiểm dịch:.....

13.Địa điểm nuôi trồng (nếu có):

14.Thời gian kiểm dịch:

15.Địa điểm giám sát (nếu có):

16.Thời gian giám sát:

17.Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hoá; đưa hàng về đúng địa điểm, đúng thời gian đã khai báo; chỉ đưa hàng hóa vào sử dụng, lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHAI BÁO

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hoá về địa điểm:

.....

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi giờ, ngày tháng năm

Vào sổ số, ngày tháng năm

CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN (nếu có):

.....

.....

.....

....., ngày tháng năm

CHI CỤC HẢI QUAN CỦA KHẨU

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Mẫu Đơn khai báo này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

- Đơn khai báo được làm thành 03 bản: 01 bản cơ quan kiểm dịch giữ, 01 bản cơ quan hải quan giữ, 01 bản tổ chức, cá nhân khai báo kiểm dịch giữ;

-(1) Kịch cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu: 08 TS

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU
HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT OF AQUATIC ANIMAL, AQUATIC ANIMAL'S PRODUCTS
Số:/CN-TSXK

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng: Name and address of exporter: Tel: Fax: Email:				
Tên, địa chỉ người nhận hàng: Name and address of consignee: Tel: Fax: Email:				
STT Number	Tên thương mại Trade name	Tên khoa học Scientific name	Số lượng Quantity	Trọng lượng Net weight
Tổng số (Total)				
Mục đích sử dụng: ☐ Thực phẩm (Human consumption) ☐ Làm giống (Transplantation: Egg, Gametes etc) Use: ☐ Làm cảnh (Ornamental) ☐ Nghiên cứu và thí nghiệm (Research & laboratory) ☐ Khác (Other):				
Quy cách đóng gói: Type of packaged:			Số lượng bao gói: Number of packaged:	
Nước/địa phương xuất hàng:/..... Exporting country/locality:			Cửa khẩu xuất: Declared point of exit:	
Phương tiện vận chuyển: Means of transport:			Nước nhập hàng: Importing country:	
CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH HEALTH CERTIFICATE				
Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận: I, the undersigned Animal Quarantine Officer, certifies that: ☐ Số động vật thủy sản trên đã được kiểm tra; động vật khỏe mạnh, âm tính với các bệnh. The aquatic animals described above were examined; animals are healthy, negative with the following diseases:				
☐ Số sản phẩm động vật thủy sản trên đã được kiểm tra, đáp ứng yêu cầu vệ sinh thú y. The aquatic animal products described above were examined, meet the veterinary hygiene standards.				
Giấy có giá trị đến:/...../..... Valid up to			Giấy này làm tại ngày/...../..... Issued at on	

Kiểm dịch viên động vật (Ký, ghi rõ họ tên) <i>Animal Quarantine Officer (Signature, full name)</i>	THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) DIRECTOR (Signature, stamp, full name)
--	--

40. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập, xuất kho ngoại quan

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sau khi Cục Chăn nuôi và Thú y có văn bản đồng ý, trước khi hàng đến cửa khẩu chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch cho cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

Bước 2: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch hàng hóa nhập vào kho ngoại quan như sau:

- Cấp Giấy chứng nhận vận chuyển để chủ hàng vận chuyển hàng hóa từ cửa khẩu nhập về kho ngoại quan;

- Tại kho ngoại quan, cơ quan kiểm dịch cửa khẩu phối hợp với cơ quan hải quan kiểm tra thực trạng lô hàng, xác nhận để chủ hàng nhập hàng vào kho ngoại quan.

Bước 3: Trước khi xuất hàng ra khỏi kho ngoại quan chủ hàng phải gửi hồ sơ khai báo kiểm dịch đến cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

Bước 4: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch hàng hóa xuất ra khỏi kho ngoại quan như sau:

- Thực hiện kiểm dịch theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 13 Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản tiêu thụ trong nước;

- Thực hiện kiểm dịch theo quy định tại Điều 50 Luật Thú y đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản gửi kho ngoại quan để tái xuất khẩu.

Trường hợp lô hàng được xuất ra khỏi kho ngoại quan từng phần, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu trừ lùi số lượng hàng trên Giấy chứng nhận kiểm dịch gốc của nước xuất khẩu, lưu bản sao chụp vào hồ sơ kiểm dịch. Giấy chứng nhận kiểm dịch gốc của nước xuất khẩu sẽ được cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thu lại và lưu vào hồ sơ của lần xuất hàng cuối cùng của lô hàng (trong trường hợp nhập để tiêu dùng trong nước) hoặc giao lại cho chủ hàng (trong trường hợp hàng tái xuất khẩu).

b) Cách thức thực hiện: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

1) Khai báo trước khi hàng đến cửa khẩu

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT;

- Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu. Trường hợp gửi bản sao hoặc tại thời điểm gửi hồ sơ chưa cung cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu thì phải gửi bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch khi kiểm tra hàng hóa.

- Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp Vận tải đơn.

2) Khai báo trước khi xuất hàng ra khỏi kho ngoại quan

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT;

- Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu. Trường hợp nộp bản sao hoặc tại thời điểm gửi hồ sơ chưa cung cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu thì phải gửi bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu khi kiểm tra hàng hóa.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Tại cửa khẩu, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thông báo cho chủ hàng để tiến hành kiểm dịch;

- Thời gian nuôi cách ly kiểm dịch: không quá 10 ngày đối với động vật thủy sản làm giống, không quá 03 ngày đối với động vật thủy sản thương phẩm;

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch;

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y ủy quyền.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập

khẩu quy định tại mẫu 10 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT;

Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam quy định tại mẫu 12 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất (gồm kho ngoại quan), chuyển cửa khẩu: 40.000 đồng/lần theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật bao gồm cả thủy sản: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú

y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu: 03 TS

....., ngày..... tháng năm

**ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

Số:...../KBKD-TSXNK

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân khai báo:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax.....Email

Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số/Số định danh cá nhân:.....Ngày cấp.../.../.....Tại.....

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch:

- | | | |
|--|---|---|
| ☐ Xuất khẩu | ☐ Kho ngoại quan | ☐ Tạm xuất tái nhập |
| ☐ Nhập khẩu | ☐ Quá cảnh | ☐ Khác (đề nghị ghi rõ)..... |
| ☐ Tạm nhập tái xuất | ☐ Chuyển khẩu | |

Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng	Đơn vị tính	Nước xuất xứ

- Nơi sản xuất:
- Loại bao bì, quy cách đóng gói:
- Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr ...):
- Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/ nhập khẩu:
- Nước xuất khẩu/ nhập khẩu:
- Nước quá cảnh (nếu có):.....
- Cửa khẩu xuất:
- Cửa khẩu nhập:
- Phương tiện vận chuyển:
- Mục đích sử dụng:
- Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y: Số/TY-KDTS, ngày.....tháng.....năm.....
- Địa điểm kiểm dịch/cách ly kiểm dịch:.....
- Địa điểm nuôi trồng (nếu có):
- Thời gian kiểm dịch:
- Địa điểm giám sát (nếu có):

16. Thời gian giám sát:

17. Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hoá; đưa hàng về đúng địa điểm, đúng thời gian đã khai báo; chỉ đưa hàng hóa vào sử dụng, lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHAI BÁO

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hoá về địa điểm:

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi giờ, ngày tháng năm

Vào sổ số, ngày tháng năm

CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN (nếu có):

.....

....., ngày tháng năm

CHI CỤC HẢI QUAN CỦA KHẨU

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Mẫu Đơn khai báo này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

- Đơn khai báo được làm thành 03 bản: 01 bản cơ quan kiểm dịch giữ, 01 bản cơ quan hải quan giữ, 01 bản tổ chức, cá nhân khai báo kiểm dịch giữ;

-(1) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

**TÊN CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mẫu: 09 TS

**GIẤY CHỨNG NHẬN VẬN CHUYỂN
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU**
Số:/CN-VCTSNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: Email:

Nhập khẩu số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Mục đích sử dụng:

Quy cách đóng gói/bảo quản: Số lượng bao gói:

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Vùng/nước xuất khẩu:/..... Nước quá cảnh:

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: Thời gian nhập:

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

CHỨNG NHẬN

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1. Lô hàng nhập khẩu có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
 2. Thực trạng sức khỏe động vật thủy sản/điều kiện vệ sinh thú y của sản phẩm thủy sản khi nhập khẩu:
 3. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ
 4. Được phép vận chuyển số hàng trên về:
- Địa chỉ:

YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN

1. Số hàng trên phải được vận chuyển đến địa điểm nêu trên trước ngày/...../.....
2. Chỉ được vận chuyển theo lộ trình:
3. Nghiêm cấm vứt chất thải, rác thải, xác thủy sản trong quá trình vận chuyển.

Giấy có giá trị đến/...../.....

Cấp tại, ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Kích thước cá thể đối với thủy sản giống/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm thủy sản.

**TÊN CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Mẫu: 10 TS

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN NHẬP KHẨU**

Số:/CN-TSNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Di động: Fax:

Có nhập khẩu số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Mục đích sử dụng:

Quy cách đóng gói/bảo quản: Số lượng bao gói:

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

.....

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

.....

Vùng/nước xuất khẩu:/..... Nước quá cảnh:

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: Thời gian nhập:/.....

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

.....

Nơi chuyển đến:

.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật thủy sản/sản phẩm động vật thủy sản trên:

1/ Có đầy đủ hồ sơ, giấy tờ hợp lệ khi nhập khẩu;

2/ Động vật thủy sản không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm/Sản phẩm động vật thủy sản không có biểu hiện biến đổi, mang mầm bệnh; được bao gói, bảo quản đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

3/ Số hàng trên đã được lấy mẫu kiểm tra, xét nghiệm theo kết quả xét nghiệm số:

...../..... ngày...../...../..... của(2)..... (gửi kèm bản sao, nếu có).

4/ Số hàng trên đáp ứng các yêu cầu sau:

.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng nồng độ

Giấy có giá trị đến ngày/...../.....

Cấp tại, ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật

(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Kích thước cá thể đối với động vật thủy sản giống/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản;

- (2) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION
 Địa chỉ:
 Address:
 Điện thoại: Fax:
 Telephone and Fax number:
 E.mail:



NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu 12 TS
 Form:

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN TẠM NHẬP TÁI XUẤT,
CHUYÊN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM
HEALTH CERTIFICATE

FOR THE TEMPORARY IMPORT FOR RE – EXPORT, TRANSPORT OF POINT, TRANSIT OF AQUATIC ANIMAL, AQUATIC ANIMAL'S PRODUCTS THROUGH VIET NAM'S TERRITORY

Số:/CN-TSTNTX

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:
 Name and address of consignor:

Tên, địa chỉ của chủ hàng (hoặc người đại diện):
 Name and address of owner of commodity or his representative:

Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng:
 Name and address of final consignee:

MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG
DESCRIPTION OF THE AQUATIC ANIMAL/AQUATIC ANIMAL'S PRODUCTS

STT Number	Tên thương mại Trade name	Tên khoa học Scientific name	Số lượng bao gói Number of packaged	Số lượng/Trọng lượng Quantity/net weight
			Tổng số (Total)	

Nhiệt độ bảo quản/ Preservation temp.: Thường/Ambient ☐
 lạnh/Chilled ☐ Đồng lạnh/ Frozen ☐

Ướt Số lượng Container:

Number of Containers:

Cửa khẩu nhập:

Cửa khẩu xuất:

Gate of entry:

Gate of exit:

Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ / / đến / /

The duration of transport or storage in Vietnam: From to

Phương tiện vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam:Biển kiểm soát.....

Means of transport in Vietnamese territory Register number

CHỨNG NHẬN
CERTIFICATION

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

I, the undersigned Animal Quarantine Officer, certifies that:

1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;

The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;

2/ Động vật thủy sản khỏe mạnh, không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm khi nhập vào Việt Nam/Sản phẩm thủy sản được bao gói, bảo quản đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú;

Aquatic animal/s is/are healthy, showed no clinical sign of contagious diseases when imported into Vietnam/The aquatic animal's product/s is/are packaged and stored in accordance with veterinary hygiene requirements;

3/ Các chất thải, chất độn, các dụng cụ có liên quan đã được xử lý vệ sinh thú y theo quy định;

DIRECTOR (Signature, stamp, full name)

41. Đăng ký, cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan

a) Trình tự thực hiện:

*** Đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan**

Bước 1: Trước khi thực hiện nhập, xuất kho ngoại quan động vật, sản phẩm động vật, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm dịch tới Cục Chăn nuôi và Thú y theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp.

Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; căn cứ tình hình dịch bệnh, hệ thống quản lý giám sát dịch bệnh, giám sát vệ sinh thú y của nước xuất khẩu, Cục Chăn nuôi và Thú y gửi văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch cho chủ hàng, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu qua thư điện tử hoặc gửi trên Cổng thông tin Một cửa quốc gia.

*** Cấp giấy kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan**

Bước 1: Sau khi Cục Chăn nuôi và Thú y có văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch, trước khi hàng đến cửa khẩu, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch tới Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp.

Bước 2: Cấp Giấy chứng nhận vận chuyển để chủ hàng vận chuyển hàng hóa từ cửa khẩu nhập về kho ngoại quan.

Bước 3: Tại kho ngoại quan, cơ quan kiểm dịch cửa khẩu phối hợp với cơ quan hải quan kiểm tra thực trạng lô hàng, xác nhận để chủ hàng nhập hàng vào kho ngoại quan.

Bước 4: Trước khi xuất hàng ra khỏi kho ngoại quan, chủ hàng phải gửi hồ sơ khai báo kiểm dịch đến Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

Bước 5: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch hàng hóa ra khỏi kho ngoại quan như sau:

Theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, khoản 5 Điều 1 Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT và khoản 1 Điều 9 Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT đối với sản phẩm động vật tiêu thụ trong nước; Điều 11 Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT đối với sản phẩm động vật làm nguyên liệu gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu;

Thực hiện theo quy định tại Điều 50 Luật Thú y đối với sản phẩm động vật gửi kho ngoại quan để tái xuất khẩu, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

Trường hợp lô hàng được xuất ra khỏi kho ngoại quan từng phần, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu trừ lùi số lượng hàng trên Giấy chứng nhận kiểm

dịch gốc của nước xuất khẩu, lưu bản sao chụp vào hồ sơ kiểm dịch. Giấy chứng nhận kiểm dịch gốc của nước xuất khẩu sẽ được cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thu lại và lưu vào hồ sơ của lần xuất hàng cuối cùng của lô hàng (trường hợp nhập để tiêu dùng trong nước, làm nguyên liệu sản xuất xuất khẩu) hoặc giao lại cho chủ hàng (trường hợp hàng tái xuất khẩu).

b) Cách thức thực hiện: Qua cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ đăng ký kiểm dịch:

- Văn bản đề nghị hướng dẫn kiểm dịch theo mẫu 18 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT);

- Hợp đồng thương mại;

- Văn bản hoặc giấy phép theo quy định đối với động vật, sản phẩm động vật thuộc đối tượng quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan khác.

* Thành phần hồ sơ khai báo kiểm dịch trước khi hàng đến cửa khẩu:

- Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT);

- Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu.

* Thành phần hồ sơ khai báo trước khi xuất hàng ra khỏi kho ngoại quan đối với sản phẩm động vật nhập khẩu để tiêu thụ trong nước hoặc làm nguyên liệu gia công, chế biến thực phẩm xuất khẩu:

- Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT);

- Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu.

* Thành phần hồ sơ khai báo trước khi xuất hàng ra khỏi kho ngoại quan đối với động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu sang nước khác hoặc tàu du lịch nước ngoài:

- Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT)

- Yêu cầu vệ sinh thú y của nước nhập khẩu hoặc chủ hàng (nếu có);

- Mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền của nước nhập khẩu (nếu có).

d) Thời hạn giải quyết: Cục Chăn nuôi và Thú y gửi văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cục Chăn nuôi và Thú y thực hiện đối với việc đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan.

- Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện đối với việc cấp giấy kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn nhập, xuất kho ngoại quan.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản hướng dẫn kiểm dịch;

- Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật xuất khẩu theo Mẫu số 13a Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

- Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu theo Mẫu số 13b Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

- Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu đối với động vật theo Mẫu 15a ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

- Giấy chứng nhận kiểm dịch nhập khẩu đối với sản phẩm động vật theo Mẫu 15b ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

- Chứng nhận kiểm dịch động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam (Mẫu 16a) (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT); Chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam (Mẫu 16b) Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất (gồm kho ngoại quan), chuyển cửa khẩu: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung

giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Văn bản đề nghị hướng dẫn kiểm dịch theo Mẫu 18 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT);

- Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT);

- Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y ngày 19/6/2015;

- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016;

- Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU

Số:/ĐK-KDXK

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân:.....Cấp ngày/...../.....

tại

Điện thoại:Fax:Email:

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

Loại động vật	Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số)	Giống	Tuổi	Tính biệt		Mục đích sử dụng
				Đực	Cái	
Tổng số						

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Tình trạng sức khỏe động vật:

.....

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:

..... theo Quyết định số/.....ngày...../...../.....của
 (1)(nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

2/Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

3/Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....
 4/Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....
 5/Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

1/tiêm phòng ngày...../...../.....
 2/tiêm phòng ngày...../...../.....
 3/tiêm phòng ngày...../...../.....
 4/tiêm phòng ngày...../...../.....
 5/tiêm phòng ngày...../...../.....

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

Tên hàng	Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số)	Quy cách đóng gói	Số lượng (2)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
	Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số/.....ngày...../...../.....của(3)..... (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

.....

Điện thoại:Fax:

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

.....

Điện thoại: Fax: Email:

Cửa khẩu xuất:

Thời gian hàng đến cửa khẩu xuất:Phương tiện vận chuyển:.....

Nước nhập khẩu:Nước quá cảnh (nếu có):

Điều kiện bảo quản hàng trong vận chuyển:

Các vật dụng khác có liên quan kèm theo trong vận chuyển:

Hồ sơ giấy tờ liên quan đến hàng vận chuyển gồm:

.....

.....

Địa điểm cách ly kiểm dịch:

Thời gian tiến hành kiểm dịch:

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

..... vào hồigiờ..... ngày/...../.....

Vào sổ đăng ký số..... ngày/...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại.....

Ngàythángnăm

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....thángnăm

ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH (*)

Số:/ĐK-KD

Kính gửi:(**)

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:

Địa chỉ:

Điện thoại:FaxE-mail

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch lô hàng (***):(nhập khẩu, TNTX, quá cảnh
lãnh thổ,...)

1. Tên hàng:

1a. Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số)

2. Nơi sản xuất:

3. Số lượng:

4. Trọng lượng tịnh:

5. Trọng lượng cả bì:

6. Loại bao bì:

7. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr...):

8. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

9. Nước xuất khẩu:

.....

.

10. Cửa khẩu xuất:

11. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:

12. Nước nhập khẩu:

13. Phương tiện vận chuyển:

14. Cửa khẩu nhập:

15. Mục đích sử dụng:

16. Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y (nếu có):

17. Địa điểm kiểm dịch:

18. Thời gian kiểm dịch:

19. Địa điểm giám sát (nếu có):

20. Thời gian giám sát:

21. Số bản giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:
22. Số, ngày vận đơn/hoặc hợp đồng vận chuyển (nếu có):.....

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (****).

TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm:
.....
để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi giờ, ngày tháng năm

Vào sổ số, ngày tháng năm.....
.....(**)
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(*) Đăng ký theo mẫu này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

(**) Tên Cơ quan Kiểm dịch;

(***) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng;

(****) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu;

Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân, ngày tháng và nơi cấp.

Mẫu 18

CÔNG TY.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ:

Tel:

Fax:

Email:

Số:/.....

....., ngày tháng năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH XUẤT/NHẬP KHO NGOẠI QUAN ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

Kính gửi: Cục Chăn nuôi và Thú y

Căn cứ nhu cầu sản xuất, kinh doanh, Công ty đề nghị Cục Chăn nuôi và Thú y hướng dẫn kiểm dịch số hàng sau theo hình thức xuất/nhập kho ngoại quan. Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên hàng	Mã số HS (mã HS theo quy định hiện hành là mã HS 8 số)	Số lượng	Đơn vị tính	Nước xuất xứ
Tổng số					

- Từ Công ty:

Địa chỉ:

- Cửa khẩu nhập:

- Tên, địa chỉ kho ngoại quan:

Giấy phép số ngày/...../....., thời hạn: hoặc Hợp đồng thuê kho ngoại quan số: ngày/...../....., thời hạn:

- Mục đích nhập hàng vào kho ngoại quan:

- Thời gian thực hiện:

- Các giấy tờ có liên quan kèm theo:

.....

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm Pháp luật về Thú y./.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Số lượng hàng có thể dự trữ để thực hiện trong 03 tháng.

Mẫu 13a*Form*

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT NAME OF ANIMAL
HEALTH ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU
ANIMAL HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT

Số:/CN-KĐDVXK

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:

Name and address of exporter:

.....

Tel: Fax: Email:

Nơi xuất phát của động vật:

Place of origin of the animal/s:

I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG
IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

Số hiệu <i>Official mark</i>	Giống <i>Breed</i>	Tính biệt <i>Sex</i>	Tuổi <i>Age</i>

Tổng số:

Total:

II. XUẤT ĐI
DESTINATION OF THE ANIMAL/S

Nước nhập hàng: Phương tiện vận chuyển:

Country of destination: *Means of transport:*

Tên, địa chỉ người nhận hàng:

Name and address of consignee:

.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số động vật trên đã được kiểm tra:

I, the undersigned official Veterinarian certify that the animal/s described above was/were examined:

a/ Không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm trong ngày xuất phát.

Showed no clinical sign of contagious diseases on the day of shipment.

b/ Đáp ứng được các yêu cầu sau:

Satisfies/satisfy the following requirements:

.....
.....
.....

Giấy có giá trị đến:

...../...../.....

Valid up to

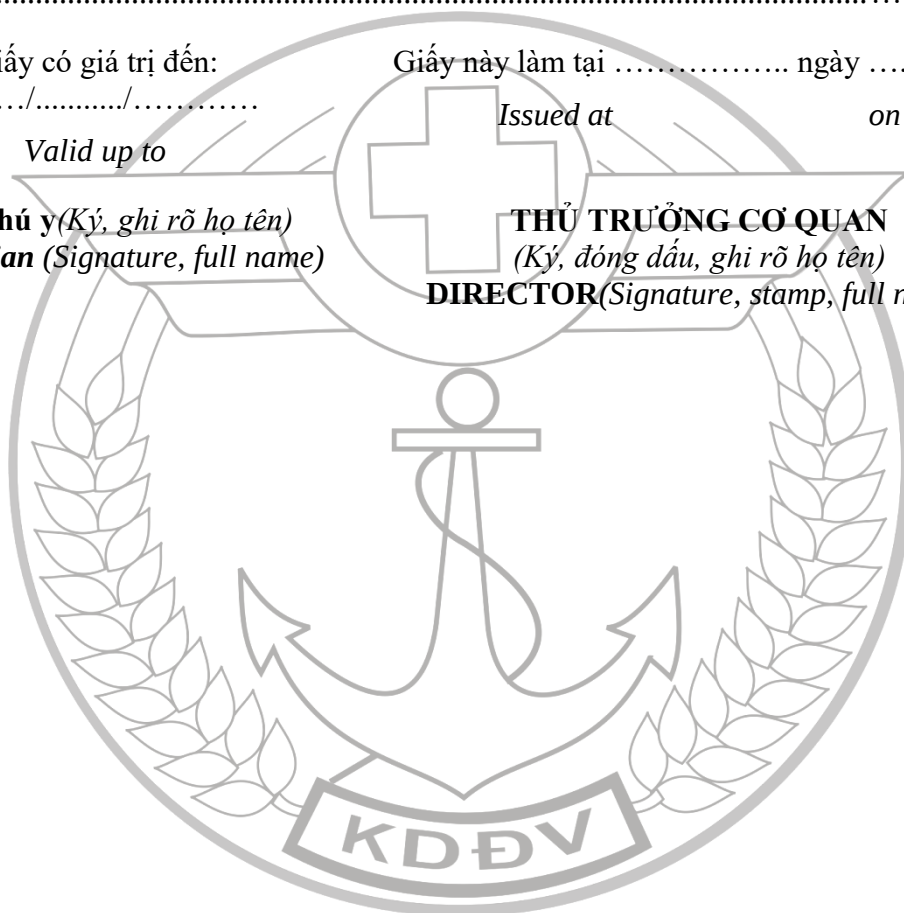
Giấy này làm tại ngày / /

Issued at

on

Bác sĩ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR (Signature, stamp, full name)



Mẫu 13b

Form

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG
VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH
ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU
HEALTH CERTIFICATE FOR EXPORT OF ANIMAL PRODUCTS

Số:/CN-KDSPĐVXK

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:

Name and address of exporter:

.....

Tel: Fax: Email:

Tên, địa chỉ người nhận hàng:

Name and address of consignee:

.....

Loại sản phẩm:

Type of products:

Quy cách đóng gói:

Type of package:

Số kiện hàng: Khối lượng:

Number of package:

Net weight:

Tên, địa chỉ nhà máy sản xuất, chế biến hàng:

Name and address of the processing establishment:

.....

Tel: Fax:

Phương tiện vận chuyển:

Means of transport:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật trên đáp ứng được các yêu cầu sau:

I, the undersigned official Veterinarian certify that the products described above satisfy the following requirement:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Giấy có giá trị đến:

...../...../.....

Valid up to

Bác sĩ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

Giấy này làm tại

ngày/..../....

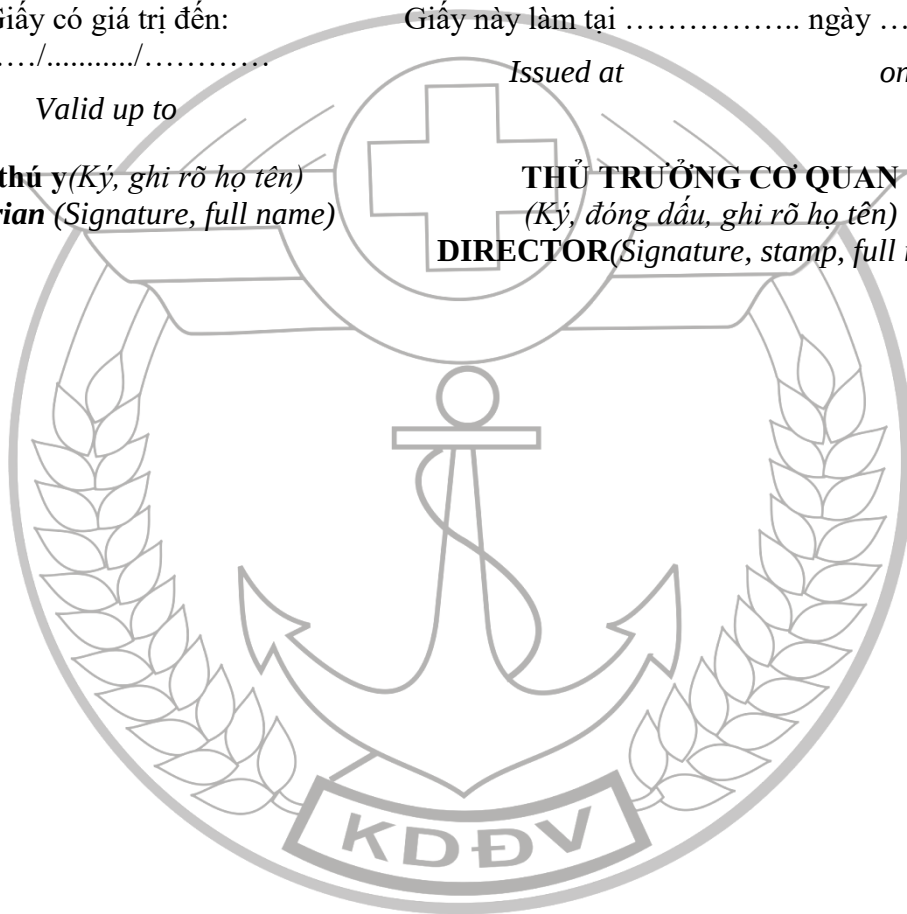
Issued at

on

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

DIRECTOR (Signature, stamp, full name)



Mẫu 15a

**TÊN CƠ QUAN KIỂM
DỊCH ĐỘNG VẬT**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU

Số:/CN-KĐĐVNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân:Cấp ngày/...../.....

tại

Điện thoại:Fax:Email:

Có nhập khẩu số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi	Tính biệt		Số lượng (con)	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

Nước xuất khẩu: Nước quá cảnh (nếu có)

Nơi chuyển đến:

Các vật dụng khác có liên quan:

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

Số, ngày vận đơn/hợp đồng vận chuyển (nếu có):

Phương tiện vận chuyển:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật nêu trên:

1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Đã được kiểm tra và không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi nhập khẩu.

3. Số động vật trên đã được tiêm phòng và có miễn dịch với các bệnh:

a/Tiêm phòng ngày/...../.....

b/Tiêm phòng ngày/...../.....

c/Tiêm phòng ngày/...../.....

4. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằngnồng độ.....

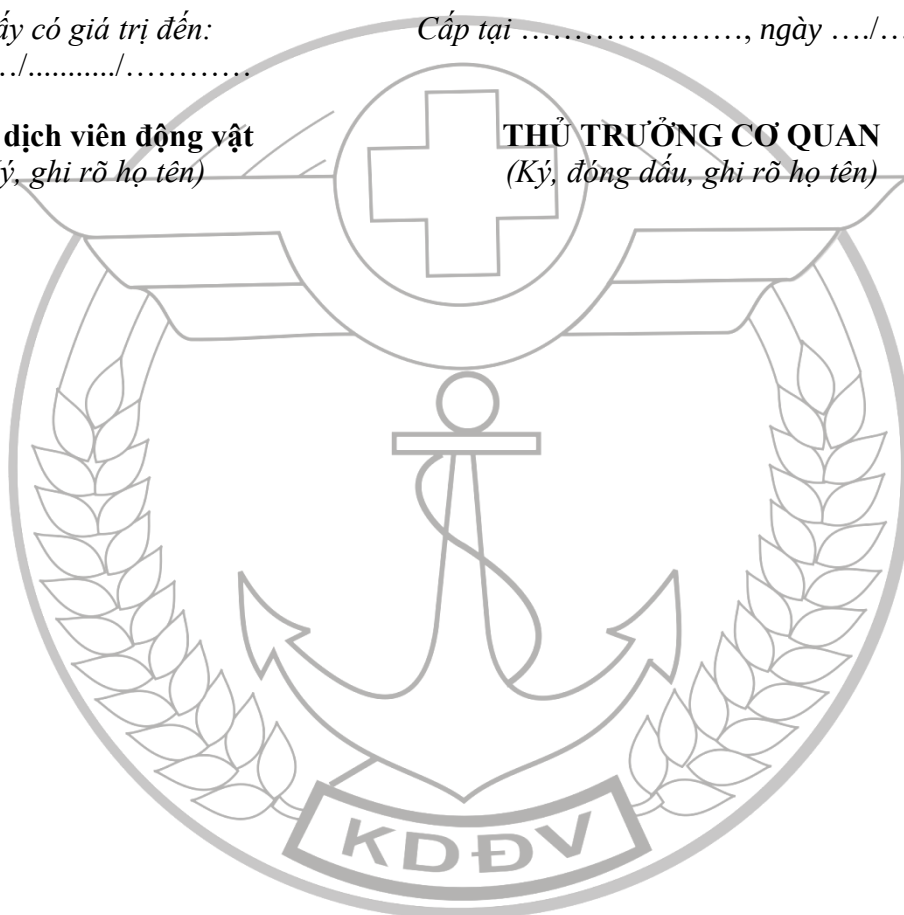
5. Động vật đã được xét nghiệm và cho kết quả âm tính với các bệnh..... tại kết quả xét nghiệm số...../ ngày...../...../.....của..... (nếu có)

Giấy có giá trị đến:
...../...../.....

Cấp tại, ngày/..../....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



Mẫu 15b

**TÊN CƠ QUAN KIỂM
DỊCH ĐỘNG VẬT**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU

Số:/CN-KDSPĐVNK

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại:Fax:Email:

Có nhập khẩu số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (1)	Trọng lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:

.....

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, chế biến:

.....

Nước xuất khẩu: Nước quá cảnh (nếu có)

Cửa khẩu nhập vào Việt Nam: Thời gian nhập:/...../.....

Nơi chuyển đến:

Các vật dụng khác có liên quan:

Hồ sơ giấy tờ có liên quan:

.....

Số, ngày vận đơn/hợp đồng vận chuyển (nếu có):

Phương tiện vận chuyển:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật nêu trên:

1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Đã được kiểm tra và bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y khi nhập khẩu.
3. Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản theo quy định.

4. Số sản phẩm động vật trên đã được khử trùng tiêu độc bằngnồng độ (nếu có).
5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằngnồng độ
6. Sản phẩm động vật đã được xét nghiệm và cho kết quả âm tính với các bệnh..... tại kết quả xét nghiệm số...../..... ngày...../...../.....của..... (nếu có)

Giấy có giá trị đến:

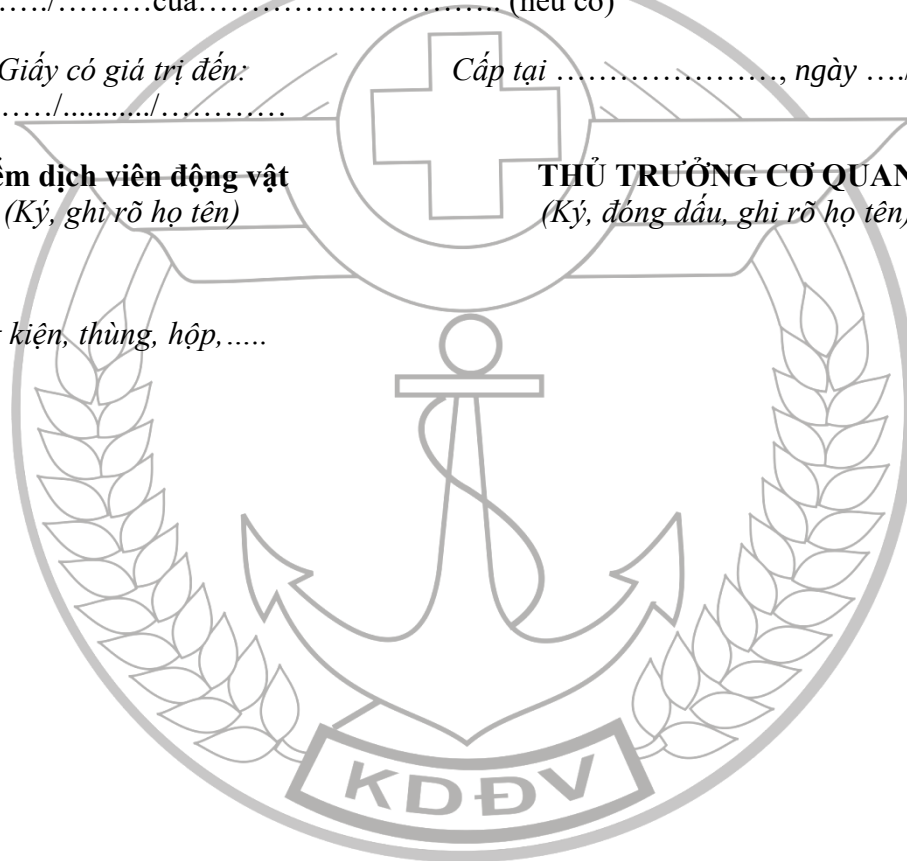
...../...../.....

Cấp tại, ngày/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(1) Số lượng kiện, thùng, hộp,



Mẫu 16a

Form:

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG
VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH
ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TẠM NHẬP TÁI XUẤT, CHUYỂN CỬA
KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM**

*Veterinary certificate for temporarily imported for re-export, transport of point, transit of
animal through Viet Nam*

Số:/CN-KĐĐVQC

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:

Name and address of exporter:

Tên, địa chỉ của chủ hàng (hoặc người đại diện):

Name and address of owner of commodity or his representative:

Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng:

Name and address of final consignee:

Cửa khẩu nhập: Cửa khẩu xuất:

Declared point of entry:

Declared point of exit:

Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ/...../..... đến/...../.....

The duration transport or storage in Vietnam: From to

I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG

IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

Số hiệu Official mark	Giống Breed	Tính biệt Sex	Tuổi Age

Tổng số:

Total:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sỹ thú y ký tên dưới đây chứng nhận:

I, the undersigned official Veterinarian certifies that:

1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;

The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;

2/ Động vật khỏe mạnh, không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm khi nhập vào Việt Nam;

The animal/s is/are healthy, showed no clinical sign of contagious diseases when imported into Vietnam;

3/ Các chất thải, chất độn, các dụng cụ có liên quan đã được xử lý vệ sinh thú y theo quy định;
Accompanying bedding, waste and tools have been treated in accordance with regulation;

4/ Phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định;

Transport means meet sanitary requirement and have been disinfected and sealed.

NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAMESE TERRITORY

1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình:

Allowed itinerary:

2/ Nghiêm cấm vứt chất thải, xác động vật trong quá trình vận chuyển;

Disposal of waste and dead carcasses during the transport is prohibited;

3/ Phải thông báo cho cơ quan Thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy động vật có biểu hiện mắc bệnh;

Any sign of animals disease shall be reported to the nearest veterinary authority;

4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.

Obey the stipulation of veterinary ordinance while in Vietnamese territory.

Giấy có giá trị đến:
...../...../.....

Valid up to

Bác sỹ thú y(Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

Giấy này làm tạingày/..../....

Issued at *on*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR(Signature, stamp, full name)

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NƠI XUẤT

CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT POINT OF EXIT

.....

.....

.....

.....

.....

Bác sĩ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

....., ngày / /

Issued at: Date of issue:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR (Signature, stamp, full name)



Mẫu 16b

Form:

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG
VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH
ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TẠM NHẬP TÁI XUẤT,
CHUYỂN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM**
**Veterinary certificate for temporarily imported for re-export, transport of point, transit of
animal product through Viet Nam**

Số:/CN-KDSPĐVQC

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:

Name and address of exporter:

Tên, địa chỉ của chủ hàng (hoặc người đại diện):

Name and address of owner of commodity or his representative:

Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng:

Name and address of final consignee:

Loại sản phẩm:

Type of products:

Quy cách đóng gói:

Type of package:

Số kiện hàng: Khối lượng:

Number of package Net weight:

Cửa khẩu nhập: Cửa khẩu xuất:

Declared point of entry: Declared point of exit:

Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ/...../..... đến/...../.....

The duration transport or storage in Vietnam: From to

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE**

Tôi, bác sỹ thú y ký tên dưới đây chứng nhận:

I, the undersigned official Veterinarian certifies that

1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;

The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;

2/ Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;

The animal product/s packaged and stored in accordance with Vet. sanitary requirement

3/ Phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định.

Transport means meet sanitary requirement and have been disinfected and sealed.

NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAMESE TERRITORY

1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình:

Allowed itinerary:

2/ Nghiêm cấm vứt chất thải, sản phẩm động vật trong quá trình vận chuyển;

Disposal of waste and animal products during the transport is prohibited

3/ Phải thông báo cho cơ quan thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy sản phẩm động vật có biểu hiện hư hỏng;

Any sign of animals products decayed shall be reported to the nearest veterinary authority;

4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.

Obey the stipulation of veterinary ordinance while in Vietnamese territory.

Giấy có giá trị đến:

...../...../.....

Valid up to

Bác sĩ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

Giấy này làm tại ngày

...../...../.....

Issued at *on*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR (Signature, stamp, full name)

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NƠI XUẤT

CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT POINT OF EXIT

.....
.....
.....
.....
.....

Bác sĩ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

....., ngày/...../.....

Issued at: *Date of issue:*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR (Signature, stamp, full name)

42. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sau khi Cục Chăn nuôi và Thú y có văn bản đồng ý, trước khi hàng đến cửa khẩu chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch đến cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu.

Bước 2: Tại cửa khẩu, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Chăn nuôi và Thú y quyết định và thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch để tiến hành kiểm dịch.

Bước 3: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu thực hiện kiểm dịch theo quy định tại Điều 50 của Luật Thú y.

Bước 4: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 50 của Luật Thú y

b) Cách thức thực hiện: Qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT;

- Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp hoặc bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu. Trường hợp gửi bản sao hoặc tại thời điểm gửi hồ sơ chưa cung cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu thì phải gửi bản gốc Giấy chứng nhận kiểm dịch khi kiểm tra hàng hóa.

- Bản sao có xác nhận của doanh nghiệp Vận tải đơn.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: tại cửa khẩu, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, thông báo cho chủ hàng để tiến hành kiểm dịch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi và Thú y vùng hoặc cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh được Cục Chăn nuôi và Thú y uỷ quyền.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam theo mẫu số 12 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất (gồm kho ngoại quan), chuyển cửa khẩu: 40.000 đồng/lần;

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Chi tiết theo Mục III Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu, nhập khẩu theo mẫu 03 TS Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 36/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 06/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Mẫu: 03 TS

....., ngày..... tháng năm

**ĐƠN KHAI BÁO KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU**

Số:...../KBKD-TSXNK

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân khai báo:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax.....Email

Số Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số/Số định danh cá nhân: Ngày cấp.../.../....Tại

Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch:

- | | | |
|--|---|---|
| ☐ Xuất khẩu | ☐ Kho ngoại quan | ☐ Tạm xuất tái nhập |
| ☐ Nhập khẩu | ☐ Quá cảnh | ☐ Khác (đề nghị ghi rõ)..... |
| ☐ Tạm nhập tái xuất | ☐ Chuyển khẩu | |

Chi tiết lô hàng như sau:

STT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích cỡ cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng	Đơn vị tính	Nước xuất xứ

- Nơi sản xuất:
- Loại bao bì, quy cách đóng gói:
- Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán (L/C, TTr ...):
- Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/ nhập khẩu:
- Nước xuất khẩu/ nhập khẩu:
- Nước quá cảnh (nếu có):.....
- Cửa khẩu xuất:
- Cửa khẩu nhập:
- Phương tiện vận chuyển:
- Mục đích sử dụng:
- Văn bản chấp thuận kiểm dịch của Cục Chăn nuôi và Thú y: Số/TY-KDTS, ngày....tháng....năm.....
- Địa điểm kiểm dịch/cách ly kiểm dịch:.....
- Địa điểm nuôi trồng (nếu có):
- Thời gian kiểm dịch:
- Địa điểm giám sát (nếu có):
- Thời gian giám sát:
- Số bản Giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hoá; đưa hàng về đúng địa điểm, đúng thời gian đã khai báo; chỉ đưa hàng hóa vào sử dụng, lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN KHAI BÁO

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hoá về địa điểm:

.....

để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi giờ, ngày tháng năm

Vào số số, ngày tháng năm

CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN (nếu có):

.....

.....

.....

....., ngày tháng năm

CHI CỤC HẢI QUAN CỦA KHẨU

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Mẫu Đơn khai báo này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;

- Đơn khai báo được làm thành 03 bản: 01 bản cơ quan kiểm dịch giữ, 01 bản cơ quan hải quan giữ, 01 bản tổ chức, cá nhân khai báo kiểm dịch giữ;

-(1) Kích cỡ cá thể đối với động vật thủy sản sử dụng làm giống, dạng sản phẩm đối với sản phẩm động vật thủy sản.

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION

Địa chỉ:

Address:

Điện thoại: Fax:

Telephone and Fax number:

E.mail:

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**Mẫu 12 TS**

Form:

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN TẠM NHẬP TÁI XUẤT,
CHUYÊN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM
HEALTH CERTIFICATE

FOR THE TEMPORARY IMPORT FOR RE – EXPORT, TRANSPORT OF POINT, TRANSIT OF AQUATIC ANIMAL, AQUATIC ANIMAL’S PRODUCTS THROUGH VIET NAM’S TERRITORY

Số:/CN-TSTNTX

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:
Name and address of consignor:

Tên, địa chỉ của chủ hàng (hoặc người đại diện):
Name and address of owner of commodity or his representative:

Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng:
Name and address of final consignee:

MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG

DESCRIPTION OF THE AQUATIC ANIMAL/AQUATIC ANIMAL’S PRODUCTS

STT Number	Tên thương mại Trade name	Tên khoa học Scientific name	Số lượng bao gói Number of packaged	Số lượng/Trọng lượng Quantity/net weight
			Tổng số (Total)	

Nhiệt độ bảo quản/ Preservation temp.: Thường/Ambient ☐ Ướt Số lượng Container:
lạnh/Chilled ☐ Đông lạnh/ Frozen ☐
Number of Containers:

Cửa khẩu nhập:
Gate of entry:
Cửa khẩu xuất:
Gate of exit:

Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ / / đến / /
The duration of transport or storage in Vietnam: From to

Phương tiện vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam:Biên kiểm soát.....
Means of transport in Vietnamese territory Register number

**CHỨNG NHẬN
CERTIFICATION**

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

I, the undersigned Animal Quarantine Officer, certifies that:

1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;

The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;

2/ Động vật thủy sản khỏe mạnh, không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm khi nhập vào Việt Nam/Sản phẩm thủy sản được bao gói, bảo quản đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú;

Aquatic animal/s is/are healthy, showed no clinical sign of contagious diseases when imported into Vietnam/The aquatic animal’s product/s is/are packaged and stored in accordance with veterinary hygiene requirements;

3/ Các chất thải, chất độn, các dụng cụ có liên quan đã được xử lý vệ sinh thú y theo quy định;

Waste and related tools have been treated in accordance to requirements;

4/ Phương tiện vận chuyển đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định;

Means of transport meet veterinary hygiene requirements and have been disinfected and sealed.

**NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM
REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAM TERRITORY**

1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình:
Allowed itinerary:

2/ Nghiêm cấm vứt chất thải, xác thủy sản trong quá trình vận chuyển;

Disposal of waste and dead carcasses of aquatic animals during transport is prohibited;

3/ Phải thông báo cho cơ quan Thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy thủy sản có biểu hiện mắc bệnh/sản phẩm thủy sản có biểu hiện hư hỏng;

Any sign of aquatic animals disease/aquatic animal's products decayed shall be reported to the nearest Veterinary agency authority;

4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.

Obey the stipulation of Veterinary ordinance during transport in Vietnamese territory.

Giấy có giá trị đến:/...../.....

Valid up to

Kiểm dịch viên động vật (Ký, ghi rõ họ tên)

Animal Quarantine Officer (Signature, full name)

Cấp tại:.....

Place of issue:

Ngày cấp:...../...../.....

Date of issue:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

DIRECTOR (Signature, stamp, full name)

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT CỦA KHẨU XUẤT

CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT THE GATE OF EXIT

[illegible]

....., ngày...../...../.....

Place and Date

Kiểm dịch viên động vật (Ký, ghi rõ họ tên)

Animal Quarantine Officer (Signature, full name)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

DIRECTOR (Signature, stamp, full name)

43. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Sau khi Cục Chăn nuôi và Thú y có văn bản đồng ý và hướng dẫn kiểm dịch, chủ hàng gửi 01 bộ hồ sơ khai báo kiểm dịch tới cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu theo một trong các hình thức: qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp;

Bước 2: Tại cửa khẩu, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan kiểm dịch cửa khẩu quyết định và thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch để tiến hành kiểm dịch theo quy định tại Điều 50 của Luật Thú y.

Bước 3: Tiến hành kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận

** Tại cửa khẩu nhập:*

- Kiểm tra hồ sơ kiểm dịch, thực trạng lô hàng;
- Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định;
- Niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật;

- Hướng dẫn chủ hàng và thực hiện các quy định vệ sinh thú y trong quá trình lưu giữ, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trên lãnh thổ Việt Nam; vệ sinh, khử trùng, tiêu độc phương tiện vận chuyển và nơi bốc dỡ hàng hóa;

- Trong trường hợp động vật, sản phẩm động vật được vận chuyển bằng công-ten-nơ hoặc phương tiện đóng kín khác, nếu phát hiện phương tiện vận chuyển, dấu niêm phong, kẹp chì có biểu hiện bất thường; yêu cầu chủ hàng mở công-ten-nơ, phương tiện vận chuyển để kiểm tra vệ sinh thú y với sự chứng kiến của cơ quan hải quan và chủ hàng.

** Chủ hàng khi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam phải tuân thủ các quy định sau đây:*

- Thực hiện theo hướng dẫn trong quá trình lưu giữ, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định;

- Không tự ý bốc dỡ hàng, tháo dỡ niêm phong, kẹp chì, trừ trường hợp cần thiết thì phải có sự chứng kiến của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y;

- Không để động vật tiếp xúc với động vật trong nước; chỉ được phép thả động vật để cho ăn, uống hoặc trường hợp đặc biệt khác khi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cho phép và giám sát;

- Phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật phải bảo đảm không làm rơi vãi chất thải trên đường đi. Xác động vật, chất thải, chất độn, thức ăn thừa của động vật, dụng cụ chứa đựng phát sinh trong quá trình vận chuyển phải được thu gom, xử lý tại địa điểm theo hướng dẫn.

** Tại cửa khẩu xuất:*

- Kiểm tra Giấy chứng nhận kiểm dịch;
- Kiểm tra dấu niêm phong hoặc kẹp chì phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật;

- Nếu hàng hóa đúng với Giấy chứng nhận kiểm dịch được cấp tại cửa khẩu nhập thì xác nhận để chủ hàng làm thủ tục xuất hàng ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

Trường hợp thay đổi cửa khẩu xuất khi lô hàng đã đến cửa khẩu xuất, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu dự kiến tái xuất ban đầu xác nhận về việc đồng

ý chuyển sang cửa khẩu khác nếu cửa khẩu tái xuất đã được Cục Chăn nuôi và Thú y chấp thuận trong văn bản hướng dẫn kiểm dịch.

b) Cách thức thực hiện: Qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc gửi qua thư điện tử, fax sau đó gửi bản chính hoặc gửi trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024).

- Giấy chứng nhận kiểm dịch của nước xuất khẩu.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu quyết định và thông báo cho chủ hàng để tiến hành kiểm dịch.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan kiểm dịch động vật cửa khẩu

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng nhận kiểm dịch động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam (Mẫu 16a) (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT); Chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam (Mẫu 16b) Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

h) Phí, lệ phí:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn khai báo kiểm dịch theo Mẫu 3 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y ngày 19/6/2015;
- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;
- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016;
- Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;
- Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.
- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

Mẫu 16a

Form:

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG
VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH
ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TẠM NHẬP TÁI XUẤT, CHUYỂN CỬA
KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM**

*Veterinary certificate for temporarily imported for re-export, transport of point, transit of
animal through Viet Nam*

Số:/CN-KĐĐVQC

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:

Name and address of exporter:

Tên, địa chỉ của chủ hàng (hoặc người đại diện):

Name and address of owner of commodity or his representavite:

Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng:

Name and address of final consignee:

Cửa khẩu nhập: Cửa khẩu xuất:

Declared point of entry: Declared point of exit:

Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ/...../..... đến/...../.....

The duration transport or storage in Vietnam: From to

I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG

IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

Số hiệu Official mark	Giống Breed	Tính biệt Sex	Tuổi Age

Tổng số:

Total:

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE**

Tôi, bác sỹ thú y ký tên dưới đây chứng nhận:

I, the undersigned official Veterinarian certifies that:

1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;

The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;

2/ Động vật khỏe mạnh, không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm khi nhập vào Việt Nam;

The animal/s is/are healthy, showed no clinical sign of contagious diseases when imported into Vietnam;

3/ Các chất thải, chất độn, các dụng cụ có liên quan đã được xử lý vệ sinh thú y theo quy định;
Accompanying bedding, waste and tools have been treated in accordance with regulation;

4/ Phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định;

Transport means meet sanitary requirement and have been disinfected and sealed.

NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM

REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAMESE TERRITORY

1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình:

Allowed itinerary:

.....

2/ Nghiêm cấm vứt chất thải, xác động vật trong quá trình vận chuyển;

Disposal of waste and dead carcasses during the transport is prohibited;

3/ Phải thông báo cho cơ quan Thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy động vật có biểu hiện mắc bệnh;

Any sign of animals disease shall be reported to the nearest veterinary authority;

4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.

Obey the stipulation of veterinary ordinance while in Vietnamese territory.

Giấy có giá trị đến:
...../...../.....

Valid up to

Giấy này làm tạingày/..../....

Issued at

on

Bác sĩ thú y(Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR(Signature, stamp, full name)

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NƠI XUẤT

CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT POINT OF EXIT

.....
.....
.....

.....
.....
Bác sĩ thú y(Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

....., ngày / /

Issued at:

Date of issue:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR(Signature, stamp, full name)



TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG
VẬT NAME OF ANIMAL HEALTH
ORGANIZATION



NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT TẠM NHẬP TÁI XUẤT,
CHUYỂN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM**
**Veterinary certificate for temporarily imported for re-export, transport of point, transit of
animal product through Viet Nam**

Số:/CN-KDSPĐVQC

Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:

Name and address of exporter:

Tên, địa chỉ của chủ hàng (hoặc người đại diện):

Name and address of owner of commodity or his representative:

Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng:

Name and address of final consignee:

Loại sản phẩm:

Type of products:

Quy cách đóng gói:

Type of package:

Số kiện hàng: Khối lượng:

Number of package Net weight:

Cửa khẩu nhập: Cửa khẩu xuất:

Declared point of entry: Declared point of exit:

Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ/...../..... đến/...../.....

The duration transport or storage in Vietnam: From to

**CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE**

Tôi, bác sỹ thú y ký tên dưới đây chứng nhận:

I, the undersigned official Veterinarian certifies that

1/ Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;

The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;

2/ Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;

The animal product/s packaged and stored in accordance with Vet. sanitary requirement

3/ Phương tiện vận chuyển bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định.

Transport means meet sanitary requirement and have been disinfected and sealed.

NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM
REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAMESE TERRITORY

1/ Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình:

Allowed itinerary:

2/ Nghiêm cấm vứt chất thải, sản phẩm động vật trong quá trình vận chuyển;

Disposal of waste and animal products during the transport is prohibited

3/ Phải thông báo cho cơ quan thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy sản phẩm động vật có biểu hiện hư hỏng;

Any sign of animals products decayed shall be reported to the nearest veterinary authority;

4/ Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.

Obey the stipulation of veterinary ordinance while in Vietnamese territory.

Giấy có giá trị đến:

...../...../.....

Valid up to

Bác sĩ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)

Veterinarian (Signature, full name)

Giấy này làm tại ngày

...../...../.....

Issued at

on

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

DIRECTOR (Signature, stamp, full name)

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NƠI XUẤT

CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT POINT OF EXIT

.....

Bác sĩ thú y (Ký, ghi rõ họ tên)
Veterinarian (Signature, full name)

....., ngày/...../.....

Issued at:

Date of issue:

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

DIRECTOR (Signature, stamp, full name)

44. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu dùng làm thực phẩm

a) Trình tự thực hiện;

- Bước 1: Trước khi xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật thủy sản có trong Danh mục động vật, sản phẩm động vật thủy sản thuộc diện phải kiểm dịch dùng làm thực phẩm, tổ chức, cá nhân đăng ký kiểm dịch với cơ quan có thẩm quyền.

- Bước 2: Khi nhận được đăng ký kiểm dịch của tổ chức, cá nhân, cơ quan có thẩm quyền thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật như sau:

+ Kiểm tra số lượng, chủng loại, bao gói động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

+ Kiểm tra dấu hiệu mắc bệnh động vật;

+ Lấy mẫu xét nghiệm bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu (nếu có), trừ các bệnh đã được công nhận an toàn dịch bệnh đối với cơ sở nuôi nơi xuất xứ của động vật thủy sản;

Trường hợp lấy mẫu xét nghiệm bệnh thì trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày lấy mẫu, cơ quan có thẩm quyền kiểm dịch gửi mẫu tới phòng thử nghiệm được chỉ định để xét nghiệm bệnh;

- Bước 3: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được mẫu xét nghiệm bệnh, phòng thử nghiệm thông báo kết quả xét nghiệm bệnh cho cơ quan có thẩm quyền kiểm dịch.

- Bước 4: cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch: Trường hợp không phải lấy mẫu xét nghiệm bệnh, cơ quan có thẩm quyền kiểm dịch cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả kiểm tra đạt yêu cầu;

Trường hợp phải lấy mẫu xét nghiệm bệnh, cơ quan có thẩm quyền kiểm dịch cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu;

Trường hợp chủ hàng có yêu cầu đổi Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với lô hàng, cơ quan có thẩm quyền kiểm dịch kiểm tra lô hàng và cấp đổi Giấy chứng nhận kiểm dịch.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm/kiểm dịch và cấp chứng thư lô hàng thủy sản xuất khẩu mẫu 14 Phụ lục 5 Thông tư 26/2016/TT-BNNPTNT;

- Yêu cầu về kiểm dịch của nước nhập khẩu (nếu có);

- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản thuộc đối tượng quản lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan khác, phải nộp văn bản hoặc giấy phép theo quy định;

- Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh của cơ sở nuôi thủy sản nơi xuất xứ của thủy sản để sản xuất lô hàng (nếu có).

* Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp không phải lấy mẫu xét nghiệm bệnh: cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả kiểm tra đạt yêu cầu

- Trường hợp phải lấy mẫu xét nghiệm:

+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền kiểm dịch gửi mẫu tới phòng thử nghiệm được chỉ định để xét nghiệm bệnh;

+ Phòng thử nghiệm thông báo kết quả xét nghiệm bệnh trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được mẫu

+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch xuất khẩu

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan có thẩm quyền

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch

g) Phí, lệ phí:

- Mục III Thông tư số 285/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y

- Điều 3 Thông tư số 44/2018/TT-BTC sửa đổi Thông tư số 285/2016/TT-BTC, Thông tư số 286/2016/TT-BTC

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: mẫu 14 Phụ lục 5 Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác

thứ y.

**GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM/KIỂM DỊCH
VÀ CẤP CHỨNG THƯ LÔ HÀNG THỦY SẢN XUẤT KHẨU**

Mẫu: 14 TS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐĂNG KÝ
KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN THỰC PHẨM/KIỂM DỊCH VÀ CẤP
CHỨNG THƯ LÔ HÀNG THỦY SẢN XUẤT KHẨU**

Số:

Kính gửi:

PHẦN KHAI BÁO CỦA CHỦ HÀNG	
1. Chủ hàng: Địa chỉ: Điện thoại: Fax:	2. Người nhận hàng: Địa chỉ: Điện thoại: Fax:
3. Nơi đi: Dự kiến ngày xuất khẩu:	4. Nơi đến:
5. Mô tả hàng hóa: Tên thương mại..... Tên khoa học..... Dạng sản phẩm:	6. Số lượng:cnts Khối lượng.....kg
7. Cơ sở sản xuất: Mã số cơ sở:	8. Mã số lô hàng: Thời gian sản xuất:
9. Thời gian đăng ký kiểm tra: Địa điểm đăng ký kiểm tra:	10. Đề nghị cấp chứng thư chuyển tiếp tại:
11. Xuất xứ nguyên liệu để sản xuất lô hàng: ☐ Thủy sản nuôi ☐ Thủy sản khai thác tự nhiên - Trong nước: ☐ Tên vùng nuôi, thu hoạch/vùng khai thác: - Nhập khẩu: ☐ Tên nước/vùng lãnh thổ xuất xứ nguyên liệu:	
PHẦN XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM TRA, CHỨNG NHẬN	
Hồ sơ đăng ký: ☐ Đạt ☐ Không đạt ☐ Bổ sung thêm Lý do không đạt: Các hồ sơ cần bổ sung: Kết quả xem xét sau khi bổ sung:	
Ngày kiểm tra dự kiến:	
....., ngày...../...../..... <i>Đại diện Chủ hàng</i> <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>	, ngày...../...../..... Đại diện Cơ quan kiểm tra, chứng nhận <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>

PHẦN II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Gửi hồ sơ

Chủ cơ sở đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT gửi hồ sơ đến Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh.

Bước 2: Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh tiếp nhận và thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh thông báo cho chủ cơ sở về kế hoạch đánh giá thực tế tại cơ sở. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho chủ cơ sở để hoàn thiện.

Bước 3: Thành lập đoàn đánh giá và đi kiểm tra

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thẩm định xong nội dung của hồ sơ, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh thành lập Đoàn đánh giá và thực hiện đánh giá tại cơ sở.

Bước 4: Đánh giá tại cơ sở

- Đánh giá trực tiếp tại cơ sở:

+ Đánh giá mức độ đáp ứng các quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT. Đối với các nội dung có liên quan đã được cơ quan có thẩm quyền đánh giá đạt yêu cầu, cơ sở được miễn đánh giá các nội dung đó;

+ Kiểm tra việc quản lý thông tin, dữ liệu và hệ thống truy xuất nguồn gốc theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;

+ Kiểm tra kiến thức và thực hành của người phụ trách thú y tại cơ sở về các dấu hiệu để nhận biết dịch bệnh, các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, xử lý tình huống khi xuất hiện dịch bệnh động vật tại cơ sở;

+ Lấy mẫu để xét nghiệm nếu phát hiện động vật có dấu hiệu nghi mắc bệnh hoặc cơ sở không đảm bảo điều kiện an toàn sinh học;

+ Lập biên bản và thông báo kết quả đánh giá cho chủ cơ sở, đồng thời báo cáo kết quả đánh giá bằng văn bản cho lãnh đạo Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y;

+ Thống nhất với cơ sở về thời gian, nội dung khắc phục sai lỗi với các trường hợp chưa đạt yêu cầu.

- Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh lây lan sang người hoặc dịch bệnh động vật nguy hiểm phải công bố dịch theo quy định của pháp luật về thú y, thực hiện đánh giá như sau:

+ Áp dụng hình thức đánh giá trực tuyến đối với cơ sở đáp ứng yêu cầu về nguồn lực, phương tiện kỹ thuật thực hiện (máy tính, đường truyền internet, ứng dụng phần mềm, máy ghi âm, ghi hình);

+ Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, dữ liệu, tài liệu, hình ảnh, hồ sơ cung cấp cho Đoàn đánh giá;

+ Trường hợp cần thiết, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y tổ chức đánh giá trực tiếp tại cơ sở sau khi thiên tai, dịch bệnh đã được kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Bước 5: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

- Trường hợp cơ sở không phải khắc phục sai lỗi: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kết thúc việc đánh giá tại cơ sở hoặc kể từ ngày nhận kết quả xét nghiệm bệnh, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở đạt yêu cầu và bổ sung tên cơ sở vào danh sách cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật; trường hợp cơ sở có kết quả đánh giá không đạt yêu cầu, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Trường hợp cơ sở phải khắc phục sai lỗi: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo khắc phục sai lỗi, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh tiếp nhận và thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thông báo bằng văn bản cho chủ cơ sở để hoàn thiện.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;

- Bản mô tả thông tin về cơ sở đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

Đối với trường hợp cơ sở phải thực hiện khắc phục nếu kiểm tra thực tế tại cơ sở không đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT, thành phần hồ sơ bao gồm báo cáo khắc phục sai lỗi.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày;

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định:

25 ngày không kể thời gian cơ sở thực hiện khắc phục;

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại mục 2 Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần (căn cứ khoản 2 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y).

- Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đăng ký công nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

- Bản mô tả thông tin về cơ sở đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Vị trí địa lý đáp ứng các quy định của pháp luật về thú y, chăn nuôi; tách biệt với cơ sở khác có chăn nuôi cùng loài động vật cảm nhiễm; tách biệt với các nguồn có khả năng làm lây nhiễm bệnh đăng ký công nhận an toàn;

- Khu vực xử lý xác động vật, chất thải đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và thú y; khu vực chăn nuôi phải ngăn cách với các khu vực khác của cơ sở; các khu vực có nguy cơ nhiễm chéo phải có biển cảnh báo và bố trí tách biệt với nhau, bao gồm: Kho để vật tư nông nghiệp; khu nuôi cách ly động vật; khu vực mổ khám; khu xử lý xác động vật; khu vệ sinh, khử trùng tiêu độc dụng cụ dùng trong chăn nuôi;

- Hệ thống xử lý nước cấp, nước thải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật để giảm thiểu nguy cơ mang tác nhân gây bệnh theo quy định hiện hành;

- Có biện pháp ngăn chặn động vật hoang dã, các loài động vật khác và vật chủ trung gian truyền bệnh xâm nhập vào khu vực chăn nuôi;

- Có hệ thống khử trùng, tiêu độc cho người, phương tiện, dụng cụ, trang thiết bị và vật tư cần thiết khác tại lối ra, vào cơ sở, khu vực chăn nuôi;
- Có trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển chuyên dụng, phù hợp với đối tượng chăn nuôi, dễ vệ sinh, khử trùng để giảm thiểu nguy cơ mang tác nhân gây bệnh;
- Có kế hoạch và tổ chức thực hiện các biện pháp an toàn sinh học theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.
- Có kế hoạch và tổ chức thực hiện giám sát dịch bệnh động vật theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.
- Không xảy ra dịch bệnh động vật: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT, cụ thể:
 - + Đối với các cơ sở lần đầu có hoạt động chăn nuôi trong thời gian dưới 12 tháng tính đến thời điểm đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh được xem xét công nhận an toàn dịch bệnh khi đáp ứng:
 - + Không có bệnh đăng ký công nhận an toàn trong khoảng thời gian từ khi bắt đầu hoạt động đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký công nhận;
 - + Địa bàn cấp xã nơi có cơ sở đăng ký không có bệnh đăng ký công nhận an toàn trong ít nhất 12 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký;
 - + Tần suất, phương pháp lấy mẫu thực hiện theo quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 7 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT. Mẫu giám sát có kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 6 Điều 7 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.
 - + Đối với các cơ sở không thuộc phạm vi quy định tại khoản trên: Không có bệnh đăng ký công nhận an toàn trong ít nhất 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký và mẫu giám sát có kết quả xét nghiệm đạt yêu cầu theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 6 Điều 7 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.
- Hoạt động thú y tại cơ sở bảo đảm kiểm soát được dịch bệnh động vật
- Thực hiện theo quy định tương ứng tại các Điều 14, 15, 19, 20, 25, 27, 28, 29, 32, 33 và Điều 35 Luật Thú y, quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các quy định tại Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;
- Có kế hoạch và tổ chức thực hiện các biện pháp ứng phó dịch bệnh theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;
- Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

Phụ lục I

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ

CÔNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ

CÔNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: (Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y)

1. Tên cơ sở :

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:.....

Cơ sở thuộc trường hợp:

☐ Mới xây dựng, lần đầu có hoạt động

☐ Cơ sở đã hoạt động.....năm, từ năm:

2. Tên chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại: Fax: Email:.....

3. Đăng ký cấp Giấy chứng nhận:

☐ Cấp ☐ Cấp lại, lý do xin cấp lại:

4. Đối tượng nuôi :

5. Loại hình hoạt động:

☐ Sản xuất giống ☐ Nuôi thương phẩm ☐ Làm cảnh

☐ Khác (ghi rõ):

6. Thị trường tiêu thụ: ☐ Nội địa ☐ Xuất khẩu ☐ Hỗn hợp

7. Cơ sở đăng ký công nhận an toàn đối với bệnh:

8. Hồ sơ đăng ký gồm (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định):.....

Tôi xin cam đoan các thông tin trên đây là hoàn toàn chính xác.

Đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh./.

Người làm đơn

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ

CÔNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

Kính gửi: (Cơ quan thủy sản địa phương)

1. Tên cơ sở :

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:.....

Cơ sở thuộc trường hợp:

☐ Mới xây dựng, lần đầu có hoạt động

☐ Cơ sở đã hoạt động.....năm, từ năm:

2. Tên chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại: Fax: Email:.....

3. Đăng ký cấp Giấy chứng nhận:

☐ Cấp ☐ Cấp lại, lý do xin cấp lại:

4. Đối tượng nuôi (*ghi tên loài và tên khoa học của loài đối với động vật thủy sản*):

5. Loại hình hoạt động:

☐ Sản xuất giống ☐ Nuôi thương phẩm ☐ Làm cảnh

☐ Khác (ghi rõ):

6. Thị trường tiêu thụ: ☐ Nội địa ☐ Xuất khẩu ☐ Hỗn hợp

7. Cơ sở đăng ký công nhận an toàn đối với bệnh:

8. Hồ sơ đăng ký gồm (*Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định*):.....

Tôi xin cam đoan các thông tin trên đây là hoàn toàn chính xác.

Đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh./.

Người làm đơn

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Phụ lục III

**BẢN MÔ TẢ THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ
ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**A. BẢN MÔ TẢ THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN
AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN**

I. THÔNG TIN CHUNG**1. Thông tin về cơ sở**

Tên cơ sở:

Người đại diện Chức vụ:

Địa chỉ:

Địa chỉ cơ sở:

Điện thoại: Email:

Vị trí địa lý: Kinh độ Vĩ độ:

Phân loại cơ sở:

☐ Sản xuất giống ☐ Thương phẩm ☐ Làm cảnh

☐ Khác

- Tổng diện tích đất tự nhiên.

- Vùng tiếp giáp xung quanh.

2. Cơ sở vật chất (Gửi kèm sơ đồ bố trí mặt bằng của cơ sở)

- Hàng rào (tường) ngăn cách: ☐ Có ☐ Không

- Khu hành chính gồm: Phòng thường trực: ☐ Có ☐ Không

Phòng giao dịch: ☐ Có ☐ Không

- Khu chăn nuôi: (sơ đồ bố trí mặt bằng khu chăn nuôi)

- Khu nhà kho: Có kho thức ăn riêng biệt, với diện tích

Có kho chứa dụng cụ, phương tiện chăn nuôi, với diện tích....

- Khu xử lý chất thải: Bể hoặc nơi tập trung chất thải: ☐ Có ☐ Không
(Nếu có, mô tả hệ thống xử lý chất thải).

- Khu cách ly: Động vật mới nhập: ☐ Có ☐ Không

Động vật bệnh: ☐ Có ☐ Không

- Khu vực xử lý động vật: ☐ Có ☐ Không

- Bảo hộ lao động cá nhân (quần, áo, ủng, mũ,...) dùng trong khu chăn nuôi: ☐ Có ☐ Không
- Phòng thay quần áo: ☐ Có ☐ Không
- Phòng tắm sát trùng trước khi vào khu chăn nuôi: ☐ Có ☐ Không
- Hồ sát trùng ở cổng trước khu chăn nuôi: ☐ Có ☐ Không

3. Quy mô, cơ cấu đàn, sản phẩm, sản lượng

Ghi rõ quy mô, cơ cấu, sản phẩm, sản lượng hàng năm.....

4. Nguồn nhân lực

Ghi rõ số lượng, trình độ chuyên môn của người quản lý kỹ thuật/phụ trách thú y của cơ sở; các khóa đào tạo, tập huấn đã tham gia và được cấp chứng nhận,

5. Hệ thống quản lý chăn nuôi

Mô tả việc thực hiện các quy định của pháp luật về chăn nuôi.

6. Tình hình dịch bệnh tại cơ sở

- Tình hình dịch bệnh động vật tại cơ sở trong 12 tháng qua.
- Công tác tiêm phòng hàng năm, đại trà, bổ sung, số lượng, tỷ lệ tiêm mỗi loại bệnh.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH AN TOÀN SINH HỌC

Nội dung chính bao gồm:

1. Các biện pháp chủ động phòng bệnh cho động vật nuôi theo quy định hiện hành.
2. Xác định các mối nguy (*liệt kê các mối nguy theo điều kiện tự nhiên và xã hội tại cơ sở*), phân tích nguy cơ.
3. Các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn nguy cơ tác nhân gây bệnh có thể xâm nhiễm từ ngoài vào hoặc lây lan bên trong cơ sở (*mô tả các quy trình an toàn sinh học tại cơ sở tương ứng với các mối nguy tại điểm 2 nêu trên*).
4. Kết quả thực hiện quy trình an toàn sinh học (*đánh giá kết quả theo từng quy trình và đánh giá hiệu quả việc thực hiện các quy trình*).
5. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch trong quá trình triển khai thực hiện (*nếu có*).

Ghi chú: Cơ sở cung cấp kế hoạch an toàn sinh học và các tài liệu, số liệu chứng minh việc triển khai tại thời điểm kiểm tra thực tế tại cơ sở.

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH GIÁM SÁT DỊCH BỆNH

Nội dung chính bao gồm:

1. Mô tả nội dung của kế hoạch giám sát dịch bệnh (*bao gồm thời gian bắt đầu giám sát, thiết kế giám sát, ...*).

2. Kết quả giám sát bị động (bao gồm thông tin về tổng đàn, tình trạng sức khỏe động vật nuôi, số lượng động vật mắc bệnh, thời gian xảy ra bệnh, số lượng mẫu xét nghiệm và kết quả xét nghiệm,...).

3. Kết quả giám sát chủ động (bao gồm thông tin về tổng đàn, tần suất, thời gian lấy mẫu, số lượng mẫu, kết quả xét nghiệm,...).

Ghi chú: Kết quả xét nghiệm, biên bản và báo cáo kết quả xử lý dịch bệnh trong trường hợp có kết quả dương tính với tác nhân gây bệnh – cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại cơ sở.

IV. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ DỊCH BỆNH

Nội dung chính bao gồm:

1. Các biện pháp đã áp dụng và kết quả xử lý động vật mắc bệnh.
2. Các biện pháp phòng bệnh đã áp dụng và kết quả thực hiện đối với động vật tại cơ sở.
3. Biện pháp và kết quả xử lý đối khu vực chăn nuôi (vệ sinh, tiêu độc, khử trùng,...).
4. Biện pháp và kết quả kiểm soát tác nhân gây bệnh đối với con người, phương tiện, nước thải, chất thải trong chăn nuôi.
5. Kết quả điều tra truy xuất nguồn bệnh xuất hiện tại cơ sở.
6. Kết quả thực hiện báo cáo dịch bệnh.

Ghi chú: Kết quả xét nghiệm, biên bản và báo cáo kết quả xử lý dịch bệnh trong trường hợp có kết quả dương tính với tác nhân gây bệnh – cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại cơ sở.

BẢN MÔ TẢ THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin về cơ sở

Tên cơ sở:

Người đại diện Chức vụ:

Địa chỉ:

Địa chỉ cơ sở nuôi:

Điện thoại: Email:

Vị trí địa lý: Kinh độ Vĩ độ:

Phân loại cơ sở :

☐ Sản xuất giống ☐ Thương phẩm ☐ Làm cảnh

☐ Khác

- Đã đăng ký và được cấp mã cơ sở nuôi: ☐ Có ☐ Không

- Cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản:.....

- Hình thức nuôi: ☐ Nuôi kín ☐ Nuôi hở

- Phương thức nuôi:

- Các khu vực xung quanh.....

- Hệ thống tường rào bao quanh cơ sở: ☐ Có ☐ Không; ngăn cách với cơ sở xung quanh bằng

- Nguồn nước: ☐ Ngọt ☐ Mặn

- Vị trí giao thông:.....

- Hệ thống điện:

2. Điều kiện cơ sở (tùy thuộc cơ sở sản xuất giống hay nuôi thương phẩm để mô tả theo thực tế)

a) Diện tích cơ sở (ghi chi tiết từng hạng mục):

b) Điều kiện cơ sở hạ tầng.....

- Sơ đồ bố trí mặt bằng (bản vẽ kèm theo)

- Cơ sở có sự tách biệt cố định ngăn cách hoàn toàn với khu vực bên ngoài cơ sở: ☐ Không ☐ Có, bằng (ghi rõ: tường/rào chắn, hệ thống bờ, sông ngòi):

- Khu vực xung quanh cơ sở:

☐ Khu dân cư

☐ Khu nuôi loài thủy sản cảm nhiễm

☐ Khu vực nuôi loài thủy sản khác

- Cơ sở chủ động hoàn toàn nguồn nước cung cấp cho hoạt động sản xuất/nuôi trồng thủy sản? ☐ Không ☐ Có

- Hệ thống cấp thoát nước: ☐ Có ☐ Không

+ Hệ thống cấp nước, thoát nước tách biệt ☐ Có ☐ Không

+ Khu vực xử lý nước ☐ Có ☐ Không

- Hệ thống xử lý nước trước khi nuôi: ☐ Có ☐ Không

Mô tả công nghệ xử lý nước đang áp dụng (ví dụ: Lọc, siêu âm, điện hóa, hóa chất, vi sinh,...)

- Hệ thống xử lý nước thải sau khi nuôi: ☐ Có ☐ Không

- Hệ thống chỉ dẫn cho người và phương tiện: ☐ Có ☐ Không

- Hệ thống thu gom, xử lý rác, chất thải: ☐ Có ☐ Không

- Khu vực kho thức ăn, vật tư hóa chất: ☐ Có ☐ Không

- Hệ thống khử trùng tiêu độc: ☐ Có ☐ Không

- Khu vực văn phòng tách biệt khu vực sản xuất: ☐ Có ☐ Không

- Hệ thống ngăn chặn/xua đuổi động vật hoang dã: ☐ Có ☐ Không

c) Danh mục trang thiết bị phục vụ sản xuất (*liệt kê danh sách tên, số lượng và chức năng*).

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH AN TOÀN SINH HỌC

Nội dung chính bao gồm:

1. Các biện pháp chủ động phòng bệnh cho động vật nuôi theo quy định hiện hành.

2. Xác định các mối nguy (*liệt kê các mối nguy theo điều kiện tự nhiên và xã hội tại cơ sở*), phân tích nguy cơ.

3. Các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn nguy cơ tác nhân gây bệnh có thể xâm nhiễm từ ngoài vào hoặc lây lan bên trong cơ sở (*mô tả các quy trình an toàn sinh học tại cơ sở tương ứng với các mối nguy tại điểm 2 nêu trên*).

4. Kết quả thực hiện quy trình an toàn sinh học (*đánh giá kết quả theo từng quy trình và đánh giá hiệu quả việc thực hiện các quy trình*).

5. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch trong quá trình triển khai thực hiện (*nếu có*).

Ghi chú: Kế hoạch an toàn sinh học và các tài liệu, số liệu chứng minh việc triển khai được cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại cơ sở.

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH GIÁM SÁT DỊCH BỆNH

1. Tình hình sản xuất, nuôi trồng thủy sản

a) Tình hình nuôi trồng thủy sản trong thời gian giám sát

- Tổng diện tích nuôi tổng diện tích của cơ sở

- Tổng số lượng trại/nhà/khu nuôi:
- Tổng số lượng ao/bể
- Tổng số lượng thủy sản:
 - + Thủy sản bố mẹ: (con)
 - + Thủy sản thương phẩm: (con)
 - + Thủy sản giống: (con)
 - + Trứng:
 - + Loại khác (ghi rõ):

b) Tổng số lượng thủy sản nhập cơ sở:

- Thủy sản bố mẹ: Số con số lần nhập
- Thủy sản giống: Số con số lần nhập
- Thủy sản thương phẩm: Số con số lần nhập
- Trứng thủy sản: Số lượng số lần nhập
- Loại khác (ghi rõ): Số lượng số lần nhập

c) Tổng số lượng/khối lượng thủy sản sản xuất:

- Tổng số lượng thủy sản giống sản xuất: (con hoặc kg).
- Tổng số lượng/khối lượng thủy sản xuất bán: (con hoặc kg).
- Tổng số lượng/khối lượng thủy sản tiêu hủy: (con hoặc kg).

2. Thông tin chung về kết quả giám sát chủ động

Thời gian giám sát từ: Từ ngày tháng năm ... đến ngày tháng năm ...

Bệnh được giám sát:

Tỷ lệ lưu hành theo thiết kế chứng minh an toàn dịch bệnh: (%)

Tần suất lấy mẫu:

Tổng số lần lấy mẫu:

Tổng số mẫu đơn đã lấy:

Trong đó: Mẫu thủy sản: (mẫu)

Mẫu môi trường: (mẫu)

Mẫu thức ăn tươi sống:(mẫu)

Vật chủ trung gian tự nhiên:(mẫu)

Mẫu khác (nêu chi tiết tên loại mẫu và số lượng), ...

Số lượng ao/bể được lấy mẫu trong mỗi lần như sau:

Lần lấy mẫu	Ngày tháng năm lấy mẫu	Số lượng ao/bể nuôi tại thời điểm lấy mẫu	Số lượng ao/bể được chọn giám sát	Số lượng mẫu lấy xét nghiệm		
				Thủy sản	Môi trường	
1						
2						
Tổng cộng						

Mẫu xét nghiệm là: ☐ Mẫu đơn, đối với các loại mẫu:

☐ Mẫu gộp, áp dụng đối với các loại mẫu:

3. Kết quả giám sát

Có xảy ra dịch bệnh không? ☐ Không ☐ Có, cụ thể như sau:

- Tổng số ao/bể xảy ra bệnh trong đó số ao/ bể xảy ra bệnh: (ao/bể), tỷ lệ (%) đối với bệnh:

- Kết quả xét nghiệm: ☐ Không ☐ Có

- Tổng lượng thủy sản chết/thiệt hại:

Kết quả giám sát chủ động dịch bệnh (ghi rõ đối với từng bệnh):

- Tổng số mẫu dương tính: trên tổng số mẫu xét nghiệm (mẫu), tỷ lệ dương tính là%.

- Mẫu phát hiện dương tính với bệnh được lấy vào thời gian (ngày, tháng, năm)

- Loại mẫu dương tính:, tuổi thủy sản bị nhiễm tác nhân gây bệnh (nếu có) tại ao/bể số trại số

- Biện pháp xử lý: ☐ Điều trị ☐ Thu hoạch ☐ Tiêu hủy

Bảng tổng hợp kết quả giám sát chủ động dịch bệnh

Số lần lấy mẫu	Ngày tháng năm	Tên bệnh	Loại mẫu dương tính	Đối tượng nuôi	Tuổi thủy sản	Mã ao/trại dương tính	Số mẫu dương tính	Biện pháp xử lý
Tổng								

Ghi chú: Kết quả giám sát của từng lần lấy mẫu, Bản thống kê số ao hoặc số lượng thủy sản được nuôi trước khi lấy mẫu xét nghiệm, Biên bản lấy mẫu, giao nhận mẫu, phiếu trả lời kết quả xét nghiệm - cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại cơ sở.

IV. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ DỊCH BỆNH

Nội dung chính bao gồm:

1. Các biện pháp đã áp dụng và kết quả xử lý động vật mắc bệnh.
2. Các biện pháp phòng bệnh đã áp dụng và kết quả thực hiện đối với động vật tại cơ sở.
3. Biện pháp và kết quả xử lý đối khu vực nuôi trồng thủy sản (vệ sinh, tiêu độc, khử trùng,...).
4. Biện pháp và kết quả kiểm soát tác nhân gây bệnh đối với con người, phương tiện, nước thải, chất thải trong chăn nuôi.
5. Kết quả điều tra truy xuất nguồn bệnh xuất hiện tại cơ sở.
6. Kết quả thực hiện báo cáo dịch bệnh.

Ghi chú: Biên bản và báo cáo kết quả xử lý dịch bệnh trong trường hợp có động vật dương tính với tác nhân gây bệnh - cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại cơ sở

Phụ lục XII

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

2. Mẫu giấy chứng nhận do Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh cấp

Logo của Chi cục

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ NÔNG NGHIỆP/TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CHI CỤC

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
CHỨNG NHẬN

Cơ sở/ vùng:

Địa chỉ:

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh:

....., ngày..... tháng năm

Số: /QĐ-CNTY-ATDB (Số:.....)

Giấy chứng nhận này có giá trị đến

CHI CỤC TRƯỞNG

2. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc thú y nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh;

Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh kiểm tra điều kiện của cơ sở buôn bán thuốc thú y, nếu đủ điều kiện thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra phải cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Thực hiện kiểm tra, đánh giá trực tuyến trong trường hợp do thiên tai hoặc phải áp dụng quy định về phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm mà không thể thực hiện kiểm tra, đánh giá trực tiếp tại hiện trường để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y. Việc đánh giá trực tiếp tại hiện trường sẽ được thực hiện sau khi các địa phương kiểm soát được thiên tai, dịch bệnh theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp;
- Qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp, gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT;
- Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);

- Chứng chỉ hành nghề thú y đối với người quản lý, người trực tiếp buôn bán thuốc thú y (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký).

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 08 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp

tỉnh;

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y theo quy định tại Phụ lục XXVI Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

Giấy chứng nhận có thời hạn 05 năm

g) Phí, lệ phí:

Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000/lần

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đăng ký cấp, gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XX ban hành kèm theo Thông tư 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Có địa điểm, cơ sở vật chất, kỹ thuật phù hợp;

- Người quản lý, người trực tiếp bán thuốc thú y phải có Chứng chỉ hành nghề thú y;

- Có đủ quầy, tủ, giá kệ để chứa, đựng và trưng bày sản phẩm phải đảm bảo chắc chắn, dễ vệ sinh và tránh được những tác động bất lợi của ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm, nấm mốc, động vật gặm nhấm và côn trùng gây hại;

- Có trang thiết bị để bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn của sản phẩm; có nhiệt kế, ẩm kế theo dõi điều kiện bảo quản sản phẩm. Đối với cơ sở buôn bán vắc xin, chế phẩm sinh học phải có tủ lạnh, tủ mát hoặc kho lạnh; có nhiệt kế để kiểm tra điều kiện bảo quản; có máy phát điện dự phòng, vật dụng, phương tiện vận chuyển phân phối vắc xin bảo đảm điều kiện bảo quản ghi trên nhãn sản phẩm;

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý thuốc thú y;

- Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Thông tư số 13/2022/TT-BNNPTNT ngày 28/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung các Thông tư về quản lý thuốc thú y;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

PHỤ LỤC XX

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP, GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU
KIỆN BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP, GIA HẠN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y

Kính gửi: ⁽¹⁾

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y;

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

Tên cơ sở:

Địa chỉ cơ sở:

Số điện thoại:

Fax:

Chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Các loại sản phẩm kinh doanh:

- ☐ Thuốc dược phẩm ☐ Vắc xin, chế phẩm sinh học
☐ Hóa chất ☐ Các loại khác

Đề nghị quý đơn vị tiến hành kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y cho cơ sở chúng tôi.

Hồ sơ gửi kèm (đối với đăng ký kiểm tra lần đầu):

- a) Đơn đăng ký kiểm tra điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y;
- b) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y;
- c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký);
- d) Chứng chỉ hành nghề buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của doanh nghiệp đăng ký).

....., ngày ... tháng năm

Đại diện cơ sở
(ký tên và đóng dấu nếu có)

Ghi chú: (1) Gửi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở buôn bán thuốc thú y; gửi Cục Thú y nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở nhập khẩu thuốc thú y.

PHỤ LỤC XXII

MẪU BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y

Kính gửi: ⁽¹⁾

Tên cơ sở đăng ký kiểm tra:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax: Email:

Loại hình đăng ký kinh doanh:

Xin giải trình điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y, cụ thể như sau:

1. Cơ sở vật chất: (mô tả kết cấu, diện tích quy mô cơ sở, các khu vực trưng bày/bày bán)
2. Trang thiết bị: (nêu đầy đủ tên, số lượng thiết bị phục vụ bảo quản thuốc thú y như tủ, quầy, kệ, âm kế, nhiệt kế, tủ lạnh,.....)
3. Hồ sơ sổ sách: (GCN đăng ký kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, sổ sách theo dõi mua bán hàng,...)
4. Danh mục các mặt hàng kinh doanh tại cơ sở

....., ngày tháng năm

Chủ cơ sở đăng ký kiểm tra

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú: (1) Gửi Cục Thú y nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở nhập khẩu thuốc thú y; gửi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh, nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở buôn bán thuốc thú y.

PHỤ LỤC XXVI

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC THÚ Y
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHI CỤC.....

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC THÚ Y Số:...../GCN-KDT

Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Số điện thoại/Tel: Số Fax/Fax . No:

Chủ cơ sở:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Được công nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đối với: (*)

.....

.....

.....

.....

Giấy chứng nhận đủ điều kiện này có hiệu lực đến: ngày.....tháng.....năm.....

....., ngày tháng năm

CHI CỤC TRƯỞNG

Ghi chú: (*) ghi rõ loại sản phẩm được phép buôn bán như vắc xin, dược phẩm, hóa chất,...

3. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi vận chuyển động vật thủy sản sử dụng làm giống ra khỏi địa bàn cấp tỉnh; động vật thủy sản thương phẩm, sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng công bố dịch ra khỏi địa bàn cấp tỉnh chủ hàng gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch đến cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện được ủy quyền

- Bước 2:

** Kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ cơ sở nuôi trồng thủy sản chưa được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc chưa được giám sát dịch bệnh theo quy định hoặc từ cơ sở thu gom, kinh doanh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh*

- Việc kiểm dịch được thực hiện ngay tại nơi nuôi giữ tạm thời; bể, ao ương con giống của các cơ sở nuôi trồng thủy sản; cơ sở thu gom, kinh doanh.

- Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện kiểm dịch như sau:

+ Kiểm tra số lượng, chủng loại, kích cỡ động vật thủy sản;

+ Kiểm tra lâm sàng;

+ Lấy mẫu kiểm tra các bệnh theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT;

+ Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo;

+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 55 của Luật thú y;

+ Kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp động vật thủy sản giống lên phương tiện vận chuyển;

+ Thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin gồm: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, tên chủ hàng, nơi hàng đến, biên kiểm soát của phương tiện vận chuyển vào 16 giờ 30 phút hàng ngày.

- Trường hợp chỉ tiêu xét nghiệm bệnh dương tính, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định về phòng chống dịch bệnh thủy sản.

** Kiểm dịch động vật thủy sản sử dụng làm giống xuất phát từ các cơ sở nuôi trồng thủy sản an toàn dịch bệnh hoặc được giám sát dịch bệnh vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh*

- Cơ sở phải bảo đảm được công nhận an toàn dịch hoặc được giám sát dịch bệnh đối với các bệnh động vật thủy sản theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

- Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:

+ Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo;

+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 55 của Luật thú y;

+ Kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp động vật thủy sản giống lên phương tiện vận chuyển;

** Kiểm dịch động vật thủy sản thương phẩm xuất phát từ vùng công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh*

- Động vật thủy sản thương phẩm thu hoạch từ cơ sở nuôi không có dịch bệnh trong vùng công bố dịch, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện việc kiểm dịch như sau:

+ Kiểm tra số lượng, chủng loại, kích cỡ động vật thủy sản;

+ Kiểm tra lâm sàng;

+ Lấy mẫu kiểm tra tác nhân gây bệnh đối với động vật thủy sản thương phẩm cảm nhiễm với bệnh được công bố dịch theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT;

- Động vật thủy sản thu hoạch từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch phải được chế biến (xử lý nhiệt hoặc tùy từng loại bệnh có thể áp dụng biện pháp xử lý cụ thể bảo đảm không để lây lan dịch bệnh) trước khi đưa ra khỏi vùng có công bố dịch.

** Kiểm dịch sản phẩm động vật thủy sản xuất phát từ vùng công bố dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh*

- Việc kiểm dịch được thực hiện ngay tại cơ sở sơ chế, chế biến của chủ hàng.

- Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện việc kiểm dịch như sau:

+ Kiểm tra số lượng, chủng loại sản phẩm động vật thủy sản;

+ Kiểm tra việc thực hiện các quy định về sơ chế, chế biến thủy sản trước khi đưa ra khỏi vùng công bố dịch;

+ Kiểm tra tình trạng bao gói, bảo quản, cảm quan đối với sản phẩm động vật thủy sản;

+ Kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo;

+ Thực hiện hoặc giám sát chủ hàng thực hiện việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc phương tiện vận chuyển và các vật dụng kèm theo trước khi xếp hàng lên phương tiện vận chuyển;

+ Kiểm tra, giám sát quá trình bốc xếp sản phẩm động vật thủy sản lên phương tiện vận chuyển; niêm phong phương tiện vận chuyển; thực hiện hoặc giám sát chủ hàng thực hiện việc vệ sinh, khử trùng tiêu độc nơi tập trung, bốc xếp hàng.

Trường hợp sản phẩm động vật thủy sản không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch và tiến hành xử lý theo quy định.

b) Cách thức thực hiện: gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc thư điện tử, fax sau đó gửi hồ sơ gốc hoặc gửi trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Giấy đăng ký kiểm dịch theo mẫu 01 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ

d) Thời hạn giải quyết:

- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật thú y

+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký kiểm dịch, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho chủ hàng về địa điểm và thời gian kiểm dịch

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch, nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thì cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 03 ngày làm việc hoặc không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thì thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp huyện được ủy quyền

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận kiểm dịch

g) Phí, lệ phí:

- Mục III Thông tư số 285/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y

- Phụ lục II Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y kèm theo Thông tư số

283/2016/TT-BTC

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Giấy đăng ký kiểm dịch theo mẫu 01 TS Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

k) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;
- Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản;
- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.
- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 01 TS

**ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT THỦY SẢN
VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số: ĐKKD-VCTS

Kính gửi:

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: E.mail:

Số Chứng minh nhân dân/số Hộ chiếu/số định danh cá nhân:.....Ngày cấp.....Tại.....

Đề nghị được kiểm dịch vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh số hàng sau:

TT	Tên thương mại	Tên khoa học	Kích thước cá thể/Dạng sản phẩm ⁽¹⁾	Số lượng/ Trọng lượng
			Tổng số	

Tổng số viết bằng chữ:.....

Mục đích sử dụng:.....

Quy cách đóng gói/bảo quản: Số lượng bao gói:

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống/nuôi trồng/sơ chế, chế biến/ bảo quản:

Mã số cơ sở (nếu có):.....

Điện thoại: Fax: E.mail:

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E.mail:

Nơi đến/nơi thả nuôi cuối cùng:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/Số lượng/Trọng lượng:

2/.....Số lượng/Trọng lượng:.....

3/.....Số lượng/Trọng lượng:.....

Phương tiện vận chuyển:

Địa điểm kiểm dịch:

Thời gian kiểm dịch:

*** Đối với sản phẩm thủy sản xuất phát từ cơ sở nuôi có bệnh đang công bố dịch đề nghị cung cấp bổ sung các thông tin sau đây:**

- Thời gian thu hoạch:.....
- Mục đích sử dụng động vật thủy sản mắc bệnh:.....
- Biện pháp xử lý động vật thủy sản mắc bệnh trước khi vận chuyển:.....

Chúng tôi cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y./.

CÁN BỘ TIẾP NHẬN GIẤY ĐĂNG KÝ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại

Ngày..... tháng..... năm.....

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Kích thước cá thể (đối với thủy sản giống)/Dạng sản phẩm đối với sản phẩm thủy sản);
- Giấy khai báo kiểm dịch được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do tổ chức, cá nhân giữ.

4. Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Trước khi vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh, chủ hàng phải đăng ký kiểm dịch với cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh hoặc Trạm thuộc cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh được ủy quyền (sau đây gọi là cơ quan kiểm dịch động vật nội địa).

Bước 2: Tiến hành kiểm dịch và cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch.

(i) Kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:

** Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y, Cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:*

- + Kiểm tra lâm sàng;
- + Lấy mẫu xét nghiệm bệnh theo quy định tại Mục I của Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPNT và Thông tư số 04/2024/TT-BNNPNT): Mẫu xét nghiệm là mẫu gộp từ 05 mẫu đơn thành 01 mẫu để xét nghiệm tác nhân gây bệnh. Chỉ gộp mẫu đơn cùng loài động vật, cùng lô hàng, cùng một cơ sở chăn nuôi hoặc thu gom, kinh doanh động vật. Trường hợp không thể gộp mẫu để xét nghiệm theo mẫu gộp, xét nghiệm các tác nhân gây bệnh theo mẫu đơn;
- + Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;
- + Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;
- + Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; trường hợp động vật không bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, tiến hành xử lý theo quy định và thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- + Thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biện pháp kiểm soát phương tiện vận chuyển. Thực hiện thông báo ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật vận

chuyển để làm giống, tổng hợp thông báo theo tuần đối với động vật vận chuyển để giết mổ.

** Đối với động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT), cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:*

- + Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;
- + Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển động vật;
- + Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch;
- + Thông báo cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biện pháp kiểm soát phương tiện vận chuyển. Thực hiện thông báo ngay sau khi cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch đối với động vật vận chuyển để làm giống, tổng hợp thông báo theo tuần đối với động vật vận chuyển để giết mổ.

(ii) Kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

** Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y, cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:*

- + Kiểm tra thực trạng hàng hóa; điều kiện bao gói, bảo quản sản phẩm động vật;
- + Lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT;
- + Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;
- + Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;
- + Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch nếu đáp ứng yêu cầu kiểm dịch; trường hợp kéo dài hơn 05 ngày làm việc cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do; trường hợp sản phẩm động vật không bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y, cơ quan kiểm dịch động vật không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch, tiến hành xử lý theo quy định và thông báo, trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;
- + Tổng hợp thông báo theo tuần cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm

dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biên kiểm soát phương tiện vận chuyển.

** Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT; từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y; cơ quan kiểm dịch động vật nội địa thực hiện như sau:*

+ Niêm phong, kẹp chì phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;

+ Hướng dẫn, giám sát chủ hàng thực hiện tiêu độc khử trùng phương tiện chứa đựng, vận chuyển sản phẩm động vật;

+ Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch;

+ Tổng hợp thông báo theo tuần cho cơ quan kiểm dịch động vật nội địa nơi đến qua thư điện tử hoặc fax các thông tin sau đây: Số Giấy chứng nhận kiểm dịch, ngày cấp, loại hàng, số lượng hàng, mục đích sử dụng, biên kiểm soát phương tiện vận chuyển.

b) Cách thức thực hiện: không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ: Giấy đăng ký theo Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024)

* Số lượng hồ sơ: Không quy định

d) Thời hạn giải quyết:

(i) Kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh:

** Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch.*

** Đối với động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT): Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.*

(ii) Kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh

** Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch.*

** Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh theo quy định tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.*

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh hoặc Trạm thuộc cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh được ủy quyền

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo Mẫu 12a Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT trong trường hợp Cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh không thực hiện việc ủy quyền kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh;

- Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo Mẫu 12b Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT trong trường hợp Cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh thực hiện việc ủy quyền kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh;

- Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo Mẫu 12c Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT trong trường hợp Cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh không thực hiện việc ủy quyền kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh;

- Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh theo Mẫu 12d Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT trong trường hợp Cơ quan có chức năng quản lý chuyên ngành chăn nuôi và thú y cấp tỉnh thực hiện việc ủy quyền kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.

h) Phí, lệ phí:

- Phí kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Giấy đăng ký theo Mẫu 1 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật Thú y ngày 19/6/2015;

- Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 35/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016;

- Thông tư số 09/2022/TT-BNNPTNT ngày 19/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn;

- Thông tư số 04/2024/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn.

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN
RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số:/ĐK-KDDV

Kính gửi:

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Số Hộ chiếu/Số định danh cá nhân: Cấp ngày/...../.....
tại

Điện thoại:Fax:Email:

Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I/ ĐỘNG VẬT:

Loại động vật	Giống	Tuổi	Tính biệt		Mục đích sử dụng
			Đực	Cái	
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Tình trạng sức khỏe động vật:

Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:
..... theo Quyết định số/.....ngày...../...../.....của
..... (1)(nếu có).

Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau (nếu có):

1/Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

2/Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

3/Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

4/Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

5/Kết quả xét nghiệm số...../.....ngày...../...../.....

Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau (loại vắc xin, nơi sản xuất):

1/tiêm phòng ngày...../...../.....

2/tiêm phòng ngày...../...../.....

3/tiêm phòng ngày...../...../.....

4/tiêm phòng ngày...../...../.....

5/tiêm phòng ngày...../...../.....

II/ SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

Tên hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (2)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số/.....ngày...../...../.....của(3)..... (nếu có).

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Điện thoại:Fax:

III/ CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:

Nơi đến (cuối cùng):

Phương tiện vận chuyển:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/Số lượng:Khối lượng:

2/Số lượng:Khối lượng:

3/Số lượng:Khối lượng:

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển:

Các vật dụng khác liên quan kèm theo:

Các giấy tờ liên quan kèm theo:

Địa điểm kiểm dịch:

Thời gian kiểm dịch:

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Đăng ký tại.....

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

Ngàythángnăm

..... vào hồigiờ..... ngày/...../.....

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Vào sổ đăng ký số..... ngày/...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Đơn đăng ký được làm 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;
- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;
- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.
- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,....
- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

**TÊN CƠ QUAN KIỂM
DỊCH ĐỘNG VẬT...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN
CẤP TỈNH**

Số:/CN-KDDV

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: Email:

Vận chuyển số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi (1)	Tính biệt		Số lượng (con)	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Nơi đến cuối cùng:

Phương tiện vận chuyển: Biển kiểm soát:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng:

2/ Số lượng:

3/ Số lượng:

Các vật dụng khác có liên quan:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh:
..... tại kết quả xét nghiệm số:/.....

ngày/...../..... của (2)(gửi kèm bản sao, nếu có).

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:

-tiêm phòng ngày//.....
-tiêm phòng ngày//.....
-tiêm phòng ngày//.....
-tiêm phòng ngày//.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằngnồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày:/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cấp tại, ngày/...../.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(1): Đối với động vật làm giống.

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

**TÊN CƠ QUAN KIỂM
DỊCH ĐỘNG VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN
RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số:/CN-KĐĐV-UQ

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại: Fax: Email:

Vận chuyển số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi (1)	Tính biệt		Số lượng (con)	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số (viết bằng chữ):

Nơi xuất phát:

Nơi đến cuối cùng:

Phương tiện vận chuyển: Biển kiểm soát:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/ Số lượng:

2/ Số lượng:

3/ Số lượng:

Các vật dụng khác có liên quan:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:

2/ Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;

3/ Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh:

..... tại kết quả xét nghiệm số:/

ngày// của (2)(gửi kèm bản sao, nếu có).

4/ Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:

-tiêm phòng ngày//.....
-tiêm phòng ngày//.....
-tiêm phòng ngày//.....
-tiêm phòng ngày//.....

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằngnồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày:/...../.....

Cấp tại, ngày/...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1): Đối với động vật làm giống.

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

**TÊN CƠ QUAN KIỂM
DỊCH ĐỘNG VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA
KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số:/CN-KDSPĐV

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại:Fax:Email:

Vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (1)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):

Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản:

Địa chỉ:

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:Email:

Nơi đến cuối cùng:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/Số lượng:Khối lượng:

2/Số lượng:Khối lượng:

3/Số lượng:Khối lượng:

Phương tiện vận chuyển:Biển kiểm soát

Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển:

Các vật dụng khác có liên quan:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

1/ Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh; xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và được giết mổ, sơ chế, bảo quản bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;

2/ Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số:/..... ngày/...../..... của(2).....(gửi kèm bản sao, nếu có).

3/ Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau:
.....

4/ Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằngnồng độ (nếu có).

5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằngnồng độ

Giấy có giá trị đến ngày:/...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cấp tại, ngày/...../.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(1): Số lượng kiện, thùng, hộp, ...

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

**TÊN CƠ QUAN KIỂM
DỊCH ĐỘNG VẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT
VẬN CHUYỂN RA KHỎI ĐỊA BÀN CẤP TỈNH**

Số:/CN-KDSPĐV-UQ

Họ tên chủ hàng (hoặc người đại diện):

Địa chỉ giao dịch:

Điện thoại:Fax:Email:

Vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (1)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số (viết bằng chữ):

Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản:

Địa chỉ:

Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:

Địa chỉ:

Điện thoại:Fax:Email:

Nơi đến cuối cùng:

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có):

1/Số lượng:Khối lượng: ..

2/Số lượng:Khối lượng: ..

3/Số lượng:Khối lượng: ..

Phương tiện vận chuyển:Biên kiểm soát

Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển:

Các vật dụng khác có liên quan:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:

- 1/ Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh; xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và được giết mổ, sơ chế, bảo quản bảo đảm các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;
- 2/ Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số:/..... ngày/...../..... của(2).....(gửi kèm bản sao, nếu có).
- 3/ Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau:
.....
- 4/ Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằngnồng độ (nếu có).
- 5/ Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằngnồng độ

Giấy có giá trị đến ngày:/...../.....

Cấp tại, ngày/...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1): Số lượng kiện, thùng, hộp, ...

(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

5. Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Gửi hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân) không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT chỉ đạo cơ quan chuyên môn, tổ chức lập hồ sơ đăng ký công nhận vùng an toàn dịch bệnh và gửi đến Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh.

Bước 2: Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh tiếp nhận và thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh thông báo cho Ủy ban nhân dân về kế hoạch đánh giá thực tế tại vùng. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân để hoàn thiện.

Bước 3: Thành lập đoàn đánh giá và đi kiểm tra

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thẩm định xong nội dung của hồ sơ, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh tổ chức Đoàn đánh giá và thực hiện đánh giá tại vùng.

Bước 4: Đánh giá tại vùng

- Đánh giá trực tiếp tại vùng:
- + Đánh giá mức độ đáp ứng các quy định tại các Điều 22, 23 và Điều 25 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;
- + Kiểm tra việc quản lý thông tin, dữ liệu và hệ thống truy xuất nguồn gốc theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;
- + Lấy mẫu để xét nghiệm nếu phát hiện động vật có dấu hiệu nghi mắc bệnh hoặc không đảm bảo điều kiện an toàn sinh học;
- + Lập biên bản và thông báo kết quả đánh giá cho Ủy ban nhân dân, đồng thời báo cáo kết quả đánh giá bằng văn bản cho lãnh đạo Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y;
- + Thống nhất với Ủy ban nhân dân về thời gian, nội dung khắc phục sai lỗi với các trường hợp không đạt yêu cầu.
- Trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh lây lan sang người hoặc dịch bệnh động vật nguy hiểm phải công bố dịch theo quy định của pháp luật về thú y, thực hiện đánh giá như sau:
- + Áp dụng hình thức đánh giá trực tuyến đối với vùng đáp ứng yêu cầu về nguồn lực, phương tiện kỹ thuật thực hiện (máy tính, đường truyền internet, ứng dụng phần mềm, máy ghi âm, ghi hình).
- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin, dữ liệu, tài liệu, hình ảnh, hồ sơ cung cấp cho Đoàn đánh giá;
- + Trường hợp cần thiết, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y tổ chức đánh giá trực tiếp tại vùng sau khi thiên tai, dịch bệnh đã được kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Bước 5: Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật

- Trường hợp vùng không phải khắc phục sai lỗi: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc đánh giá tại vùng hoặc kể từ ngày nhận kết quả xét nghiệm bệnh, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận cho vùng đạt yêu cầu và bổ sung tên vùng vào danh sách cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật; trường hợp vùng có kết quả đánh giá không đạt yêu cầu Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh có văn bản trả lời nêu rõ lý do.
- Trường hợp vùng phải khắc phục sai lỗi: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được Báo cáo khắc phục sai lỗi, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh tiếp nhận và thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh theo quy định. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, thông báo bằng văn bản cho chủ cơ sở để hoàn thiện.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;

- Bản mô tả thông tin về vùng đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

Đối với trường hợp vùng phải thực hiện khắc phục nếu kiểm tra thực tế tại cơ sở không đạt yêu cầu theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 29 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT, thành phần hồ sơ bao gồm báo cáo khắc phục sai lỗi.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày;

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày không kể thời gian vùng thực hiện khắc phục;

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại mục 2 Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí:

- Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần (căn cứ khoản 1 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y).

- Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;

- Bản mô tả thông tin về vùng đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh động

vật theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Vùng chăn nuôi do Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản xác định và đề nghị Ủy ban nhân dân nơi đăng ký công nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật quyết định và chỉ đạo tổ chức xây dựng;

- Hoạt động phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh động vật, kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trong vùng phải bảo đảm có đủ nguồn lực để kiểm soát được dịch bệnh theo quy định của pháp luật về thú y;

- Có biện pháp kiểm soát đối với động vật, sản phẩm động vật, phương tiện vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trước khi vào vùng an toàn dịch bệnh động vật nhằm giảm thiểu nguy cơ tác nhân gây bệnh xâm nhiễm, lây lan trong vùng;

- Có kế hoạch và tổ chức thực hiện các biện pháp an toàn sinh học và ứng phó dịch bệnh theo quy định tại Điều 5 và Điều 8 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;

- Các cơ sở giết mổ động vật, chợ kinh doanh, cơ sở thu gom động vật mắc cảm với bệnh đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh trong vùng phải được Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y giám sát và tuân thủ quy định của pháp luật về thú y.

- Có kế hoạch và tổ chức thực hiện giám sát dịch bệnh động vật theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

- Không xảy ra dịch bệnh động vật: Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT, cụ thể:

- + Không có ca bệnh của bệnh đăng ký công nhận an toàn trong ít nhất 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký.

- + Có kết quả giám sát đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

- Hoạt động thú y tại vùng được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y;

- Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật.

Phụ lục II
MẪU VĂN BẢN ĐĂNG KÝ
CÔNG NHẬN VÙNG AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

ỦY BAN NHÂN DÂN.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

V/v đăng ký công nhận vùng an
toàn dịch bệnh động vật

Kính gửi: *(Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản).*

Thực hiện quy định tại Thông tư số /2022/TT-BNNPTNT ngày tháng
năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ
sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/huyện/tỉnh đề
nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh.

1. Đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh

(Ghi rõ tên bệnh và tên loài động vật nuôi đăng ký công nhận an toàn).

2. Thị trường tiêu thụ

(Ghi rõ thị trường tiêu thụ: Nội địa, xuất khẩu, hỗn hợp).

3. Hồ sơ đăng ký

(Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH....
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục IV

BẢN MÔ TẢ THÔNG TIN VỀ VÙNG ĐĂNG KÝ CÔNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT *(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

A. BẢN MÔ TẢ THÔNG TIN VỀ VÙNG ĐĂNG KÝ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....., ngày tháng.....năm.. ..

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên vùng (tên xã/huyện/tỉnh):

Người đại diện Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

Mô tả về các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của vùng; tình hình chăn nuôi và dịch bệnh động vật trong vùng, hệ thống thú y.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH AN TOÀN SINH HỌC

Nội dung chính bao gồm:

1. Các biện pháp chủ động phòng bệnh cho động vật nuôi theo quy định hiện hành.
2. Xác định các mối nguy (*liệt kê các mối nguy theo điều kiện tự nhiên và xã hội tại vùng*), phân tích nguy cơ.
3. Các biện pháp kiểm soát, ngăn chặn nguy cơ tác nhân gây bệnh có thể xâm nhiễm từ ngoài vào hoặc lây lan bên trong vùng.
4. Kết quả thực hiện quy trình an toàn sinh học (*đánh giá kết quả theo từng quy trình và đánh giá hiệu quả việc thực hiện các quy trình*).
5. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch trong quá trình triển khai thực hiện (*nếu có*).

Ghi chú: Vùng cung cấp kế hoạch an toàn sinh học và các tài liệu, số liệu chứng minh việc triển khai tại thời điểm kiểm tra thực tế tại vùng.

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH GIÁM SÁT DỊCH BỆNH

Nội dung chính bao gồm:

1. Mô tả nội dung của kế hoạch giám sát dịch bệnh (bao gồm thời gian bắt đầu giám sát, thiết kế giám sát, ...).

2. Kết quả giám sát bị động (bao gồm thông tin về tổng đàn, tình trạng sức khỏe động vật nuôi, số lượng động vật mắc bệnh, thời gian xảy ra bệnh, số lượng mẫu xét nghiệm và kết quả xét nghiệm, ...).

3. Kết quả giám sát chủ động (bao gồm thông tin về tổng đàn, tần suất, thời gian lấy mẫu, số lượng mẫu, kết quả xét nghiệm, ...).

Ghi chú: Kết quả xét nghiệm, biên bản và báo cáo kết quả xử lý dịch bệnh trong trường hợp có kết quả dương tính với tác nhân gây bệnh - cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại vùng.

IV. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ DỊCH BỆNH

Nội dung chính bao gồm:

1. Các biện pháp đã áp dụng và kết quả xử lý động vật mắc bệnh.

2. Các biện pháp phòng bệnh đã áp dụng và kết quả thực hiện đối với động vật tại vùng.

3. Biện pháp và kết quả kiểm soát tác nhân gây bệnh đối với con người, phương tiện, nước thải, chất thải trong chăn nuôi.

4. Kết quả điều tra truy xuất nguồn bệnh xuất hiện tại vùng.

5. Kết quả thực hiện báo cáo dịch bệnh.

Ghi chú: Kết quả xét nghiệm, biên bản và báo cáo kết quả xử lý dịch bệnh trong trường hợp có kết quả dương tính với tác nhân gây bệnh - cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại vùng.

BẢN MÔ TẢ THÔNG TIN VỀ VÙNG ĐĂNG KÝ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT THỦY SẢN

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên vùng:

Người đại diện Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

Tổng số cơ sở nuôi trong vùng:

Tổng diện tích vùng nuôi:

Các loài nuôi/sản xuất trong vùng:

Vùng nuôi tiếp giáp với các xã/huyện/tỉnh:

1. Đặc điểm tình hình

Mô tả về các điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của vùng; tình hình nuôi trồng thủy sản, quan trắc môi trường nuôi trồng thủy sản và dịch bệnh động vật thủy sản trong vùng, hệ thống thú y.

2. Kế hoạch xây dựng và quản lý vùng an toàn dịch bệnh

a) Mục đích, yêu cầu

b) Nội dung kế hoạch

c) Giải pháp thực hiện kế hoạch

- Về tổ chức, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra

- Về nguồn lực

- Các biện pháp phòng bệnh

- Giám sát dịch bệnh

- Các giải pháp kỹ thuật khác (các biện pháp xử lý khi có dịch bệnh xảy ra, vệ sinh, khử trùng tiêu độc, kiểm dịch vận chuyển giống động vật, quản lý hoạt động kinh doanh thuốc thú y, quản lý người hành nghề thú y, ...)

- Giải pháp về thông tin, tuyên truyền cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động thú y trên địa bàn; tập huấn cho người nuôi trồng thủy sản, nhân viên thú y xã, công chức, viên chức, người lao động trong hệ thống thú y địa phương về chuyên môn, nghiệp vụ, chủ trương, chính sách, các quy định của nhà nước, các văn bản hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y.

d) Nguồn kinh phí và cơ chế tài chính

đ) Tổ chức thực hiện: Phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị có liên quan để triển khai kế hoạch; tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch.

3. Điều kiện thực tế vùng nuôi trồng thủy sản

a) Mô tả diện tích vùng nuôi (*ghi chi tiết từng hạng mục*); điều kiện cơ sở hạ tầng của vùng kèm theo bản đồ địa lý vùng nuôi, bản vẽ vị trí các cơ sở nuôi trong vùng (đối với loài động vật cảm nhiễm với bệnh đăng ký công nhận an toàn); mô tả hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước trong vùng; hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải trong quá trình nuôi tại vùng; mô tả hệ thống cung ứng vật tư đầu vào cho vùng (*con giống, thức ăn, thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm cải tạo, xử lý môi trường...*); khu vực mua bán động vật thủy sản, ...

b) Mô tả, đánh giá sơ bộ về hệ thống các cơ sở nuôi trong vùng, bao gồm: Điều kiện cơ sở vật chất, mô hình nuôi, công nghệ nuôi; hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải trong quá trình nuôi của cơ sở; hệ thống khử trùng tiêu độc tại các cơ sở; biện pháp ngăn cản/xua đuổi động vật hoang dã tại cơ sở; hệ thống cung ứng vật tư đầu vào cho cơ sở (*con giống, thức ăn, thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm cải tạo, xử lý môi trường,...*).

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH AN TOÀN SINH HỌC

1. Thông tin chung về kế hoạch an toàn sinh học

- a) Kế hoạch an toàn sinh học của vùng
(*Ghi rõ mục tiêu; số lượng các quy trình an toàn sinh học*)
- b) Xác định các mối nguy tác nhân gây bệnh có thể xâm nhập vào vùng
(*Liệt kê các mối nguy theo điều kiện tự nhiên và xã hội tại vùng*)
- c) Danh sách các quy trình an toàn sinh học tại vùng
(*Danh sách này phải phù hợp với các mối nguy tại điểm b nêu trên*)
- d) Số lượng cơ sở nuôi trồng thủy sản trong vùng có xây dựng, ban hành và thực hiện kế hoạch an toàn sinh học
(*Ghi rõ số lượng, tỷ lệ cơ sở có thực hiện kế hoạch an toàn sinh học*)
- đ) Tổ chức thực hiện kế hoạch an toàn sinh học
(*Phân công nhiệm vụ, cách thức tổ chức thực hiện các quy trình chung của vùng; ghi chép, quản lý thông tin chung tại vùng*).

2. Kết quả thực hiện

Nội dung chính bao gồm kết quả triển khai các nội dung quy định tại Điều 5 Thông tư này; cụ thể:

1. Các biện pháp chủ động phòng bệnh cho động vật nuôi theo quy định hiện hành (như sử dụng vắc xin, ...).
2. Kết quả thực hiện các quy trình an toàn sinh học kiểm soát, ngăn chặn nguy cơ tác nhân gây bệnh có thể xâm nhiễm từ ngoài vào hoặc lây lan bên trong vùng (*đánh giá kết quả theo từng quy trình và đánh giá hiệu quả việc thực hiện các quy trình*).
3. Rà soát, điều chỉnh kế hoạch trong quá trình triển khai thực hiện (*nếu có*).

Ghi chú: Vùng cung cấp kế hoạch an toàn sinh học và các tài liệu, số liệu chứng minh việc triển khai tại thời điểm kiểm tra thực tế tại vùng.

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH GIÁM SÁT DỊCH BỆNH

1. Tình hình sản xuất, nuôi trồng thủy sản

a) Tình hình sản xuất, nuôi trồng thủy sản trong thời gian giám sát

- Tổng diện tích nuôi tổng diện tích của vùng

- Tổng số lượng cơ sở: (cơ sở). Trong đó số lượng:

☐ Sản xuất giống:(cơ sở) ☐ Thương phẩm:(cơ sở)

☐ Ương dưỡng giống: (cơ sở) ☐ Khác(cơ sở)

- Tổng số lượng cơ sở nuôi trồng thủy sản: (cơ sở)

- Tổng số lượng ao/bể :.....

- Tổng số lượng thủy sản:

+ Thủy sản bố mẹ: (con)

+ Thủy sản thương phẩm: (con)

+ Thủy sản giống: (con)

+ Trứng: (.....)

b) Tổng số lượng thủy sản nhập vào vùng nuôi

- Thủy sản bố mẹ: Số con số lần nhập
- Thủy sản giống: Số con số lần nhập
- Trứng thủy sản: Số lượng số lần nhập

c) Tổng số lượng/khối lượng thủy sản sản xuất

- Tổng số lượng thủy sản giống sản xuất: (con hoặc kg)
- Tổng số lượng/khối lượng thủy sản xuất bán: (con hoặc kg)
- Tổng số lượng/khối lượng thủy sản bị tiêu hủy: (con hoặc kg)

2. Thông tin chung về giám sát chủ động

Ghi rõ thời gian giám sát (ngày, tháng, năm)

Bệnh được giám sát (ghi rõ tên từng bệnh)

Mô tả về thiết kế giám sát dịch bệnh đối với cấp cơ sở, cấp ao của mỗi cơ sở được lựa chọn giám sát; tần suất lấy mẫu giám sát; tổng số cơ sở được giám sát; tổng số lần lấy mẫu; tổng số mẫu đơn đã lấy (ghi rõ tên và số lượng từng loại mẫu, bao gồm: động vật thủy sản; mẫu môi trường; mẫu thức ăn tươi sống; vật chủ trung gian tự nhiên; mẫu khác); mẫu xét nghiệm (ghi rõ tên và số lượng mẫu đơn, mẫu gộp), ...

- Số lượng ao/bể được lấy mẫu như sau:

Số lần lấy mẫu	Ngày tháng năm lấy mẫu	Số lượng cơ sở nuôi tại thời điểm lấy mẫu	Số lượng cơ sở được giám sát	Tổng số lượng ao của các cơ sở được giám sát	Số lượng ao/bể được chọn giám sát	Số lượng mẫu lấy xét nghiệm		
						Thủy sản	Môi trường	(Ghi rõ từng loại mẫu khác)
1								
2								
Tổng cộng								

3. Kết quả giám sát dịch bệnh

a) Kết quả giám sát bị động (bao gồm thông tin về tổng đàn, tình trạng sức khỏe động vật nuôi, số lượng động vật mắc bệnh, thời gian xảy ra bệnh, số lượng mẫu xét nghiệm và kết quả xét nghiệm, ...).

- Ghi rõ nội dung theo dõi sức khỏe thủy sản tại các cơ sở trong vùng (số lượng thủy sản chết; tiêu thụ thức ăn; sử dụng thuốc hóa chất; các chỉ tiêu môi trường nuôi; số lượng và tỷ lệ cơ sở thiệt hại do bệnh; số lượng và tỷ lệ ao/bể thiệt hại do bệnh; thời gian xảy ra bệnh (ngày, tháng năm theo từng bệnh)); loài thủy sản bị mắc bệnh, tuổi mắc bệnh; tổng lượng thủy sản chết/thiệt hại, ...

- Ghi rõ tổng số lần lấy mẫu, số lượng mẫu lấy khi thủy sản chết; số mẫu dương tính với bệnh đăng ký xây dựng an toàn dịch bệnh, ...

b) Giám sát chủ động (bao gồm thông tin về tổng đàn, tần suất, thời gian lấy mẫu, số lượng mẫu, kết quả xét nghiệm, ...).

- Ghi rõ kết quả giám sát đối với từng bệnh (tổng số cơ sở giám sát, tổng số cơ sở dương tính, tỷ lệ cơ sở dương tính; tổng số mẫu xét nghiệm, tổng số mẫu dương tính, tỷ lệ mẫu dương tính; thời gian lấy mẫu đối với mẫu cho kết quả dương tính; tác nhân gây bệnh được phát hiện

tại cơ sở (ghi tên, địa chỉ của cơ sở)); ghi rõ loại mẫu dương tính, tuổi thủy sản bị nhiễm tác nhân gây bệnh, ...

- Mô tả biện pháp xử lý tại cơ sở.

Bảng tổng hợp dữ liệu cơ sở dương tính với tác nhân gây bệnh

Số lần lấy mẫu	Ngày, tháng, năm	Tên bệnh	Loại mẫu dương tính	Số cơ sở dương tính (*)	Đối tượng nuôi	Tuổi thủy sản	Số mẫu dương tính	Biện pháp xử lý

* Đối với từng cơ sở dương tính, liệt kê và ghi rõ tên cơ sở, địa chỉ, đối tượng nuôi, loại mẫu dương tính, tuổi thủy sản.

Ghi chú: Kết quả xét nghiệm, biên bản và báo cáo kết quả xử lý dịch bệnh trong trường hợp có kết quả dương tính với tác nhân gây bệnh - cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại vùng.

IV. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH ỨNG PHÓ DỊCH BỆNH

1. Diễn biến dịch bệnh tại vùng

Mô tả cụ thể trong thời gian triển khai xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, vùng đã xảy ra dịch bệnh gì và đã tổ chức ứng phó dịch bệnh như thế nào, cụ thể:

- Vùng xảy ra bệnh tại cơ sở, với tổng số lần xảy ra bệnh trong thời gian giám sát:(lần).
- Tổng số lần xảy ra bệnh không thuộc danh sách các bệnh đăng ký an toàn dịch bệnh:(lần).
- Tổng số ao/bể xảy ra bệnh:
- Tổng số/khối lượng thủy sản xử lý do dịch bệnh xảy ra:
- Diễn biến bệnh tại vùng cụ thể như sau:

Tên bệnh	Thời gian phát hiện bệnh (ngày, tháng, năm)	Tên thủy sản bị bệnh	Lứa tuổi	Số cơ sở xảy ra bệnh	Số ao/bể bị bệnh	Số lượng thủy sản phải xử lý (kg)	Thời gian xử lý xong bệnh (ngày, tháng, năm)

2. Kết quả ứng phó dịch bệnh

a) Đối với cơ sở bị bệnh

Mô tả các biện pháp và kết quả xử lý đối với ao/ bể bị bệnh (xử lý thủy sản mắc bệnh; thức ăn tươi sống nhiễm tác nhân gây bệnh (nếu có); đối với nước ao/bể nuôi bị bệnh; đối với công cụ dùng cho ao/bể nuôi bị bệnh; đối với bảo hộ lao động, công cụ dụng cụ vận chuyển, xử lý ao/bể bị bệnh; công tác vệ sinh khử trùng khu vực bị bệnh và cơ sở bị bệnh; xử lý đối với hệ thống nước cấp, nước thoát, khu vực nước thải).

b) Đối với cơ sở không bị bệnh (nêu rõ từng biện pháp áp dụng đối với các cơ sở này nhằm nâng cao khả năng bảo vệ, ngăn chặn sự xâm nhập dịch bệnh từ bên ngoài vào cơ sở, các giải

pháp mang tính bao quát vùng như: Kiểm soát vận chuyển thủy sản, thức ăn tươi sống, ... ra, vào vùng; quản lý động vật hoang dã tại các cơ sở; khử trùng tiêu độc; quản lý người ra vào tại các cơ sở).

3. Kết quả điều tra, truy xuất, xác định nguồn bệnh xuất hiện tại vùng *(mô tả việc điều tra, xác minh ổ dịch)*

4. Các biện pháp phòng, chống dịch bệnh áp dụng đối với vùng

5. Công tác báo cáo, phối hợp với Cơ quan thú y

Ghi chú: Kết quả xét nghiệm, biên bản và báo cáo kết quả xử lý dịch bệnh trong trường hợp có kết quả dương tính với tác nhân gây bệnh - cung cấp tại thời điểm kiểm tra thực tế tại vùng.

Phụ lục XII

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

2. Mẫu giấy chứng nhận do Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh cấp

Logo của Chi cục

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ NÔNG NGHIỆP/TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CHI CỤC

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

CHỨNG NHẬN

Cơ sở/ vùng:

Địa chỉ:

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh:

....., ngày..... tháng năm

Số:/QĐ-CNTY-ATDB (Hoặc Số:...../QĐ-....)

Giấy chứng nhận này có giá trị đến

CHI CỤC TRƯỞNG

6. Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y (cấp tỉnh)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y trên các phương tiện: Báo chí, trang thông tin điện tử, thiết bị điện tử, thiết bị đầu cuối và các thiết bị viễn thông khác, các sản phẩm in, bản ghi âm, ghi hình và các thiết bị công nghệ khác của địa phương; Bảng quảng cáo, băng-rôn, biển hiệu, hộp đèn, màn hình chuyên quảng cáo; Phương tiện giao thông; Hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hóa, thể thao; Người chuyển tải sản phẩm quảng cáo, vật thể quảng cáo; Các phương tiện quảng cáo khác theo quy định của pháp luật nộp hồ sơ đến Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh .

- Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký biết để hoàn thiện đối với những trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu;

- Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y. Trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do không cấp.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XLII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

- Bản sao chụp giấy chứng nhận đăng ký thuốc thú y;

- Sản phẩm quảng cáo (nội dung, hình thức quảng cáo được thể hiện bằng hình ảnh, âm thanh, tiếng nói, chữ viết, biểu tượng, màu sắc, ánh sáng và các hình thức tương tự);

- Danh sách báo cáo viên ghi đầy đủ thông tin về bằng cấp chuyên môn hoặc chức danh khoa học của báo cáo viên đối với trường hợp hội chợ, hội thảo, hội nghị, tổ chức sự kiện, triển lãm, chương trình văn hóa, thể thao (đóng dấu xác nhận của Doanh nghiệp).

*** Số lượng hồ sơ: 01 bộ**

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y

g) Phí, lệ phí: 900.000 đồng/giấy

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

- Đơn đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XLII ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT;

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

PHỤ LỤC XLII

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC THÚ Y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC THÚ Y

Kính gửi: ⁽¹⁾

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Fax: E-mail:

Số giấy phép hoạt động:

Họ tên và số điện thoại người chịu trách nhiệm đăng ký hồ sơ:

Kính đề nghị xem xét và xác nhận nội dung quảng cáo đối với thuốc thú y sau:

TT	Tên thuốc thú y	Giấy chứng nhận đăng ký	Phương tiện quảng cáo

Các tài liệu gửi kèm:

1

2
3

Chúng tôi cam kết sẽ quảng cáo đúng nội dung được xác nhận, tuân thủ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật trên và các quy định khác của pháp luật về quảng cáo. Nếu quảng cáo sai nội dung được xác nhận chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện tổ chức, cá nhân
(ký tên và đóng dấu nếu có)

Ghi chú: (1) Gửi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nếu đăng ký quảng cáo tại địa phương; gửi Cục Chăn nuôi và Thú y nếu đăng ký quảng cáo toàn quốc.

PHỤ LỤC XLIII

MẪU GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC THÚ Y
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TÊN CƠ QUAN XÁC **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
NHẬN NỘI DUNG QUẢNG
CÁO THUỐC THÚ Y

(Địa danh), ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO THUỐC THÚ Y

Số: /20... /XNQC-ký hiệu viết tắt của cơ quan có thẩm quyền

(Tên cơ quan có thẩm quyền)..... xác nhận:

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận nội dung quảng cáo:

Địa chỉ:

Số điện thoại:Fax: E-mail:
.....

Có nội dung quảng cáo ⁽¹⁾ các thuốc thú y trong bảng dưới đây phù hợp với quy định hiện hành.

TT	Tên thuốc thú y	Giấy chứng nhận lưu hành	Phương tiện quảng cáo

--	--	--	--

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quảng cáo thuốc thú y đúng nội dung đã được xác nhận.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1). Nội dung quảng cáo được đính kèm Giấy xác nhận này.

7. Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y nhưng bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan có nhu cầu cấp lại Chứng chỉ hành nghề nộp hồ sơ cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh

- Bước 2: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ quyết định việc cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y; trường hợp không cấp lại phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp lại;

- Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.

- 02 ảnh 4x6.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề thú y

Chứng chỉ hành nghề thú y có giá trị trong thời hạn 05 năm.

g) Phí, lệ phí: 50.000 đồng/CCHN

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: không

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý: - Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

8. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Gửi hồ sơ

Chủ cơ sở đăng ký cấp lại Giấy nhận an toàn dịch bệnh động vật không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT gửi hồ sơ đến Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh. Đối với cơ sở đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận do Giấy chứng nhận hết hiệu lực thì chủ cơ sở gửi hồ sơ trong khoảng thời gian 03 tháng trước khi hết hiệu lực của Giấy chứng nhận.

Các cơ sở thuộc diện cấp lại gồm:

+ Cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực theo quy định (sau 05 năm kể từ ngày cấp);

+ Cơ sở có Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin về cơ sở trên Giấy chứng nhận;

+ Cơ sở không thực hiện các biện pháp duy trì điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh theo quy định hoặc không thực hiện khắc phục sai lỗi theo kết quả kiểm tra của Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y hoặc cung cấp hồ sơ, dữ liệu không chính xác trong trường hợp áp dụng hình thức đánh giá trực tuyến tại cơ sở (theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 18 Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT) đã thực hiện các biện pháp khắc phục sai lỗi và thực hiện các biện pháp duy trì điều kiện an toàn dịch bệnh;

+ Cơ sở xảy ra bệnh hoặc phát hiện tác nhân gây bệnh đã được công nhận an toàn (theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT); đã xử lý dịch bệnh theo quy định và thực hiện giám sát dịch bệnh theo quy định tại Điều 6 Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT.

Bước 2: Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, căn cứ kết quả đánh giá định kỳ hàng năm hoặc báo cáo khắc phục sai lỗi hoặc báo cáo xử lý dịch bệnh và kết quả giám sát dịch bệnh, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận cho cơ sở. Trường hợp không cấp lại, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

** Thành phần hồ sơ:*

- Đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực hoặc cơ sở có Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin về cơ sở trên Giấy chứng nhận: Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

- Đối với cơ sở đã thực hiện các biện pháp khắc phục sai lỗi và thực hiện các biện pháp duy trì điều kiện an toàn dịch bệnh:

+ Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;

+ Báo cáo khắc phục sai lỗi.

- Đối với cơ sở đã xử lý dịch bệnh và thực hiện giám sát dịch bệnh theo quy định:

+ Đơn đăng ký theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;

+ Báo cáo xử lý dịch bệnh và kết quả giám sát dịch bệnh.

** Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại mục 2 Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí:

Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần (căn cứ khoản 2 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y).

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Đơn đăng ký công nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

Phụ lục I

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ

CÔNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ

CÔNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: (Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y)

- 1. Tên cơ sở :**
Địa chỉ:
Điện thoại: **Fax:** **Email:**.....
Cơ sở thuộc trường hợp:
☐ Mới xây dựng, lần đầu có hoạt động
☐ Cơ sở đã hoạt động.....năm, từ năm:
2. Tên chủ cơ sở:
Địa chỉ thường trú:
Điện thoại: **Fax:** **Email:**.....
3. Đăng ký cấp Giấy chứng nhận:
☐ Cấp ☐ Cấp lại, lý do xin cấp lại:
4. Đối tượng nuôi :
5. Loại hình hoạt động:
☐ Sản xuất giống ☐ Nuôi thương phẩm ☐ Làm cảnh
☐ Khác (ghi rõ):
6. Thị trường tiêu thụ: ☐ Nội địa ☐ Xuất khẩu ☐ Hỗn hợp
7. Cơ sở đăng ký công nhận an toàn đối với bệnh:
8. Hồ sơ đăng ký gồm (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định):.....
Tôi xin cam đoan các thông tin trên đây là hoàn toàn chính xác.
Đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh./.

Người làm đơn

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CÔNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: (Cơ quan quản lý chuyên ngành thủy sản)

- 1. Tên cơ sở :**
Địa chỉ:
Điện thoại: **Fax:** **Email:**.....
Cơ sở thuộc trường hợp:
☐ Mới xây dựng, lần đầu có hoạt động
☐ Cơ sở đã hoạt động.....năm, từ năm:
2. Tên chủ cơ sở:
Địa chỉ thường trú:
Điện thoại: **Fax:** **Email:**.....
3. Đăng ký cấp Giấy chứng nhận:
☐ Cấp ☐ Cấp lại, lý do xin cấp lại:
4. Đối tượng nuôi :.....
5. Loại hình hoạt động:
☐ Sản xuất giống ☐ Nuôi thương phẩm ☐ Làm cảnh
☐ Khác (ghi rõ):
6. Thị trường tiêu thụ: ☐ Nội địa ☐ Xuất khẩu ☐ Hỗn hợp
7. Cơ sở đăng ký công nhận an toàn đối với bệnh:
8. Hồ sơ đăng ký gồm (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định):.....
 Tôi xin cam đoan các thông tin trên đây là hoàn toàn chính xác.
 Đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh./.

Người làm đơn

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

Phụ lục XII
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

2. Mẫu giấy chứng nhận do Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh cấp

Logo của Chi cục

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỞ NÔNG NGHIỆP/TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CHI CỤC

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
CHỨNG NHẬN

Cơ sở/ vùng:

Địa chỉ:

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh:

....., ngày..... tháng năm

Số: /QĐ-CNTY-ATDB (hoặc Số: /QĐ-...)

Giấy chứng nhận này có giá trị đến

CHI CỤC TRƯỞNG

9. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh;

- Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh cấp lại; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXI ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

- Tài liệu chứng minh nội dung thay đổi trong trường hợp thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký;

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh;

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận hoặc công văn trả lời

g) Phí, lệ phí: Không quy định

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đăng ký cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y theo mẫu quy định tại Phụ lục XXXI ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thú y; Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y .

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN GMP, GIẤY CHỨNG
NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU
THUỐC THÚ Y**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm
2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

(Địa danh), ngày tháng năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

**Giấy chứng nhận GMP, giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất, buôn bán,
nhập khẩu thuốc thú y**

Kính gửi: ⁽¹⁾

Căn cứ Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y.

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ:

Tên:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Số Fax:

Chúng tôi đề nghị được cấp lại chứng nhận GMP, giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất, buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y: Số.....ngày.....tháng.....năm

Lý do đề nghị cấp lại:

- Bị mất, sai sót, hư hỏng
- Thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký.

Hồ sơ gửi kèm:

- a) Các tài liệu liên quan đến sự thay đổi, bổ sung (nếu có);
- b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đã được cấp, trừ trường hợp bị mất.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Gửi Cục Thú y nếu cơ sở đề nghị cấp lại giấy chứng nhận GMP, giấy chứng nhận đủ Điều kiện sản xuất, nhập khẩu thuốc thú y; gửi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nếu cơ sở đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ Điều kiện buôn bán thuốc thú y.

10. Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Gửi hồ sơ

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký vùng an toàn dịch bệnh động vật (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân) không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT đăng ký cấp lại Giấy nhận an toàn dịch bệnh động vật gửi hồ sơ đến Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh. Đối với vùng đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận do Giấy chứng nhận hết hiệu lực thì Ủy ban nhân dân gửi hồ sơ trong khoảng thời gian 03 tháng trước khi hết hiệu lực của Giấy chứng nhận.

Các vùng thuộc diện cấp lại gồm:

+ Vùng có Giấy chứng nhận hết hiệu lực theo quy định (sau 05 năm kể từ ngày cấp);

+ Vùng có Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận;

+ Vùng không thực hiện các biện pháp duy trì điều kiện an toàn dịch bệnh theo quy định hoặc không thực hiện khắc phục sai lỗi theo kết quả kiểm tra của Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản hoặc cung cấp hồ sơ, dữ liệu không chính xác trong trường hợp áp dụng hình thức đánh giá trực tuyến (theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 31 Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT) đã thực hiện các biện pháp khắc phục sai lỗi và thực hiện các biện pháp duy trì điều kiện an toàn dịch bệnh;

+ Vùng xảy ra bệnh hoặc phát hiện tác nhân gây bệnh đã được công nhận an toàn (theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 31 Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT); đã xử lý dịch bệnh theo quy định và thực hiện giám sát dịch bệnh theo quy định tại Điều 6 Thông tư 24/2022/TT-BNNPTNT.

Bước 2: Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, căn cứ kết quả đánh giá định kỳ hàng năm hoặc báo cáo khắc phục sai lỗi hoặc báo cáo xử lý dịch bệnh và kết quả giám sát dịch bệnh, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh thẩm định và cấp lại Giấy chứng nhận cho vùng. Trường hợp không cấp lại, Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Đối với vùng có Giấy chứng nhận hết hiệu lực hoặc vùng có Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin về cơ sở trên Giấy chứng nhận: Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

- Đối với vùng đã thực hiện các biện pháp khắc phục sai lỗi và thực hiện các biện pháp duy trì điều kiện an toàn dịch bệnh:

+ Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;

+ Báo cáo khắc phục sai lỗi.

- Đối với vùng đã xử lý dịch bệnh và thực hiện giám sát dịch bệnh theo quy định:

+ Văn bản đề nghị theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT;

+ Báo cáo xử lý dịch bệnh và kết quả giám sát dịch bệnh.

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu tại mục 2 Phụ lục XII ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

h) Phí, lệ phí:

Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng/lần (căn cứ khoản 1 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y).

i) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính:

Văn bản đăng ký công nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật theo mẫu phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT.

k) Yêu cầu, điều kiện: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý:

- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật.

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

Phụ lục II
MẪU VĂN BẢN ĐĂNG KÝ
CÔNG NHẬN VÙNG AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

ỦY BAN NHÂN DÂN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

V/v đăng ký công nhận vùng an
toàn dịch bệnh động vật

Kính gửi: *(Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản).*

Thực hiện quy định tại Thông tư số .../2022/TT-BNNPTNT ngày ... tháng ... năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật, Ủy ban nhân dân xã/huyện/tỉnh đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh.

1. Đăng ký công nhận an toàn dịch bệnh

(Ghi rõ tên bệnh và tên loài động vật nuôi đăng ký công nhận an toàn).

2. Thị trường tiêu thụ

(Ghi rõ thị trường tiêu thụ: Nội địa, xuất khẩu, hỗn hợp).

3. Hồ sơ đăng ký

(Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH....
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XII

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

2. Mẫu giấy chứng nhận do Cơ quan quản lý chuyên ngành chăn nuôi, thú y, thủy sản cấp tỉnh cấp

Logo của Chi cục

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**SỞ NÔNG NGHIỆP/TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CHI CỤC**

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

CHỨNG NHẬN

Cơ sở/ vùng:

Địa chỉ:

Được chứng nhận an toàn dịch bệnh đối với bệnh:

....., ngày..... tháng năm

Số: /QĐ-CNTY-ATDB (Hoặc Số: /QĐ-)

Giấy chứng nhận này có giá trị đến

CHI CỤC TRƯỞNG

11. Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cá nhân có nhu cầu cấp Chứng chỉ hành nghề tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y nộp hồ sơ cho cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh

Đối với cá nhân có nhu cầu gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y, nộp hồ sơ trước khi Chứng chỉ hành nghề hết hạn 30 ngày.

- Bước 2: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ quyết định việc cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y; trường hợp không cấp, gia hạn phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký cấp/gia hạn chứng chỉ hành nghề theo Phụ lục 3 Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ;

- Giấy chứng nhận sức khỏe;

- 02 ảnh 4x6.

Đối với trường hợp cấp mới, nộp thêm:

- Văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với từng loại hình hành nghề thú y ;

- Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân;

- Lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền xác nhận (Đối với người nước ngoài);

- Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp (trong trường hợp gia hạn);

* Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới;

- 03 ngày làm việc trong trường hợp gia hạn.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Chứng chỉ hành nghề thú y

- Chứng chỉ hành nghề thú y có giá trị 05 năm.

g) Phí, lệ phí: 50.000 đồng/CCHN

h) Mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính: Đơn đăng ký cấp/gia hạn chứng chỉ hành nghề theo Phụ lục 3 Nghị định 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ;

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người hành nghề chẩn đoán, chữa bệnh, phẫu thuật động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y tối thiểu phải có bằng trung cấp chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc trung cấp nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản. Người hành nghề tiêm phòng cho động vật phải có chứng chỉ tốt nghiệp lớp đào tạo về kỹ thuật do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp tỉnh cấp.

- Người phụ trách kỹ thuật của cơ sở phẫu thuật động vật, khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật phải có bằng đại học trở lên chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản.

- Người buôn bán thuốc thú y phải có bằng trung cấp trở lên chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc trung cấp nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản.

- Chứng chỉ hành nghề thú y về tiêm phòng, chẩn đoán, chữa bệnh, phẫu thuật động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y được sử dụng trong phạm vi cả nước. Cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề không ghi vào Mục địa Điểm hành nghề;

- Chứng chỉ hành nghề thú y của người phụ trách kỹ thuật tại cơ sở phẫu thuật động vật, khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật, buôn bán thuốc thú y được sử dụng trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Người hành nghề phải có đạo đức nghề nghiệp;

- Người hành nghề có đủ sức khỏe hành nghề.

k) Căn cứ pháp lý: - Luật thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội;

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y;

- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y

Kính gửi: Chi cục.....

Tên tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Địa chỉ thường trú:

Bằng cấp chuyên môn:

Ngày cấp:

Nay đề nghị Quý cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề:

- ☐ Tiêm phòng, chữa bệnh, tiểu phẫu (thiến, cắt đuôi) động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y.
- ☐ Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật.
- ☐ Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.
- ☐ Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.

Tại:

Địa chỉ hành nghề:

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm túc những quy định của pháp luật và của ngành thú y.

(**Ghi chú:** Nộp 02 ảnh 4x6)

....., ngày..... tháng năm 20....

Người đứng đơn

Ký

(Ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ
GIA HẠN CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y

Kính gửi: Chi cục

Tên tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Địa chỉ thường trú:

Bằng cấp chuyên môn:

Đã được Chi cục..... cấp Chứng chỉ hành nghề thú y:

- ☐ Tiêm phòng, chữa bệnh, tiểu phẫu (thiến, cắt đuôi) động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y.
- ☐ Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật.
- ☐ Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.
- ☐ Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.

Tại:

Số CCHN:

Ngày cấp:

Nay đề nghị Quý Chi cục cấp gia hạn Chứng chỉ hành nghề trên.

Gửi kèm Chứng chỉ hành nghề hết hạn và 02 ảnh 4x6.

....., ngày..... tháng năm 20....

Người đứng đơn

Ký

(Ghi rõ họ tên)

MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THỦ Y
(Kèm theo Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THỦ Y
--	---

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ CHI CỤC  Ảnh 4x6 SỐ ĐĂNG KÝ/TY-CCHN Chứng chỉ có giá trị đến 	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THỦ Y <i>Căn cứ Luật thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi Tiết một số Điều của Luật thú y; Căn cứ Quyết định số..../QĐ-.....</i> CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC,..... TỈNH/THÀNH PHỐ..... Cấp cho Ông/Bà: Năm sinh: Địa chỉ thường trú: Được phép hành nghề: Tại:, ngày tháng năm 20... CHI CỤC TRƯỞNG
---	---

